

Số: 838/TTr-UBND

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 12 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2021  
và xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2022**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ công văn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư số 4881/BKHĐT – TH ngày 26/7/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch năm 2022; số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021 về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;*

*Xét đề nghị của Liên Sở Kế hoạch và Đầu tư-Tài chính.*

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2021 và xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2022 cụ thể như sau:

**A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**

**I. Tình hình phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công năm 2021**

**1. Tại Nghị quyết số 307/NQ-HĐND, số 309/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2021 số vốn là: 6.689 tỷ đồng, bao gồm:**

- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương là **6.252 tỷ đồng**;
- Nguồn chi đầu tư từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư là **130 tỷ đồng**;
- Nguồn vốn bổ sung từ ngân sách trung ương là **307 tỷ đồng**.

## 2. Kết quả phân bổ, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021

2.1. Thực hiện các Nghị quyết và ý kiến của Thường trực HĐND cấp tỉnh, cấp huyện, đến 30/11/2021, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã ban hành các quyết định phân bổ chi tiết với tổng số vốn là 8.701,51 tỷ đồng, bao gồm:

a. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước là 8.635,217 tỷ đồng, bao gồm:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh (bao gồm cả vốn hỗ trợ có mục tiêu của NSTW và vốn ODA): 3.908,261 tỷ đồng, gồm:

+ Vốn được kéo dài thanh toán sang năm 2021: 4,268 tỷ đồng;

+ Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh thuộc kế hoạch vốn năm 2021: 3.290,737 tỷ đồng;

+ Nguồn vốn ODA: 20 tỷ đồng;

+ Ghi thu, ghi chi dự án BT: 585,856 tỷ đồng;

+ Trả nợ gốc vay: 7,4 tỷ đồng;

- Nguồn vốn đầu tư công ngân sách huyện, xã: **4.726,956 tỷ đồng**;

+ Vốn được kéo dài thanh toán sang năm 2021: 120,613 tỷ đồng;

+ Vốn đầu tư công ngân sách huyện, xã thuộc kế hoạch vốn năm 2021: 4.606,343 tỷ đồng;

b. Vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập dành cho đầu tư: 66,293 tỷ đồng.

### 2.2. Số vốn đầu tư công năm 2021 ngân sách tỉnh chưa phân bổ

a. Nguồn trả nợ công trình quyết toán là 210,566 tỷ đồng, bao gồm: Nguồn trả các dự án đã phê duyệt quyết toán từ nguồn cải cách tiền lương là: 108,178 tỷ đồng; Nguồn tiết kiệm chi bổ sung trả nợ quyết toán được phân bổ tại Nghị quyết số 309/NQ-HĐND là: 102,388 tỷ đồng.

b. Tiền đất cấp tỉnh là 420,4/1.006,3 tỷ đồng. Trong đó: ghi thu, ghi chi dự án BT là 265 tỷ đồng; 6% tiền đất điều tiết về tỉnh là 155,4 tỷ đồng.

c. Nguồn thu hợp pháp cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành đầu tư 63,707 tỷ, do chưa đủ thủ tục đầu tư.

## 3. Kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2021

Tính đến ngày 30/11/2021, vốn đầu tư công toàn tỉnh giải ngân được 6.610,458/8.701,51 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 75,97%; trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước toàn tỉnh giải ngân được 6.607,254/8.635,217 tỷ đồng, đạt 76,52%;

+ Vốn ngân sách tỉnh giải ngân 2.842,003/3.908,261 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 72,72%;

+ Vốn ngân sách huyện, xã giải ngân 3.765,251/4.726,956 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 79,65%;

- Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: Theo báo cáo của Chủ đầu tư, số vốn giải ngân là 3,204/66,29 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 4,83%.

*(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)*

#### **4. Tình hình điều chuyển vốn đầu tư công năm 2021**

Năm 2021, UBND tỉnh đã ban hành 09 Quyết định điều chuyển kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 với tổng số vốn điều chuyển là 516,5 tỷ đồng. Nguyên nhân điều chuyển vốn đi của các dự án chủ yếu do khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng nên không tổ chức thi công được. Đặc biệt, dự án cầu Phật Tích – Đại Đồng Thành do có kết cấu khó, phức tạp, phải xử lý nhiều vấn đề về kỹ thuật trong quá trình triển khai thực hiện nên tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công thấp, chủ đầu tư đã đề xuất điều chuyển 320/475 tỷ đồng đã phân bổ cho dự án đến các dự án khác. Các dự án có vốn điều chuyển đến đều có tiến độ thực hiện tốt, có khối lượng hoàn thành, nghiệm thu, đảm bảo giải ngân nguồn vốn được điều chuyển đến.

*(Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)*

#### **5. Về đề xuất kéo dài thời gian thanh toán vốn**

Năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện và giải ngân đến ngày 31/01/2022 hết 100% vốn phân bổ theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công số 39/2021/QH14. Đối với trường hợp bất khả kháng, Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép kéo dài thời gian thực hiện nhưng không quá 31/12/2022 đối với ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã).

Do tình hình dịch bệnh Covid-19, một số chủ đầu tư đề xuất kéo dài thời gian thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm 2021 đến hết 31/12/2022.

### **II. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư công năm 2021**

#### **1. Các dự án sử dụng 100% nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý**

Các dự án ngân sách tỉnh quản lý được phân bổ: 2.746,211 tỷ đồng, gồm:

- 77 dự án đã được phê duyệt quyết toán, được phân bổ: 273,824 tỷ đồng;
- 91 dự án hoàn thành chờ quyết toán, được phân bổ: 709.535 tỷ đồng;
- 106 dự án chuyển tiếp tiếp tục thực hiện trong năm 2022 và các năm tiếp theo, được phân bổ: 1.609,353 tỷ đồng;
- 07 dự án khởi công mới, được phân bổ: 169 tỷ đồng (bao gồm 01 dự án khẩn cấp sử dụng nguồn dự phòng ngân sách tỉnh là 25 tỷ đồng).

Năm 2021, khối lượng hoàn thành đạt 2.164,7 tỷ đồng; Số vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư khoảng 8.114,5 tỷ đồng, về tổng thể không thiếu so với khối lượng hoàn thành các dự án.

#### **2. Các dự án có sử dụng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ**

Trên địa bàn tỉnh đang thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Trạm bơm Tri Phương II sử dụng nguồn vốn TPCP (được bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông

thôn quản lý, theo dõi, ngân sách địa phương đối ứng một phần). Đầu năm 2021, dự án được phân bổ 25 tỷ đồng, tuy nhiên, do chưa phê duyệt được phương án giải phóng mặt bằng nên chủ đầu tư đề xuất UBND tỉnh điều chuyển 15 tỷ đồng sang các dự án khác cùng chủ đầu tư, có khối lượng hoàn thành, có khả năng giải ngân.

### **3. Các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ mục tiêu của Trung ương**

Năm 2021, các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương được phân bổ 534,526 tỷ đồng (trong đó, ngân sách trung ương là 287,526 tỷ đồng, ngân sách địa phương đối ứng là: 247 tỷ đồng). Năm 2021, khối lượng hoàn thành các dự án đạt 195 tỷ đồng, lũy kế khối lượng hoàn thành đạt 1.228,8 tỷ đồng. Khối lượng năm 2021 của các dự án sử dụng nguồn vốn trung ương hỗ trợ mục tiêu đạt thấp do các dự án chuyển tiếp từ năm 2020 chuyển sang cơ bản đã hoàn thành (chỉ còn dự án Cầu Phật Tích – Đại Đồng thành đang triển khai thực hiện), các dự án khởi công mới thì mới triển khai các bước chuẩn bị đầu tư. Số vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư khoảng 3.920,3 tỷ đồng, về tổng thể không thiếu so với khối lượng hoàn thành các dự án.

### **4. Các dự án sử dụng nguồn vốn ODA**

Trên địa bàn tỉnh hiện nay, có 01 dự án sử dụng nguồn vốn vay ODA đang triển khai thực hiện là Dự án tăng cường năng lực quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Ninh. Dự án đã được bố trí vốn năm 2021 là 40.000 triệu đồng. Đã giải ngân 211 triệu đồng. Dự kiến giải ngân tiếp theo là 3.776 triệu đồng. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thu hồi nguồn vốn ODA và vốn vay lại không có khả năng giải ngân trong năm 2021.

### **5. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư thuộc cấp huyện quản lý**

Khối lượng hoàn thành của các dự án đầu tư thuộc cấp huyện quản lý trong năm 2021 là 757,2 tỷ đồng, lũy kế khối lượng hoàn thành đạt 4.785,1 tỷ đồng; Số vốn còn thiếu so với khối lượng hoàn thành đến 31/10/2021 khoảng 440,046 tỷ đồng, thiếu so với tổng mức đầu tư khoảng 6.339,688 tỷ đồng.

### **6. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư thuộc cấp xã quản lý**

Khối lượng hoàn thành của các dự án đầu tư thuộc cấp xã quản lý trong năm 2021 là 2.455,355 tỷ đồng, lũy kế khối lượng hoàn thành đạt 14.275,698 tỷ đồng; Số vốn còn thiếu so với khối lượng hoàn thành đến 31/10/2021 khoảng 2.607,024 tỷ đồng, thiếu so với tổng mức đầu tư khoảng 8.065,608 tỷ đồng.

### **7. Các dự án đầu tư theo hình thức PPP**

Thực hiện quy định của Luật PPP, hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có 41 dự án hợp đồng BT và 01 dự án hợp đồng BOT, cụ thể:

- 16 dự án hoàn thành (15 dự án BT, 01 dự án BOT) trong đó, có 09 dự án đã quyết toán công trình BT;

- 25 dự án đã ký hợp đồng, đang triển khai thực hiện với tổng mức đầu tư khoảng 7.795 tỷ đồng;

- 01 dự án đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương tiếp tục triển khai thực hiện theo hình thức BT (Dự án tuyến đường dọc kênh B2) với tổng mức đầu tư khoảng 4.656 tỷ đồng.

*(Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 theo phụ lục 03 đính kèm)*

### **III. Đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021**

#### **1. Kết quả đạt được**

1.1. Thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã kịp thời ban hành các quyết định phân bổ chi tiết vốn đầu tư công theo kế hoạch đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chí quy định của Trung ương và của tỉnh. Kế hoạch đầu tư công được thực hiện công khai, minh bạch, từng bước khắc phục được tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải trước đây (*năm 2021 chỉ xây dựng kế hoạch bố trí vốn khởi công mới 7 công trình thuộc ngân sách địa phương quản lý và 05 công trình sử dụng nguồn vốn trung ương hỗ trợ, tập trung vào các lĩnh vực an ninh trật tự, an sinh xã hội, chăm sóc và khám chữa bệnh cho nhân dân, giáo dục và đào tạo để khắc phục tình trạng quá tải học sinh/lớp học ở khu công nghiệp tập trung, lĩnh vực văn hóa, di tích lịch sử, cách mạng, xử lý nước thải khắc phục ô nhiễm môi trường, tăng cường năng lực quản lý đất đai, tài nguyên, hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông.....*).

1.2. Về công tác đấu thầu: tính đến tháng 11/2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã tổ chức lựa chọn tổng số 187 hồ sơ với 609 gói thầu với tổng giá trị 1.961,3 tỷ đồng, trong đó có 161 gói thầu được lựa chọn theo hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh thông thường và qua mạng, với giá trị: 1.856,38 tỷ đồng. Tỷ lệ đấu thầu qua mạng luôn đảm bảo theo quy định: có 156/161 gói thầu được lựa chọn theo hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh qua mạng, đạt khoảng 96,89% về số lượng gói thầu, tương ứng giá trị 1.101,99 tỷ đồng trên 1.856,38 tỷ đồng, đạt khoảng 59,36% về giá trị các gói thầu.

1.3. Công tác chuẩn bị đầu tư các dự án để xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2022: Căn cứ các Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 và Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021. UBND tỉnh Bắc Ninh và HĐND tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện phê duyệt và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án phù hợp với nguồn vốn dự kiến ngân sách trung ương dự kiến bố trí và cân đối nguồn ngân sách địa phương. Hướng dẫn UBND cấp huyện phê duyệt và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo đúng quy định về phân cấp quản lý ngân sách, dự án, công trình thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm.

1.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản đôn đốc đôn đốc việc đẩy mạnh thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021; đồng thời, tham mưu UBND tỉnh thành lập tổ công tác rà soát, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 theo Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 29/6/2021; Tổ công tác đã tổ chức họp và báo cáo tình hình giải ngân thường xuyên, kịp thời.

## **2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **2.1. Một số tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được là tích cực, trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 vẫn còn một số khó khăn, tồn tại đó là: công tác đền bù, giải phóng mặt bằng ở một số dự án vẫn gặp phải vướng mắc; tiến độ thi công và giải ngân còn chậm, một số dự án chưa thực hiện giải ngân vốn trong 7 tháng đầu năm. Tiến độ lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư hoàn thành còn chậm mặc dù các công trình đã thi công cơ bản hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng. Vốn tạm ứng cho các công trình lớn, một số công trình chưa thực hiện thủ tục thanh toán, hoàn trả.

### **2.2. Nguyên nhân**

Do tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, nhiều công trường thi công xây dựng phải thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội, việc vận chuyển nguyên vật liệu vào công trường và huy động nhân lực để triển khai thi công gặp nhiều khó khăn, khối lượng thi công đạt mức thấp.

Năm 2021 là năm đầu của kỳ trung hạn mới, một số nhiệm vụ, chương trình, dự án chưa đủ điều kiện giao kế hoạch vốn đầu năm, phải chờ sau khi Quốc hội phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch mới có cơ sở triển khai, thực hiện.

Sự biến động tăng giá nguyên vật liệu xây dựng (nhất là giá thép, giá xăng dầu, xi măng và một số vật liệu xây dựng khác) dẫn đến việc phải điều chỉnh dự toán dự án, các nhà thầu thi công cảm chừng, ảnh hưởng đến tiến độ công trình.

## **B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**

### **I. Nguyên tắc chung lập kế hoạch đầu tư công năm 2022**

Năm 2022 là năm thứ hai triển khai thực hiện các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 – 2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025, do vậy việc triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2022 phải bám sát các mục tiêu, chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Kế hoạch đầu tư công năm 2022 phải thực hiện theo đúng các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách Nhà nước, Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2022, Nghị quyết 13/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định 11/2021/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh. Xác định dự án đầu tư trọng tâm, trọng điểm thực hiện trong năm 2022; triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tránh đầu tư phân tán, dàn trải trong đầu tư công.

## **II. Thứ tự ưu tiên phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022**

Trên cơ sở dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đang trình cấp có thẩm quyền, thứ tự ưu tiên phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022, cụ thể như sau:

### **1. Đối với vốn Ngân sách trung ương**

- Vốn trong nước: bố trí vốn thực hiện thu hồi vốn ứng trước; dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 còn hạn mức vốn và dự án năm 2021 đã phân bổ vốn khởi công mới; các dự án khởi công mới năm 2022 trong kế hoạch trung hạn và đủ thủ tục đầu tư.

- Vốn nước ngoài (ODA) theo đúng Hiệp định và cam kết với nhà tài trợ nước ngoài, phù hợp với khả năng giải ngân của từng chương trình, dự án.

### **2. Đối với vốn ngân sách địa phương**

#### **- Bố trí ngân sách cấp tỉnh:**

(i) Trả nợ gốc vay, lãi vay; Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án đầu tư công trong kế hoạch trung hạn; Đối ứng dự án sử dụng vốn NSTW hỗ trợ, vốn ODA; Ghi thu, ghi chi các dự án BT.

(ii) Bổ sung có mục tiêu về huyện, xã: Thanh toán khối lượng hoàn thành công trình hạ tầng nông thôn mới giai đoạn trước, đầu tư phát triển theo phân cấp; Hỗ trợ các dự án thuộc nhiệm vụ chi cấp huyện sử dụng ngân sách tỉnh giai đoạn trước chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 còn hạn mức trung hạn.

(iii) Các công trình quyết toán vốn đầu tư công ngân sách tỉnh trong năm.

(iv) Hỗ trợ vốn đầu tư công theo chính sách hỗ trợ của tỉnh.

(v) Bố trí trực tiếp công trình cấp tỉnh đầu tư: Công trình chuyển tiếp giai đoạn trước và khởi công mới năm 2021; dự án khởi công mới trong dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn và đủ thủ tục đầu tư (bao gồm hỗ trợ vốn cho các dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn theo quy định).

#### **- Bố trí ngân sách cấp huyện, cấp xã:**

Trên cơ sở khả năng nguồn cân đối, phân chia nguồn thu và nguồn vốn hỗ trợ của cấp tỉnh đối với từng địa phương, UBND cấp huyện thực hiện và hướng dẫn, chỉ đạo UBND cấp xã căn cứ quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước, các quy định phân cấp đầu tư công của tỉnh xây dựng phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 trình HĐND cùng cấp phê duyệt theo thẩm quyền.

### **3. Đối với vốn nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp dành để đầu tư**

UBND tỉnh thực hiện phân bổ cho dự án đầu tư công theo đề nghị của chủ đầu tư phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch năm 2022 và đảm bảo đủ thủ tục đầu tư của các cơ quan, đơn vị.

### **III. Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022**

#### **1. Dự kiến khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công**

Căn cứ văn bản số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022;

Căn cứ khả năng cân đối và nhu cầu vốn đầu tư các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2022 là 7.196,096 tỷ đồng cao hơn số vốn trung ương giao là 305,259 tỷ đồng (Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021 là 6.890,837 tỷ đồng), cụ thể như sau:

##### **1.1. Nguồn vốn bổ sung từ ngân sách trung ương: 541,192 tỷ đồng**

- Vốn trong nước: 514,125 tỷ đồng.

- Vốn ngoài nước: 27,067 tỷ đồng.

##### **1.2. Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: 6.567,455 tỷ đồng.**

- Nguồn vốn theo văn bản số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 6.349,645 tỷ đồng, gồm:

+ Nguồn chi XD CB vốn tập trung trong nước: 2.326,345 tỷ đồng.

+ Nguồn thu Xổ số kiến thiết: 19 tỷ đồng.

+ Nguồn từ tiền thu sử dụng đất: 4.000 tỷ đồng.

+ Nguồn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 4,3 tỷ đồng.

- Nguồn vốn dự kiến bổ sung cho chi đầu tư của ngân sách địa phương: 217,8 tỷ đồng, gồm:

+ Nguồn vay lại cho dự án ODA: 9,4 tỷ đồng;

+ Nguồn tăng thu dự toán thời kỳ ổn định NS huyện, xã: 8,4 tỷ đồng.

+ Nguồn bổ sung chi đầu tư năm 2022: 200 tỷ đồng

**1.3. Dự kiến vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp dành để đầu tư là: 87,459 tỷ đồng.**

#### **2. Phương án phân bổ 7.196,096 tỷ đồng**

##### **2.1. Vốn ngân sách trung ương: 541,192 tỷ đồng**

- Vốn trong nước: 514,125 tỷ đồng, gồm:

+ Hoàn ứng là 44,5 tỷ đồng;

+ Phân bổ cho các dự án là: 469,625 tỷ đồng (bố trí 108,625 tỷ đồng cho 6 dự án chuyển tiếp; 361 tỷ đồng cho 7 dự án khởi công mới năm 2022 (trong đó 01 dự án trọng điểm, liên kết vùng: 223 tỷ đồng)) ;

- Vốn ngoài nước: 27,067 tỷ đồng (dự án Tăng cường năng lực quản lý đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường).



## 2.2. **Vốn ngân sách địa phương: 6.567,455 tỷ đồng.**

a. Chi trả nợ gốc, lãi vay: 15,2 tỷ đồng (gồm trả nợ gốc: 9,4 tỷ đồng và trả lãi vay 5,8 tỷ đồng);

b. Chi đầu tư nguồn ngân sách nhà nước: 6.552,245 tỷ đồng gồm:

- Chi cân đối về cấp huyện, xã: 218,4 tỷ đồng gồm:

+ *Cân đối về các huyện, thành phố theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND tỉnh: 210 tỷ đồng;*

+ *Nguồn tăng thu dự toán thời kỳ ổn định ngân sách huyện, xã: 8,4 tỷ đồng.*

- Chi đầu tư công ngân sách tỉnh: 2.333,845 tỷ đồng, gồm các nội dung sau:

+ *Bổ sung có mục tiêu về huyện, xã: 220 tỷ đồng;*

+ *Kinh phí trả các dự án đã được phê duyệt quyết toán (nguồn vốn đầu tư công 100% ngân sách tỉnh): 200 tỷ đồng;*

+ *Nguồn vốn vay lại cho dự án ODA (Tăng cường năng lực quản lý đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường): 13,7 tỷ đồng;*

+ *Đổi ứng các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương: 430 tỷ đồng (bố trí 320 tỷ đồng cho 7 dự án chuyển tiếp; 110 tỷ đồng cho 7 dự án khởi công mới năm 2022 đã giao vốn trung hạn tại thông báo 113/TB-UBND)*

+ *Hỗ trợ đối với dự án chuyển tiếp thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện, xã: 217,322 tỷ đồng (bố trí cho 32/35 dự án còn hạn mức ngân sách tỉnh hỗ trợ theo dự kiến tại nghị quyết 16/NQ-HĐND);*

+ *Bố trí trực tiếp các dự án cấp tỉnh quản lý: 1.233,823 tỷ đồng (bố trí 785,823 tỷ đồng cho 71/82 dự án chuyển tiếp giai đoạn trước còn hạn mức vốn, có khả năng giải ngân trong năm 2022 và 5/7 dự án khởi công mới năm 2021 tiếp tục bố trí theo tiến độ; bố trí 448 tỷ đồng cho 29 dự án khởi công mới năm 2022 với TMĐT 2.242 tỷ đồng).*

+ *Chuẩn bị đầu tư: 7 tỷ đồng (bố trí chi tiết cho 5 dự án nằm trong dự kiến khởi công mới từ năm 2022-2025);*

+ *Chi hỗ trợ đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn: 12 tỷ đồng;*

- Nguồn tiền thu sử dụng đất: 4.000 tỷ đồng, bao gồm:

+ *Ngân sách cấp tỉnh: 841,3 tỷ đồng;*

+ *Ngân sách cấp huyện, cấp xã 3.158,7 tỷ đồng.*

**2.3. Dự kiến kế hoạch đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp dành để đầu tư là: 87,459 tỷ đồng.** (gồm: Bệnh viện đa khoa tỉnh: 82,274 tỷ đồng; Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông

vận tải cơ sở 1: 2,805 tỷ đồng; Chi cục Chăn nuôi, thú y và thủy sản: 2,38 tỷ đồng).

*(Chi tiết mục 1 và 2 theo phụ lục 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11 đính kèm)*

### **3. Thuận lợi, khó khăn trong việc cân đối và huy động các nguồn vốn đầu tư trong năm 2022**

#### **3.1. Thuận lợi:**

- Dự báo kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh tiếp tục phát triển toàn diện, thu ngân sách nhà nước đảm bảo và có bổ sung các nguồn chi đầu tư phát triển.

- Ngoài nguồn vốn ngân sách phát triển cơ sở hạ tầng, tỉnh còn thu hút được các dự án đầu tư tư nhân về các lĩnh vực đô thị, nhà ở xã hội và các lĩnh vực khác có tác động tích cực đối với quá trình đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh.

#### **3.2. Khó khăn:**

- Nguồn vốn ngân sách và khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác còn rất thiếu so với nhu cầu đầu tư hạ tầng để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Các dự án đầu tư theo hình thức PPP, dự án đầu tư tư nhân theo Luật đầu tư đang gặp một số khó khăn trong việc triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn tới, cần có các chính sách thu hút đặc thù.

### **III. Đề xuất, kiến nghị thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022**

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua và ban hành Nghị quyết báo cáo tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022; đồng thời kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh một số nội dung sau:

**1. Đối với các nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn đầu tư công ngân sách tỉnh năm 2022:** Giao UBND tỉnh quyết định phân bổ chi tiết các dự án đủ thủ tục đầu tư trước ngày 31/12/2021<sup>1</sup>. Các nhiệm vụ, dự án còn lại, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh quyết nghị sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư theo quy định.

*(Chi tiết theo phụ lục 12-A, 12-B đính kèm)*

#### **2. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã**

UBND tỉnh quyết định giao chi tiết kế hoạch vốn năm 2022 tới cấp huyện. Chỉ đạo UBND cấp huyện thực hiện và hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 trình HĐND cùng cấp phê duyệt theo thẩm quyền.

UBND cấp huyện tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện việc lập kế hoạch, tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công năm 2022 trên địa bàn theo quy định tại Quyết định 16/2021/QĐ-UBND ngày 30/8/2021.

<sup>1</sup> Yêu cầu phê duyệt dự án trước ngày 31/12/2021 (thời hạn UBND tỉnh giao kế hoạch vốn đầu tư công đầu năm 2022). Bao gồm: Dự án khởi công mới năm 2022; các dự án hết thời gian bố trí vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 52 và dự án hết thời gian thực hiện dự án theo quyết định phê duyệt dự án thì thực hiện thủ tục điều chỉnh phê duyệt CTĐT, phê duyệt dự án.

**3. Căn cứ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP:** Do tình hình dịch bệnh Covid-19 có ảnh hưởng lớn đến công tác triển khai và giải ngân vốn đầu tư công năm 2021, đề nghị HĐND tỉnh cho phép kéo dài thời gian thanh toán đến hết 31/12/2022 đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) đã phân bổ theo kế hoạch vốn năm 2021 đến ngày 31/01/2022 chưa giải ngân hết. Giao UBND tỉnh triển khai các thủ tục kéo dài thời gian thanh toán vốn theo phân cấp.

**4. Để phân đấu giải ngân 100% vốn phân bổ trong năm 2022 góp phần phát triển kinh tế - xã hội:** Cho phép UBND tỉnh linh hoạt điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách tỉnh giữa các nhiệm vụ, dự án, các chủ đầu tư và phân bổ chi tiết vốn dành cho công trình quyết toán dự án sử dụng ngân sách tỉnh trước ngày 15/11/2022; báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ họp Ban thường vụ Tỉnh ủy và HĐND tỉnh thường lệ trong năm 2022.

**5. Đối với phần vốn ghi thu, ghi chi các dự án BT:** Thực hiện trên cơ sở kế hoạch dự kiến, khả năng thực tế triển khai các công trình BT và nhu cầu ghi thu, ghi chi thực tế trong năm 2022.

*(Chi tiết theo Phụ lục 13 đính kèm)*

Trên đây là báo cáo tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và quyết nghị./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN  
K.T CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Ngô Tân Phụng**

PHỤ LỤC 01:

(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN THEO NGUỒN VỐN  
NIÊN ĐỘ KẾ HOẠCH 2021 - Đến hết ngày 30/11/2021**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	KH Chính phủ giao	Kế hoạch ĐP giao	Thanh toán	Tỉ lệ % (TT/KHCP)	Tỉ lệ % (TT/KHĐP)
1	2	3	4	5	6=5/3 (%)	7=5/4(%)
	<b>TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG (I+II)</b>	<b>5.972.455</b>	<b>8.701.510</b>	<b>6.610.458</b>	<b>110,68</b>	<b>75,97</b>
<b>I</b>	<b>Vốn NSNN (Tỉnh + huyện, xã)</b>	<b>5.972.455</b>	<b>8.635.217</b>	<b>6.607.254</b>	<b>110,63</b>	<b>76,52</b>
	<i>Vốn trong nước</i>	<i>5.952.455</i>	<i>8.615.217</i>	<i>6.607.254</i>	<i>111,00</i>	<i>76,69</i>
	<i>Vốn ngoài nước</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>0</i>	<i>-</i>	<i>0,00</i>
<b>A</b>	<b>Ngân sách tỉnh</b>	<b>0</b>	<b>3.908.261</b>	<b>2.842.003</b>		<b>72,72</b>
<b>A1</b>	<b>Vốn trong nước thuộc KHV năm nay</b>	<b>0</b>	<b>3.290.737</b>	<b>2.244.606</b>		<b>68,21</b>
1	<i>Nguồn vốn XD CB tập trung (QĐ 667, 668, 669, 79, 54, 276)</i>		<i>1.722.929</i>	<i>1.406.620</i>		<i>81,64</i>
2	<i>Nguồn ODA địa phương vay lại của CP (QĐ 668)</i>		<i>15.000</i>			
3	<i>Nguồn vốn Xổ số kiến thiết (QĐ 666)</i>		<i>17.000</i>	<i>15.258</i>		<i>89,75</i>
4	<i>Nguồn vốn HT có MT của NSTW (QĐ 667, QĐ 345)</i>		<i>287.526</i>	<i>117.680</i>		<i>40,93</i>
5	<i>Nguồn vốn khác (QĐ 341- SN GD)</i>		<i>39.185</i>	<i>30.978</i>		<i>79,06</i>
6	<i>Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ( QĐ 340- Thu SD đất)</i>		<i>198.484</i>	<i>133.648</i>		<i>67,33</i>
7	<i>Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ( QĐ 340)</i>		<i>806.292</i>	<i>498.282</i>		<i>61,80</i>
8	<i>Nguồn cải cách tiền lương (QĐ 276, QĐ 400)</i>		<i>179.321</i>	<i>38.705</i>		<i>21,58</i>
9	<i>Nguồn vốn dự phòng NS tỉnh (QĐ 319)</i>		<i>25.000</i>	<i>3.435</i>		<i>13,74</i>
<b>A2</b>	<b>Nguồn vốn trong nước được phép kéo dài</b>		<b>4.268</b>	<b>4.198</b>		<b>98,36</b>
<b>A3</b>	<b>Vốn Ngoài nước - ODA (QĐ 668)</b>		<b>20.000</b>	<b>0</b>		<b>0,00</b>
<b>A4</b>	<b>Ghi thu ghi chi dự án BT</b>		<b>585.856</b>	<b>585.856</b>		<b>100,00</b>
<b>A5</b>	<b>Trả nợ gốc vay</b>		<b>7.400</b>	<b>7.343</b>		<b>99,23</b>
<b>B</b>	<b>Ngân sách huyện, xã</b>		<b>4.726.956</b>	<b>3.765.251</b>		<b>79,65</b>
1	<i>Nguồn vốn thuộc Kế hoạch 2021</i>		<i>4.606.343</i>	<i>3.699.819</i>		<i>80,32</i>
2	<i>Nguồn vốn năm trước được phép kéo dài</i>		<i>120.613</i>	<i>65.432</i>		<i>54,25</i>
<b>II</b>	<b>Vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư</b>		<b>66.293</b>	<b>3.204</b>	<b>0</b>	<b>4,83</b>
1	<i>Thanh tra tỉnh Bắc Ninh (QĐ 359)</i>		<i>3.000</i>	<i>0</i>		<i>0,00</i>
2	<i>Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh (QĐ 285)</i>		<i>59.293</i>	<i>74</i>		<i>0,12</i>
3	<i>Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải (QĐ 283)</i>		<i>4.000</i>	<i>3.130</i>		<i>78,25</i>

**PHỤ LỤC 02:**  
**TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**  
 (Kèm theo Tờ trình số...../TT-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)  
 Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phân bổ vốn	Số vốn chuyển	Ghi chú
A	Dự án điều chuyển vốn đi			515.961.469.055	
I	QĐ số 170/QĐ-UBND ngày 20/5/2021; Tờ trình số 12/LS:KHĐT-TC ngày 19/4/2021				
1	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Báo Bắc Ninh	Báo Bắc Ninh	669/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	500.000.000	
II	QĐ số 207/QĐ-UBND ngày 14/7/2021; Tờ trình số 32/LS:KHĐT-TC ngày 08/7/2021				
1	Đường Bách Môn - Lạc Vệ đoạn Km0+00 đến Km2+258 (gói 1)	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Tiên Du	340/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	5.000.000.000	
III	QĐ số 315/QĐ-UBND ngày 14/9/2021; Tờ trình số 45/LS:KHĐT-TC ngày 10/9/2021				
1	Lưới điện dân sinh khu phố Trịnh Thập, phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn.	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	2.425.745.000	
2	Đường vào TT đào tạo bóng chuyền tỉnh BN (đoạn từ đường Hàn Thuyên đến đường Lê Văn Thịnh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	2.000.000.000	
3	Tuyến đường kết nối đường Hàn Thuyên và đường Đầu Mã, thành phố Bắc Ninh.	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	5.000.000.000	
4	Dự án cải tạo, nâng cấp kênh tiêu chính trạm bơm Trì Phương	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	7.918.814.855	
5	Lập Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Ninh	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	17.772.960.000	
6	Đường dẫn phía Bắc cầu Đại Đồng Thành	Ban QLDA giao thông	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	9.500.000.000	
7	Đường gom bên trái QL.18 từ KCN Quế Võ đến khu đô thị Tây Hồ và hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng (lý trình từ Km8+100 đến Km8+400)	Ban QLDA giao thông	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	2.600.000.000	
IV	QĐ số 323/QĐ-UBND ngày 20/9/2021; Tờ trình số 48/LS: KHĐT-TC ngày 14/9/2021				
1	Đường vào khu vui chơi giải trí, nhà nghỉ vườn đôi sinh thái phường Văn Dương, TP Bắc Ninh giai đoạn 2	Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	10.000.000.000	Vướng mắc giải phóng mặt bằng, UBND thành phố đề nghị cho phép quyết toán hạng mục đã thi công hoàn thành
2	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bắc Ninh	340/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	8.000.000.000	
3	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng trường THPT Yên Phong số 2	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bắc Ninh	340/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	8.600.000.000	
4	Đầu tư xây dựng Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành (cầu vượt sông Đuống nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông	340/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	51.132.000.000	Vướng thủ tục
5	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp đường TL 278 (đoạn từ QL18 + QL38) thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông	667/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 340/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	15.000.000.000	Vướng mặt bằng
6	Dự án ĐTXD tuyến ĐT.285B mới, đoạn nối QL.17 với QL.38 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; giai đoạn I,II: đoạn từ ĐT.281 đến ĐT.285 lý trình từ Km4+00 đến Km7+00 và đoạn từ ĐT.280 mới đến QL.38 lý trình từ Km15+00 đến Km22+500 huyện Lương Tài - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	15.000.000.000	Vướng mặt bằng
7	Dự án ĐTXD Đường về khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ đoạn từ ĐT.277 qua UBND phường Trang Hạ, thị xã Từ Sơn	Ban Quản lý các dự án xây dựng Thị xã Từ Sơn	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	6.454.990.000	Vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng
8	Đầu tư xây mới chùa Dạm, xã Nam Sơn, TPBN	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	10.000.000.000	Đang thực hiện điều chỉnh dự án theo văn bản số 820/UBND-KGVX ngày 24/3/2021
9	Xây dựng hạ tầng sản xuất nông nghiệp đất bãi ven sông (giai đoạn 2)	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	2.550.000.000	
V	QĐ số 379/QĐ-UBND ngày 13/10/2021; Tờ trình số 51/LS:KHĐT-TC ngày 05/10/2021				

TT	Nội dung/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phân bổ vốn	Số vốn chuyển	Ghi chú
1	Đầu tư xây dựng Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành (cầu vượt sông Đuống nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông	340/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	148.868.000.000	Vướng thủ tục
2	Dự án Đường nối từ đê Sông Cầu, xã Dũng Liệt đi khu công nghiệp Yên Phong I mở rộng, huyện Yên Phong	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Yên Phong	340/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	11.765.000.000	Vướng giải phóng mặt bằng
VI	QĐ số 435/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Tờ trình số 61/LS:KHĐT-TC ngày 003/11/2021				
a	<b>Hỗ trợ các dự án cấp huyện quản lý</b>				
1	ĐT XD đường giao thông từ Trung tâm thể thao đi nhà máy xử lý nước thải huyện Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Thuận Thành	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1.000.000.000	
2	Cải tạo, chỉnh trang sông Thứa (Đoạn hồ Thứa đi TL280)	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Lương Tài	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	3.000.000.000	
b	<b>Dự án cấp tỉnh quản lý</b>				
1	Đầu tư xây dựng Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành (cầu vượt sông Đuống nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông	340/QĐ-UBND ngày 30.3.2021	31.100.000.000	
2	Đường gom QL 18, giai đoạn 3 (bên trái tuyến), huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông	669/QĐ-UBND ngày 31.12.2020	900.000.000	
3	Hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Phong Khê, thành phố Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh	669/QĐ-UBND ngày 31.12.2020	5.000.000.000	
4	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh QL.17 đoạn từ ĐT.276 đi ĐT.283 thuộc địa phận xã Nguyệt Đức - xã Thanh Khương - xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Thuận Thành	669/QĐ-UBND ngày 31.12.2020	6.000.000.000	
5	Dự án ĐT XD Đường Lý Tự Trọng (đoạn từ ĐT.295B đến đường Nguyễn Phi Ý Lan), thị xã Từ Sơn	Ban Quản lý các dự án xây dựng thành phố Từ Sơn	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1.135.839.000	
6	Dự án ĐT XD đường giao thông từ đường dẫn cầu Bình Than đi xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	7.400.000.000	
7	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Bắc Ninh vay vốn Ngân hàng thế giới	Sở Tài nguyên và Môi trường	668/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	4.230.000.000	
8	Dự án củng cố hóa phần cuối kênh V8 và mở rộng kênh tiêu V4, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐT XD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	3.827.303.000	
VII	QĐ số 436/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Tờ trình số 62/LS:KHĐT-TC ngày 05/11/2021				
1	Dự án Trạm bơm Trì Phương II, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐT XD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	15.000.000.000	
2	Hạ tầng giao thông khu du lịch Thiên Thai (giai đoạn 1)	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	2.270.000.000	
VIII	QĐ số 442/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; Tờ trình số 63/LS:KHĐT-TC ngày 05/11/2021				
1	Đầu tư xây dựng Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành (cầu vượt sông Đuống nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông	667/QĐ-UBND ngày 31.12.2020 340/QĐ-UBND ngày 30.3.2021	28.153.358.000 60.746.642.000	
IX	QĐ số 441/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; Tờ trình số 66/LS:KHĐT-TC ngày 12/11/2021				
1	Trung tâm văn hóa thiếu nhi phía nam tỉnh tại thị trấn Gia Bình.	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1.500.000.000	
2	Bê bơi trường THCS Đại Phúc và trường THCS Vạn An	Sở Giáo dục và đào tạo	641/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	354.479.000	
3	Bê bơi trường tiểu học Nam Sơn 2 và THCS Khúc Xuyên	Sở Giáo dục và đào tạo		127.182.000	
4	Bê bơi trường THCS An Thịnh và THCS Quảng Phú	Sở Giáo dục và đào tạo		120.681.000	
5	Bê bơi trường THCS Lãng Ngâm và THCS Đại Lai	Sở Giáo dục và đào tạo		259.967.000	
6	Bê bơi trường THCS Liên Bảo và trường tiểu học Phú Lâm 1	Sở Giáo dục và đào tạo		394.544.000	
7	Bê bơi trường THCS Lim và trường tiểu học Minh Đạo	Sở Giáo dục và đào tạo		399.410.000	
8	Bê bơi trường tiểu học thị trấn Phố Mới và trường THCS Bằng An	Sở Giáo dục và đào tạo		309.368.000	

TT	Nội dung/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phân bổ vốn	Số vốn chuyển	Ghi chú
9	Bể bơi trường tiểu học Cách Bi và THCS Hán Quảng	Sở Giáo dục và đào tạo		23.572.000	
10	Bể bơi trường tiểu học Mộ Đạo và THCS Đại Xuân	Sở Giáo dục và đào tạo		348.372.000	
11	Bể bơi trường THCS Đức Long	Sở Giáo dục và đào tạo		152.633.000	
12	Bể bơi trường THCS Ninh Xá và trường THCS Mão Điền, huyện Thuận Thành	Sở Giáo dục và đào tạo		220.879.000	
13	Bể bơi trường THCS thị trấn Hồ và THCS Đại Đồng Thành	Sở Giáo dục và đào tạo		266.402.000	
14	Bể bơi trường tiểu học Nguyệt Đức	Sở Giáo dục và đào tạo		165.709.000	
15	Bể bơi trường THCS Phù Chấn và trường THCS Đình Bảng	Sở Giáo dục và đào tạo		187.785.000	
16	Bể bơi trường tiểu học Dũng Liệt và trường THCS Đông Phong, huyện Yên Phong	Sở Giáo dục và đào tạo		357.985.000	
17	Bể bơi trường THCS Hòa Tiến và trường tiểu học Long Châu	Sở Giáo dục và đào tạo		305.581.000	
18	Bể bơi trường THPT Thuận Thành số 2	Sở Giáo dục và đào tạo		458.229.200	
19	Bể bơi trường THPT Quế Võ số 3	Sở Giáo dục và đào tạo		158.039.000	
24	ĐTXD Trạm bơm tiêu Nghi An 1	Công ty TNHH MTV KTCCTL Nam Đuống		4.000.000.000	
25	Cứng hóa kênh Bắc Như Quỳnh đoạn từ điều tiết Á Lũ đến điều tiết Hồ	Công ty TNHH MTV KTCCTL Nam Đuống		2.500.000.000	
26	Đền thờ Nguyễn Cao tại xã Cách Bi huyện Quế Võ	Ban Quản lý dự án huyện Quế Võ		20.000.000.000	
27	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Khoa học công nghệ tỉnh Bắc Ninh	Sở Khoa học công nghệ		3.000.000.000	
VI	QĐ số 435/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Tờ trình số 61/LS:KHĐT-TC ngày 003/11/2021				
a	<i>Hỗ trợ các dự án cấp huyện quản lý</i>				
1	Đường Hoàng Hoa Thám kéo dài đoạn từ dự án đầu giá QSD đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường Kinh Bắc (DA K15) đến đường H, tp Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh		3.000.000.000	
2	Mở rộng đường Lý Anh Tông và đường nối ngoài phạm vi nút giao phía tây nam, thành phố Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh		2.000.000.000	
3	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh QL.17 đoạn từ QL.17 đi QL.38 thuộc địa phận xã An Bình, xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Thuận Thành		7.000.000.000	
4	Dự án đầu tư xây dựng đường Huyện Quang kéo dài đi QL.17 và các tuyến nhánh, thị trấn Gia Bình	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình		7.400.000.000	
b	<i>Dự án cấp tỉnh quản lý</i>				
1	Dự án ĐTXD bổ sung cầu Đồng Xép 2, nút giao giữa QL.1A với ĐT.287, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông		12.000.000.000	
2	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp ĐT.284, đoạn từ Lăng Ngâm - Thị trấn Thứa, huyện Gia Bình - Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh giai đoạn I: Đoạn từ Km2+700 đến Km10+350	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông		10.000.000.000	
3	Đầu tư xây dựng đường TL.287 đoạn từ QL.38 mới, huyện Tiên Du đến QL.18, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông		10.000.000.000	
4	Dự án đầu tư xây dựng Bảo tàng, thư viện thị xã Từ Sơn	Ban Quản lý các dự án xây dựng thành phố Từ Sơn		1.135.839.000	
5	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp TL.280 (đoạn từ thị trấn Thứa đi QL.38), huyện Lương Tài	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Lương Tài		3.000.000.000	
6	Cải tạo, mở rộng kho lưu trữ và trụ sở làm việc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Ninh	Sở Tài nguyên và Môi trường		4.230.000.000	
7	Nâng cấp tuyến đê hữu Đuống, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		3.827.303.000	
VII	QĐ số 436/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Tờ trình số 62/LS:KHĐT-TC ngày 05/11/2021				
a	<i>Hỗ trợ các dự án cấp huyện quản lý</i>				
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình trường Mầm non xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình		2.270.000.000	
b	<i>Dự án cấp tỉnh quản lý</i>				
1	Nâng cấp tuyến đê hữu Đuống, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		10.000.000.000	
2	Dự án Cứng hóa kênh tiêu Đồng Khởi thuộc hệ thống thủy nông Nam Đuống	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		5.000.000.000	

TT	Nội dung/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phân bổ vốn	Số vốn chuyển	Ghi chú
VIII	QĐ số 442/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; Tờ trình số 63/LS:KHĐT-TC ngày 05/11/2021				
<i>a</i>	<i>Hỗ trợ các dự án cấp huyện quản lý</i>				
1	Dự án ĐTXD tuyến đường từ QL.18 đi làng nghề xã Phù Lãng, huyện Quế Võ	Ban Quản lý dự án huyện Quế Võ		11.000.000.000	
2	Dự án ĐTXD đường trục huyện Quế Võ đoạn từ TL.279 đi Bằng An, lên đê Hữu Cầu	Ban Quản lý dự án huyện Quế Võ		10.000.000.000	
3	Đường trục chính đô thị từ tỉnh lộ 279 đi Khu công nghiệp Quế Võ số 3, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án huyện Quế Võ		3.000.000.000	
4	Dự án đầu tư xây dựng đường Huyện Quang kéo dài đi QL.17 và các tuyến nhánh, thị trấn Gia Bình	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình		8.000.000.000	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình trường Mầm non xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình		2.700.000.000	
5	Dự án đầu tư xây dựng Trường THCS xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Tiên Du		7.000.000.000	
6	Dự án đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Hoàn Sơn, huyện Tiên Du	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Tiên Du		4.000.000.000	
7	Đường Hoàng Hoa Thám kéo dài đoạn từ dự án đầu giá QSD đất tạo vốn XDCS hạ tầng phường Kinh Bắc đến đường H, thành phố Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh		3.000.000.000	
8	Trường mầm non xã Phương Mao, huyện Quế Võ	Ban Quản lý dự án huyện Quế Võ		2.500.000.000	
9	Đầu tư xây dựng Đường trục trung tâm đô thị Nhân Thắng, huyện Gia Bình	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình		5.000.000.000	
<i>b</i>	<i>Dự án cấp tỉnh quản lý</i>				
1	Chương trình đầu tư, cải tạo nâng cấp rừng phòng hộ tỉnh Bắc Ninh theo mô hình phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020	Chi cục Kiểm lâm		1.500.000.000	
4	Tu bổ di tích đình Trang Liệt, phường Trang Hạ, Thị xã Từ Sơn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		3.000.000.000	
5	Nâng cấp tuyến đê hữu Đuống, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		5.000.000.000	
6	Xây dựng trạm bơm tiêu Phúc Lộc thuộc khu tiêu Phả Lại huyện Quế Võ (Giai đoạn 2)	Công ty TNHH MTV KTCTL Bắc Đuống		2.200.000.000	
7	Cải tạo, mở rộng kho lưu trữ và trụ sở làm việc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Ninh	Sở Tài nguyên và Môi trường		5.000.000.000	
8	Trường THCS trọng điểm huyện Tiên Du	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Tiên Du		5.000.000.000	
9	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ	Công an tỉnh		1.000.000.000	
10	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự thị trấn Lim, huyện Tiên Du	Công an tỉnh		1.000.000.000	
11	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Trùng Xá, huyện Lương Tài	Công an tỉnh		1.000.000.000	
12	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Song Hồ, huyện Thuận Thành	Công an tỉnh		1.000.000.000	
13	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Lai, huyện Gia Bình	Công an tỉnh		1.000.000.000	
14	trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình	Công an tỉnh		1.000.000.000	
15	trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Bằng An, huyện Quế Võ	Công an tỉnh		1.000.000.000	
16	trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong	Công an tỉnh		1.000.000.000	
17	trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Minh Đạo, huyện Tiên Du	Công an tỉnh		1.000.000.000	
18	trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Lâm Thao, huyện Lương Tài	Công an tỉnh		1.000.000.000	
19	trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Gia Đông, huyện Thuận Thành	Công an tỉnh		1.000.000.000	
IX	QĐ số 441/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; Tờ trình số 66/LS:KHĐT-TC ngày 12/11/2021				
1	Trung tâm đào tạo và thi đấu bóng chuyền tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị		1.500.000.000	
2	Bể bơi trường THCS Thái Bảo và trường THCS Quỳnh Phú, huyện Gia Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo		437.759.000	
3	Mở rộng mặt đê kết hợp giao thông tỉnh lộ 276 đoạn từ K25+700 đến K27+500 đê tả Đuống, huyện Tiên Du	Chi cục thủy lợi		4.755.113.503	



**PHỤ LỤC 03:**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**  
*(Kèm theo Tờ trình số...../TT-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Số dự án	Tổng mức đầu tư/Giá trị Quyết toán	Giá trị KLHT đến hết 31/12/2020	Giá trị KLHT từ 01/01/2020 đến 31/10/2021	Tổng giá trị KLHT đến 31/10/2021	Tổng số vốn đã phân bổ	Trong đó: Số vốn đã phân bổ đến hết kế hoạch năm 2020	Trong đó: Số vốn Đầu tư công phân bổ KH năm 2021 (đến 31/10/2021)				Giá trị ngân KH vốn năm 2021 (đến 31/10/2021)				Số vốn còn thiếu so với giá trị KLHT đến 31/10/2021	Số vốn còn thiếu so với TMDTKH giá trị QT đến 31/10/2021	
									Trong đó:				Trong đó:						
									Tổng số	Vốn NSTW	Vốn ĐTC ngân sách tỉnh	Nguồn đất	NS huyện, xã, vốn khác	Tổng số	Vốn NSTW	Vốn ĐTC ngân sách tỉnh			NS huyện, xã, vốn khác
<b>TỔNG SỐ</b>																			
A	<b>ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CÁC DỰ ÁN</b>		57.788.611	26.929.426	5.572.244	32.501.670	31.104.075	23.572.549	8.191.075	307.526	4.248.204	3.001.258	634.088	5.961.892	113.783	2.010.210	18.935	2.220.391	26.440.145
f	Nguồn vốn Ngân sách tỉnh quản lý		26.478.526	11.081.145	2.359.682	13.440.827	14.393.833	11.053.327	3.340.505	307.526	3.007.479	-	25.500	2.142.929	113.783	2.010.210	18.935	(826.679)	12.034.849
1	Vốn XD/CB tập trung (tỷ lệ 100% vốn ngân sách tỉnh)	281	20.638.002	9.852.267	2.164.689	12.016.956	12.402.753	9.641.042	2.761.711	-	2.736.211	-	25.500	1.927.127	-	1.908.191	18.935	(330.345)	8.114.529
a	Dự án đã phê duyệt quyết toán	77	2.492.868	2.386.375	86.670	2.473.045	2.454.287	2.180.463	273.824		273.824			257.953		257.953	-	18.772	38.595
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành chờ quyết toán	91	6.000.368	4.170.691	500.166	4.670.856	4.553.266	3.843.731	709.535		694.035	15.500		513.928		503.244	10.683	133.091	1.462.603
h	Dự án chuyển tiếp	106	10.968.783	3.287.095	1.570.002	4.857.096	5.226.201	3.616.848	1.609.353		1.599.353	10.000		1.147.811		1.139.559	8.252	(359.104)	5.732.582
c	Dự án khởi công mới	7	1.175.983	8.107	7.852	15.959	169.000	-	169.000		169.000			7.435		7.435	-	(123.103)	860.749
2	Vốn NSTW HTMT		5.840.524	1.228.877	194.993	1.423.870	1.946.811	1.412.285	534.526	287.526	247.000			211.435	113.783	97.652		(496.334)	3.920.520
3	Vốn ODA						40.000		40.000	20.000	20.000								-
4	Nguồn vốn kéo dài thanh toán sang năm 2021						4.268		4.268		4.268			4.157		4.157			
II	Nguồn vốn ngân sách cấp huyện		11.271.187	4.027.919	757.227	4.785.146	4.472.702	3.373.460	1.199.242	-	192.943	626.532	379.767	891.585				440.046	6.339.688
III	Nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn		20.038.898	11.820.363	2.455.335	14.275.698	12.237.541	9.345.762	2.991.779		974.089	1.788.870	228.821	2.331.883				2.607.024	8.065.608
B	Trả nợ gốc vay								7.400		7.400			7.343					
C	Ghi thu, ghi chi dự án BT								585.856		585.856			585.856					
D	Vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư								66.293		66.293			2.296					

**PHỤ LỤC 04:**  
**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**  
(Kèm theo Tờ trình số...../TT-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch Đầu tư công năm 2022													Nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư	Ghi chú
		Chi tiết nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo dự kiến tại văn bản số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư								Nguồn bổ sung chi đầu tư của ngân sách địa phương						
		Tổng số	Tổng số theo dự kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Vốn ngân sách địa phương	Trong đó:					Vốn ngân sách trung ương	Tổng số	Chi tiết:				
					Chi XD/CB vốn tập trung trong nước	Nguồn Xổ số kiến thiết	Dự kiến nguồn tiền thu sử dụng đất	Đầu tư từ bộ chỉ NS địa phương	Bộ chỉ ngân sách địa phương			Nguồn tăng thu DT thời kỳ ổn định NS huyện, xã	Nguồn bổ sung chi đầu tư năm 2022			
<b>TỔNG CỘNG</b>		7.196.096	6.890.837	6.349.645	2.326.345	19.000	4.000.000	4.300	541.192	217.800	9.400	8.400	200.000	87.459		
<b>A VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>		541.192	541.192						541.192							
<b>I Vốn trong nước</b>		514.125	514.125						514.125							
<b>II Vốn nước ngoài</b>		27.067	27.067						27.067							
<b>B VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>		6.567.445	6.349.645	6.349.645	2.326.345	19.000	4.000.000	4.300	-	217.800	9.400	8.400	200.000	-		
<b>I Chi trả nợ gốc, lãi vay</b>		15.200	15.200	15.200	15.200											
1 Chi trả nợ gốc		9.400	9.400	9.400	9.400											
2 Chi trả lãi vay		5.800	5.800	5.800	5.800											
<b>II Chi đầu tư nguồn ngân sách nhà nước</b>		6.552.245	6.334.445	6.334.445	2.311.145	19.000	4.000.000	4.300		217.800	9.400	8.400	200.000	-		
1 <b>Cân đối về cấp huyện, xã</b>		218.400	210.000	210.000	210.000	-	-	-		8.400	-	8.400		-		
1.1 Cân đối về các huyện, thị xã, thành phố theo NQ 13/NQ-HĐND		210.000	210.000	210.000	210.000					-						
1.2 Nguồn tăng thu DT thời kỳ ổn định NS huyện, xã		8.400	-	-						8.400		8.400				
2 Chi đầu tư công ngân sách tỉnh		2.333.845	2.124.445	2.124.445	2.101.145	19.000	-	4.300	-	209.400	9.400	-	200.000	-		
2.1 Chuẩn bị đầu tư		7.000	7.000	7.000	7.000					-						
2.2 Bổ sung có mục tiêu về huyện, xã		220.000	220.000	220.000	220.000					-						
2.3 Kinh phí trả các dự án đã được phê duyệt quyết toán (nguồn vốn đầu tư công 100% ngân sách tỉnh)		200.000	200.000	200.000	200.000					-						
2.4 Dự án ODA Tăng cường năng lực quản lý đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường		13.700	4.300	4.300				4.300		9.400	9.400					
2.5 Đối ứng các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương		430.000	430.000	430.000	430.000					-						
2.6 Hỗ trợ đối với dự án chuyển tiếp thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện, xã		217.322	217.322	217.322	217.322					-						
2.7 Chi hỗ trợ đầu tư theo chính sách của tỉnh		12.000	-	-						12.000			12.000			
<b>2.8 Bố trí trực tiếp các dự án cấp tỉnh quản lý</b>		1.233.823	1.045.823	1.045.823	1.026.823	19.000	-	-		188.000	-		188.000	-		
a Dự án chuyển tiếp		785.823	785.823	785.823	766.823	19.000				-						
b Dự án khởi công mới năm 2022		448.000	260.000	260.000	260.000					188.000			188.000			
3 Nguồn tiền thu sử dụng đất		4.000.000	4.000.000	4.000.000			4.000.000			-						
<b>C Chi đầu tư từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư</b>		87.459		-										87.459		

**PHỤ LỤC 05:**  
**DỰ KIẾN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN, XÃ NĂM 2022**  
 (Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương	DỰ KIẾN TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022	Trong đó:						Ghi chú
			Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó:		Nguồn cân đối ngân sách cấp huyện	Tăng thu điều tiết cấp huyện, xã	Nguồn bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND	
				Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện	Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp xã				
1	2	3	4	4a	4b	5	6	7	8
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.597.100</b>	<b>3.158.700</b>	<b>2.993.700</b>	<b>165.000</b>	<b>210.000</b>	<b>8.400</b>	<b>220.000</b>	
1	Thành phố Bắc Ninh	994.900	928.900	863.900	65.000	33.600	8.400	24.000	
2	Thành phố Từ Sơn	414.200	367.000	317.000	50.000	25.200		22.000	
3	Huyện Tiên Du	428.250	379.000	329.000	50.000	26.250		23.000	
4	Huyện Yên Phong	350.950	300.800	300.800		24.150		26.000	
5	Huyện Quế Võ	233.500	176.000	176.000		31.500		26.000	
6	Huyện Thuận Thành	872.300	819.000	819.000		27.300		26.000	
7	Huyện Gia Bình	179.700	122.200	122.200		21.000		36.500	
8	Huyện Lương Tài	123.300	65.800	65.800		21.000		36.500	

**PHỤ LỤC 06:**  
**DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022**  
(Kèm theo Tờ trình số...../TTR-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTBT			Quyết định đầu tư ban đầu			Dự kiến Kế hoạch trung hạn 21-25				Dự kiến Kế hoạch năm 2022					Chi chú		
			Số quyết định	TMBT	Trong đó: NSTW	Số quyết định	TMBT	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Nguồn vốn NSDP đối ứng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
									Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				
																	Tổng số		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
<b>TỔNG SỐ</b>				<b>6.405.210</b>	<b>2.380.295</b>		<b>5.507.029</b>	<b>1.610.485</b>	<b>4.224.709</b>	<b>2.235.454</b>	<b>89.000</b>	<b>-</b>	<b>1.989.255</b>	<b>984.892</b>	<b>541.192</b>	<b>44.500</b>	<b>-</b>	<b>13.700</b>	<b>430.000</b>	
<b>A</b>	<b>VỐN TRONG NƯỚC</b>		<b>6.335.462</b>	<b>2.351.685</b>		<b>5.437.281</b>	<b>1.581.885</b>	<b>4.161.854</b>	<b>2.206.354</b>	<b>89.000</b>	<b>-</b>	<b>1.955.000</b>	<b>944.125</b>	<b>514.125</b>	<b>44.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>430.000</b>		
<b>a</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa</b>		<b>212.093</b>	<b>102.093</b>		<b>212.020</b>	<b>102.093</b>	<b>174.093</b>	<b>102.093</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>72.000</b>	<b>33.625</b>	<b>23.625</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.000</b>		
<b>a1</b>	<b>Chuyên tiếp</b>		<b>212.093</b>	<b>102.093</b>		<b>212.020</b>	<b>102.093</b>	<b>174.093</b>	<b>102.093</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>72.000</b>	<b>33.625</b>	<b>23.625</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.000</b>		
1	Nhà lưu niệm đồng chí Lê Quang Đạo	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	537/QĐ-UBND; 163/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	22.093	22.093	1719/QĐ-UBND ngày 04/12/2020; 624/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	22.093	22.093	22.093	22.093	-	-	-	7.093	7.093	-	-	-		
2	Tu bổ, tôn tạo thành cổ Luy Lâu và hệ thống Tử Pháp huyện Thuận Thành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	277/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; 24/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	190.000	80.000	546/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	189.927	80.000	152.000	80.000	-	-	72.000	26.532	16.532	-	-	-	10.000	
<b>b</b>	<b>Lĩnh vực Y tế</b>		<b>632.480</b>	<b>336.000</b>		<b>632.480</b>	<b>336.000</b>	<b>506.000</b>	<b>336.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>170.000</b>	<b>80.000</b>	<b>66.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.000</b>		
<b>b1</b>	<b>Khởi công mới</b>		<b>632.480</b>	<b>336.000</b>		<b>632.480</b>	<b>336.000</b>	<b>506.000</b>	<b>336.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>170.000</b>	<b>80.000</b>	<b>60.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.000</b>		
1	ĐTXD cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Yên Phong, quy mô 300 giường bệnh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	361/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	316.730	168.000	1314/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	316.730	168.000	253.000	168.000	-	-	85.000	40.000	30.000	-	-	-	10.000	
2	ĐTXD mở rộng Trung tâm y tế huyện Thuận Thành	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	211/NQ-HĐND; 362/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	315.750	168.000	1315/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	315.750	168.000	253.000	168.000	-	-	85.000	40.000	30.000	-	-	-	10.000	
<b>c</b>	<b>Lĩnh vực Môi trường</b>		<b>257.231</b>	<b>90.000</b>		<b>246.258</b>	<b>90.000</b>	<b>197.000</b>	<b>90.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>107.000</b>	<b>30.000</b>	<b>28.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.000</b>		
<b>c1</b>	<b>Chuyên tiếp</b>		<b>257.231</b>	<b>90.000</b>		<b>246.258</b>	<b>90.000</b>	<b>197.000</b>	<b>90.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>107.000</b>	<b>30.000</b>	<b>20.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.000</b>		
1	Hệ thống xử lý nước thải đô thị Thù, Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	285/NQ-HĐND; 343/NQ-HĐND ngày 11/12/2020	257.231	90.000	1895/QĐ-UBND ngày 30/12/202; 1143/QĐ-UBND ngày 17/9/2021	246.258	90.000	197.000	90.000	-	-	107.000	30.000	20.000	-	-	-	10.000	
<b>d</b>	<b>Các hoạt động kinh tế</b>		<b>5.233.658</b>	<b>1.823.602</b>		<b>4.346.523</b>	<b>1.380.792</b>	<b>3.284.761</b>	<b>1.678.761</b>	<b>89.000</b>	<b>-</b>	<b>1.606.000</b>	<b>809.500</b>	<b>410.500</b>	<b>44.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>390.000</b>		
<b>d1</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>		<b>543.339</b>	<b>227.602</b>		<b>1.782.805</b>	<b>923.792</b>	<b>412.761</b>	<b>247.761</b>	<b>89.000</b>	<b>-</b>	<b>165.000</b>	<b>99.500</b>	<b>69.500</b>	<b>44.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.000</b>		
<b>1</b>	<b>Chuyên tiếp</b>		<b>258.389</b>	<b>99.602</b>		<b>1.582.855</b>	<b>843.792</b>	<b>344.761</b>	<b>199.761</b>	<b>89.000</b>	<b>-</b>	<b>145.000</b>	<b>79.500</b>	<b>59.500</b>	<b>44.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.000</b>		
1	Nâng cấp tuyến đê hữu Đương	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				565/QĐ-UBND, 23/5/2011	928.100	464.050												
2	Xử lý cấp bách kè Trĩ Phương và kè Chi Đông đê tả Đương	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				281/QĐ-UBND ngày 09/3/2009; 642/QĐ-UBND ngày 13/6/2011	396.366	280.140	89.000	89.000	89.000		44.500	44.500	44.500					Dự án bố trí vốn để thu hồi vốn ứng trước theo số được giao lại vì 6926/BKHET-TH ngày 11/10/2021
3	Dự án đầu tư công trình nạo vét kênh tiêu Hiền Lương, huyện Quế Võ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28/TTĐND17 ngày 11/12/2020; 345/NQ-HĐND ngày 11/12/2020	258.389	99.602	925/QĐ-UBND; 1909/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	258.389	99.602	95.761	30.761	-	-	65.000	10.000					10.000	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang năm 2021-2025, năm 2021 đã bố trí hết hạn mức NSTW còn lại
4	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Tào Khê (đoạn từ Cầu Trầm đến đầu tiết Chi)	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	278/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; 344/NQ-HĐND ngày 11/12/2020	199.950	80.000	751/QĐ-UBND ngày 22/6/2021	199.950	80.000	160.000	80.000	-	-	80.000	25.000	15.000					10.000
<b>2</b>	<b>Khởi công mới</b>		<b>284.950</b>	<b>128.000</b>		<b>199.950</b>	<b>80.000</b>	<b>68.000</b>	<b>48.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	<b>10.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.000</b>		
1	Xử lý sạt lở bờ, bồi sông đoạn từ K32+544 - K33+300 và đoạn K46+500 - K46+700 đê hữu Cầu, huyện Yên Phong	Chi cục Thủy lợi	368/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	85.000	48.000				68.000	48.000		20.000	20.000	10.000					10.000	
<b>d2</b>	<b>Giáo dục</b>		<b>4.690.319</b>	<b>1.596.000</b>		<b>2.563.718</b>	<b>466.000</b>	<b>2.872.000</b>	<b>1.431.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.441.000</b>	<b>701.000</b>	<b>341.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>360.000</b>		
<b>1</b>	<b>Chuyên tiếp</b>		<b>2.223.331</b>	<b>302.000</b>		<b>2.223.331</b>	<b>302.000</b>	<b>1.053.000</b>	<b>217.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>836.000</b>	<b>330.000</b>	<b>50.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>280.000</b>		

STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTBT			Quyết định đầu tư ban đầu			Dự kiến Kế hoạch trung hạn 21-25					Dự kiến Kế hoạch năm 2022					Ghi chú	
			Số quyết định	TMBT	Trong đó: NSTW	Số quyết định	TMBT	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Nguồn vốn NSDP đối ứng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Nguồn vay lại cho dự án ODA		Nguồn vốn NSDP đối ứng
										Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
											Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			
1	Đầu tư xây dựng Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành (cầu vượt sông Đường nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)	Ban QLDAXD Giao thông	109/TT-HĐND17 ngày 29/6/2016; 124/TT-HĐND18 ngày 22/5/2017; 241/NQ-HĐND ngày 4/6/2020; 365/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	1.926.969	200.000	691/QĐ-UBND ngày 30/5/2017; 659/QĐ-UBND, ngày 10/6/2020	1.926.969	200.000	775.000	110.000	-	-	665.000	285.000	35.000	-	-	250.000		
2	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp đường TL 278 (đoạn từ QL18 + QL38) thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	32/TT-HĐND17 ngày 07/3/2016; 37/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	296.362	102.000	1136/QĐ-UBND ngày 16/9/2016; 1927/QĐ-UBND ngày 18/12/2017	296.362	102.000	132.000	27.000	-	-	105.000	20.000				20.000		
3	ĐT XD đường nội thị huyện Quế Võ (đoạn Nhân Hòa đi Đại Xuân)	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	PL08, NQ 211/NQ-HĐND ngày 29/10/2019; 342/NQ-HĐND ngày 11/12/2020	182.478	80.000	125/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	182.477	80.000	146.000	80.000	-	-	66.000	25.000	15.000			10.000		
2	<b>Khởi công mới</b>			<b>2.466.988</b>	<b>1.294.000</b>		<b>340.387</b>	<b>164.000</b>	<b>1.819.000</b>	<b>1.214.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>605.000</b>	<b>371.000</b>	<b>291.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>80.000</b>		
1	Dự án ĐT XD đường ĐT278 đoạn từ QL18, xã Phương Mao đến ĐT287, xã Yên Giả, huyện Quế Võ	Ban QLDAXD Giao thông	291/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; 363/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	298.163	138.000				240.000	138.000			102.000	40.000	30.000			10.000		
2	ĐT XD BT.282B đoạn từ ĐT.285 đi đường dẫn cầu Bình Than, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	Phụ lục 11 - Nghị quyết 201/NQ-HĐND, ngày 11/7/2019, 23/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	230.000	92.000				174.000	92.000			82.000	30.000	20.000			10.000		
3	Đường Lý Anh Tông kéo dài (đoạn từ ĐT.295B sang phía Tây thành phố đến đường H), thành phố Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	280/NQ-HĐND ngày 17/7/2021; 364/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	166.348	84.000	774/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	157.910	84.000	133.000	84.000			49.000	28.000	18.000			10.000		
4	ĐT XD cầu Kênh Vàng và đường dẫn hai đầu cầu kết nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương	Ban QLDAXD Giao thông	366/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	1.590.000	900.000				1.272.000	900.000			372.000	273.000	223.000			50.000		
R	<b>YÓN NGOÀI NƯỚC</b>			<b>69.748</b>	<b>28.600</b>		<b>69.748</b>	<b>28.600</b>	<b>62.855</b>	<b>28.600</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>34.255</b>	<b>40.767</b>	<b>27.067</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.700</b>	<b>-</b>	
V	<b>Công nghệ thông tin</b>			<b>69.748</b>	<b>28.600</b>		<b>69.748</b>	<b>28.600</b>	<b>62.855</b>	<b>28.600</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>34.255</b>	<b>40.767</b>	<b>27.067</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.700</b>	<b>-</b>	
I	<b>Chuyển tiếp</b>			<b>69.748</b>	<b>28.600</b>		<b>69.748</b>	<b>28.600</b>	<b>62.855</b>	<b>28.600</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>34.255</b>	<b>40.767</b>	<b>27.067</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.700</b>	<b>-</b>	
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Bắc Ninh vay vốn Ngân hàng thế giới	Sở Tài nguyên và Môi trường	599/QĐ-UBND ngày 20/10/2016	69.748	28.600	609/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	69.748	28.600	62.855	28.600			34.255	40.767	27.067			13.700		

## PHỤ LỤC 07:

**DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ BÓI VỚI DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP THUỘC NHIỆM VỤ CHI CỦA CẤP HUYỆN, XÃ**  
(Kèm theo Tờ trình số...../TT-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nhóm DA	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTBT		Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	LŨY KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Ngân sách tỉnh tiếp tục hỗ trợ giai đoạn 2022-2025	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMBT	Số, ngày tháng	TMBT								
		Dự án thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện, xã (Ngân sách tỉnh hỗ trợ giai đoạn 2021-2025; phần còn lại ngân sách địa phương bố trí)			2.605.075		2.419.534		611.872	1.007.412	591.195	495.717		217.322	
		Huyện Gia Bình			369.343		367.932		124.312	194.000	111.503	86.497		40.867	
1	B	Dự án đầu tư xây dựng đường Huyện Quang kéo dài đi QL.17 và các tuyến nhánh, thị trấn Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	159.997		159.997	2018-2022	63.704	56.000	41.400	14.600	4	10.000	
2	B	Dự án đầu tư xây dựng đường trục trung tâm đô thị Nhân Thắng kéo dài đi TL.285 mới và tuyến nhánh	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND ngày 3/10/2018	119.982		119.982	2018-2022	28.608	58.000	20.000	38.000	2	10.000	
3	C	Đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật chống ngập úng thôn Đông Bình, thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (UBND thị trấn Gia Bình)	561/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	39.375		38.110	2020-2022	10.000	17.000	10.133	6.867	2	6.867	
4	C	Trường mầm non Hoàng Đăng Miện huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	Phụ lục 19 - Nghị quyết 131/NQ - HĐND ngày 03/10/2018	49.989		49.843	2018-2022	12.000	25.000	11.000	14.000	2	8.000	
5	C	Dự án đầu tư xây dựng công trình trường Mầm non xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	Phụ lục 10 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019	59.716		59.708	2019-2023	10.000	38.000	24.970	13.030	1	6.000	
		Huyện Lương Tài			106.814		101.888		28.899	44.863	11.863	33.000		17.000	
6	C	Dự án chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Thứa, huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1189/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	49.574		45.058	2019-2021, tiếp đến năm 2022	499	30.000	7.000	23.000	1	7.000	
7	C	Dự án ĐTXD đường ĐH 8 đoạn từ TL280 đi cầu Bến, xã Bình Định, huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	389/QĐ-UBND ngày 28/03/2019	19.943		19.533	2019-2021	5.000	9.863	4.863	5.000	2	5.000	Dự án đã hoàn thành xây lắp, phân bổ để thanh toán khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn
8	C	Cải tạo, chỉnh trang sông Thứa (Đoạn hồ Thứa đi TL280)	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	370/BC-HĐBTĐ.QLN ngày 03/11/2021	37.297		37.297	2019-2022	23.400	5.000	-	5.000	3	5.000	
		Huyện Quế Võ			585.505		526.707		162.708	189.000	88.000	121.000		48.000	
9	B	đường trục chính đô thị từ tỉnh lộ 279 đi Khu công nghiệp Quế Võ số 3, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	96.821		95.139	2018-2021, tiếp đến năm 2022	41.204	24.000	14.000	10.000	3	5.000	
10	B	Dự án ĐTXD đường trục huyện Quế Võ đoạn từ TL.279 đi Bằng An, lên đê Hữu Cầu	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	102.533		102.486	2018-2020	30.000	35.000	19.000	16.000	2	5.000	
11	C	Dự án đầu tư xây dựng đường trục huyện Quế Võ đoạn từ QL18 đi xã Phù Lương	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	NQ 107/NQ-HĐND ngày 17/4/2018	59.982		59.936	2018-2020, tiếp đến năm 2022	22.504	17.000	5.000	12.000	3	8.000	
12	B	Đường trục chính đô thị đoạn từ QL18 đi xã Việt Hùng, xã Bằng An, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	62/TT HĐND18 ngày 05/4/2018	175.293		144.495	2018-2021, tiếp đến năm 2022	42.000	48.000	12.000	36.000	3	9.000	
13	C	Hệ thống tiêu thoát nước trên địa bàn huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	Chưa rõ	69.762		69.762	2018-2020	27.000	21.000	8.000	13.000	3	13.000	

STT	Nhóm DA	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	LŨY KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Ngân sách tỉnh tiếp tục hỗ trợ giai đoạn 2022-2025	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022	Chi chú
				Số, ngày tháng	TMBT	Số, ngày tháng	TMBT								
14	C	ĐT XD Trường THCS xã Phương Liễu, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	211/NQ - HĐND, ngày 29/10/2019; 446/BCTĐ-HĐCT.QLN ngày 29/11/2021	81.114	359/QĐ - UBND, ngày 20/3/2020	54.889	2020-2023	-	44.000	10.000	34.000	1	8.000	Đang điều chỉnh CTĐT, TMBT sau đc: 81,114 tỷ đồng (nguồn vốn NS tỉnh 44 tỷ đồng; còn lại NS huyện và nguồn vốn hợp pháp khác)
		Huyện Thuận Thành			418.391	-	396.345	-	16.648	234.987	151.987	83.000		36.500	
15	C	ĐT XD đường giao thông từ Trung tâm thể thao đi nhà máy xử lý nước thải huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	645/QĐ UBND, ngày 15/10/2019	52.187	1751/QĐ UBND, ngày 30/10/2019; 976/QĐ-UBND ngày 6/8/2021	49.965	2020-2022	404	29.000	15.000	14.000	1	6.000	
16	C	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ Ngọc Khám, xã Gia Đông đi Trung tâm thể thao huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	Phụ lục 13 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019	74.812	1122/QĐ UBND, ngày 19/8/2020	73.255	2019-2021	658	47.987	38.987	9.000	1	4.500	
17	B	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ QL.38 qua nhà máy xử lý nước thải huyện Thuận Thành đi QL.17, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	Phụ lục 14 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019	87.864	1819/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	77.379	2020-2024	706	47.000	26.000	21.000	1	7.000	
18	B	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh QL.17 đoạn từ QL.17 đi QL.38 thuộc địa phận xã An Bình, xã Trầm Lồ, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	Phụ lục 18 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019	83.027	1070/QĐ-UBND ngày 06/8/2020	81.072	2020-2024	755	49.000	33.000	16.000	1	5.000	
19	C	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ Khu công nghiệp Khai Sơn đi đường tránh QL.17, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	Phụ lục 19 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019	65.500	1811/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	60.077	2019-2022	825	38.000	24.000	14.000	1	5.000	
20	C	Dự án ĐT XD hệ thống đường trục xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1144/QĐ UBND, ngày 31/7/2019	55.000	1643/QĐ UBND, ngày 17/10/2019	54.596	2019-2021	13.300	24.000	15.000	9.000	2	9.000	Dự án đã hoàn thành xây lắp, phân bổ để thanh toán khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn
		Huyện Tiên Du			583.031	-	576.228	-	140.423	226.398	171.898	110.000		44.500	
21	B	Đường HL6 đoạn từ TL276 vào trụ sở BCH quân sự mới và làng đại học I	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	104.475	1977/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	102.759	2019-2021	20.343	41.000	14.000	27.000	2	10.000	
22	C	Đường du lịch Phật Tích kéo dài đi Cảnh Hưng (giai đoạn I)	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1876/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	29.998	QĐ số 1963/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	29.130	2019-2021	10.000	10.000	5.000	5.000	2	5.000	Dự án đã hoàn thành xây lắp, phân bổ để thanh toán khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn
23	C	Đường nhánh nội bộ trung tâm hành chính mới huyện Tiên Du (giai đoạn I)	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1878/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	59.989	QĐ số 1976/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	58.697	2019-2021	30.122	12.000	7.000	5.000	2	5.000	Dự án đã hoàn thành xây lắp, phân bổ để thanh toán khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn
24	B	Đường ĐT1 kéo dài (đoạn từ TL276 đến đường Nội Duệ-Tri Phương) huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	216.000	QĐ số 1921/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	213.549	2018-2022	45.058	86.398	32.398	54.000	3	8.000	
25	C	Dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đê tá Đường (tại xã Minh Đạo) đi TL.287, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	201/NQ-HĐND ngày 11/07/2019	75.435	1745/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	74.959	Năm 2020-2022, tiếp đến năm 2023	17.400	30.000	16.000	14.000	2	14.000	
26	B	Dự án đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Hoàn Sơn, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	Chưa rõ	97.134	1788/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	97.134	2019-2023	17.500	47.000	42.000	5.000	2	2.500	

STT	Nhóm DA	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	LŨY KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Ngân sách tỉnh tiếp tục hỗ trợ giai đoạn 2022-2025	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMBT	Số, ngày tháng	TMBT								
		Huyện Yên Phong			103.432	-	97.884	-	600	64.765	33.000	31.765		10.000	
27	C	Dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đê sông Cầu, xã Dũng Liệt đi Khu công nghiệp Yên Phong I mở rộng, huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	201/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	76.450	1804/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	70.902	2020-2022	400	45.765	18.000	27.765	1	8.000	
28	C	Trường mầm non khu nhà ở Đồng Riệp thôn Phú Mẫn, thị trấn Chờ, Huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	690/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	26.982	687/QĐ - UBND, ngày 16/6/2020	26.982	2020-2022	200	19.000	15.000	4.000	1	2.000	
		Thành phố Bắc Ninh			324.844	-	243.564	-	125.882	31.399	14.399	17.000		7.000	
29	b	Mở rộng đường Lý Anh Tông kết nối với nút giao Tây Nam	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	Chưa rõ	134.047	739/QĐ-UBND ngày 29/3/2018; 527/QĐ, 27/4/2018	134.047	2018-2021	95.882	5.399	3.399	2.000	4	2.000	Dự án đã hoàn thành xây lắp, phân bổ để thanh toán khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn
30	B	Đường Hoàng Hoa Thám kéo dài đoạn từ dự án đầu giá QSD đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường Kinh Bắc (DA K15) đến đường H, tp Bắc Ninh	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND 03/10/2018	190.797	1969/QĐ UBND, ngày 30/10/2018	109.517	2019-2022	30.000	26.000	11.000	15.000	2	5.000	
		Thị xã Từ Sơn			54.000	-	49.278		12.400	22.000	8.545	13.455		13.455	
31	C	Dự án ĐTXD Đường về khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ đoạn từ ĐT.277 qua UBND phường Trang Hạ, thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	454/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	54.000	1608/QĐ UBND, ngày 15/10/2019	49.278	2019-2021, tiếp đến năm 2023	12.400	22.000	8.545	13.455	2	13.455	



**PHỤ LỤC 08:**  
**DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 CHO CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP**  
 (Kèm theo Tờ trình số...../TT-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nhóm DA	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			LŨY KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMĐT	Thời gian KC-HT					Tổng cộng	Nguồn Xổ số năm 2022	Nguồn XDCB tập trung	
<b>DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP</b>					<b>9.591.219</b>		<b>2.706.185</b>	<b>4.334.531</b>	<b>1.142.855</b>		<b>785.823</b>	<b>19.000</b>	<b>766.823</b>	
I		Lĩnh vực Quốc phòng		102.719			65.500	21.500	12.292		9.208	-	9.208	
1	B	Công trình đường hầm Sò chi huy thống nhất tỉnh Bắc Ninh	Bộ CHQS tỉnh	1736/QĐ-UBND; 31/12/2015	102.719	2015-2022	65.500	21.500	12.292	4	9.208		9.208	Đã phê duyệt CTĐT điều chỉnh tại NQ 31/NQ-HĐND ngày 17/6/2021, TMĐT là 108 tỷ đồng
II		Lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội		223.052			15.000	165.000	46.600		28.400	-	28.400	
2	C	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ	Công an tỉnh	Số 350/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	6.475	2020-2022	2.500	3.000	2.000	2	1.000		1.000	
3	C	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự thị trấn Lím, huyện Tiên Du	Công an tỉnh	Số 352/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	6.343	2020-2022	2.500	3.000	2.000	2	1.000		1.000	
4	C	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Trùng Xá, huyện Lương Tài	Công an tỉnh	Số 354/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	7.607	2020-2022	2.500	4.000	2.300	2	1.700		1.700	
5	C	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành	Công an tỉnh	Số 359/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	7.064	2020-2022	2.500	3.000	1.000	2	2.000		2.000	
6	C	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Song Hồ, huyện Thuận Thành	Công an tỉnh	Số 360/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	6.517	2020-2022	2.500	3.000	2.000	2	1.000		1.000	
7	C	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Lai, huyện Gia Bình	Công an tỉnh	Số 362/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	7.813	2020-2022	2.500	4.000	2.300	2	1.700		1.700	
8	B	ĐTXD Trung tâm cảnh sát thuộc Công an tỉnh Bắc Ninh.	Công an tỉnh	1266/QĐ-UBND ngày 10/9/2020	181.234	2020-2024	-	145.000	35.000		20.000		20.000	
III		Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		531.725			181.266	249.000	147.000		69.000	19.000	50.000	
9	C	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng trường THPT Yên Phong số 2	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1749/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 1376/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	42.937	2019-2021; Hoàn thành trong năm 2022	10.300	24.000	6.400	2	17.600		17.600	
10	C	ĐTXD Nhà lớp học, trường THPT Lý Thái Tổ	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1785/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	53.607	2020-2023	10.300	33.000	29.000	2	4.000	4.000		
11	B	Nhà điều hành và học thực hành Trường Cao đẳng sư phạm Bắc Ninh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1948/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	60.986	2018-2022	12.485	36.000	30.000	2	6.000	6.000		
12	C	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1784/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	32.781	2020-2022	8.000	18.000	8.600	2	9.400		9.400	

STT	Nhóm DA	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	LŨY KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT						Tổng cộng	Nguồn Xố số năm 2022	Nguồn XDCB tập trung	
13	C	Dự án ĐTXD mở rộng trường THPT Lý Nhân Tông	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1786/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 572/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	42.517	2020-2023	7.500	27.000	15.000	2	9.000	9.000	-	
14	B	Trường THCS Hàn Thuyên huyện Lương Tài	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1567/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1499/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	152.223	2017-2023	97.569	24.000	13.000	4	11.000		11.000	
15	B	Trường THCS trọng điểm huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1975/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	146.674	2018-2022	35.111	87.000	45.000	3	12.000		12.000	
IV		Lĩnh vực Khoa học, công nghệ			81.478		65.289	500	-		500	-	500	
16	b	Tăng cường năng lực hoạt động cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng giai đoạn 2012-2020	Chi cục Tiêu chuẩn ĐLCL BN Sở KHCN	1550/QĐ-UBND ngày 05/12/2012; 245/QĐ-UBND ngày 09/3/2016; 23/QĐ-UBND ngày 08/11/2019	81.478	2016-2020; đến năm 2022	65.289	500	-		500		500	
V		Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình			588.908		20.000	451.335	73.000		49.718	-	49.718	
17	B	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1782/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	84.401	2020-2023	20.000	47.335	27.000	2	9.718		9.718	
18	B	Dự án mở rộng Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1984/QĐ-UBND ngày 25/12/2017; 1112/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	491.007	2021-2024		393.000	40.000	1	35.000		35.000	
19	C	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Y tế	Sở Y tế	428a/QĐ - KHĐT, ngày 31/10/2019	13.500	2019-2022	-	11.000	6.000	1	5.000		5.000	
VI		Lĩnh vực Văn hóa, thông tin			709.736		264.461	288.000	94.773		56.500	-	56.500	
20	B	Trung tâm văn hóa thiếu nhi phía nam tỉnh tại thị trấn Gia Bình	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1910/QĐ UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	148.483	2018-2021, đến hết năm 2022	51.200	68.000	23.500	3	15.000		15.000	
21	B	Đầu tư xây mới chùa Dạm, xã Nam Sơn, TPBN	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1470/QĐ-UBND; 30/11/2015; 840/QĐ-UBND ngày 4/6/2019	124.736	2015-2020	52.825	47.000	-	1	5.000		5.000	
22	C	Tu bổ, tôn tạo chùa Linh Ứng, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1741/QĐ UBND, ngày 30/10/2019; 1484/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	29.980	2020-2022	7.000	17.000	7.000	2	5.000		5.000	
23	C	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Lũng Khê	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	426/QĐ-KHĐT ngày 31/10/2019; 283/QĐ-SKHĐT, QL.N ngày 22/10/2021	14.934	2020-2022	4.400	8.000	4.500	2	3.500		3.500	

STT	Nhóm DA	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	LƯU KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMBT						Tổng cộng	Nguồn XĐ số năm 2022	Nguồn XD CB tập trung	
24	B	Tu bổ, tôn tạo di tích Lăng và Đền thờ Kinh Dương Vương	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	51/QĐ-UBND; 17/1/2014; 1603/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	168.680	2014-2018; đến hết năm 2022	82.591	36.000	15.000	4	10.000		10.000	
25	B	Đền thờ Nguyễn Cao tại xã Cách Bi huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1799/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	143.167	2020-2023	44.800	70.000	44.773	2	8.000		8.000	
26	C	Trùng tu, tôn tạo khu di tích Chùa Dầu, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1221/QĐ UBND, ngày 05/9/2017 (PDDA đc)	79.756	2017-2020	21.645	42.000	-	4	10.000		10.000	
VII		Lĩnh vực Thể dục thể thao			105.326		31.056	53.000	23.576		29.424	-	29.424	
27	B	Trung tâm đào tạo và thi đấu bóng chuyền tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1560/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 357/QĐ-UBND ngày 20/3/2020; 1120/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	105.326	2018-2020, tiếp đến năm 2022	31.056	53.000	23.576	4	29.424		29.424	
VIII		Lĩnh vực kinh tế			6.829.833		1.907.918	2.946.000	699.614	-	502.573	-	502.573	
a		Lĩnh vực Cấp nước, thoát nước			219.489		153.390	22.000	-		5.000	-	5.000	
28	B	Hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm CN Phong Khê BN	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	726/QĐ-UBND ngày 07/6/2012	219.489	Đến hết ngày 31/12/2022	153.390	22.000	-		5.000		5.000	
b		Lĩnh vực Giao thông			4.461.310		1.075.518	2.321.000	477.287		355.900	-	355.900	
29	B	Tuyến đường H thành phố Bắc Ninh (đoạn từ nút giao với đường Kinh Dương Vương đến Hồ điều hòa)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	175/QĐ-UBND ngày 2/7/2015; 355/NQ-HĐND ngày 12/4/2021	254.908	2015-2024	30.715	173.000	45.000	2	30.000		30.000	
30	C	Đường vào Trung tâm đào tạo bóng chuyền tỉnh Bắc Ninh (đoạn từ đường Hàn Thuyên đến đường Lê Văn Thịnh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1723/QĐ-UBND, ngày 05/10/2018	24.712	2018-2020, tiếp đến năm 2022	8.400	13.000	1.000	3	12.000		12.000	BC số 423/BCTĐ-HĐCT.ĐTG ngày 26/11/2021 điều chỉnh CTĐT
31	C	Tuyến đường nối đường Hàn Thuyên và đường Đẩu Mã, thành phố Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1912/QĐ UBND, ngày 26/10/2018; 1119/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	36.041	2018-2022	12.500	16.000	5.000	3	11.000		11.000	
32	B	Đường vào nhà hát dân ca quan họ Bắc Ninh (đoạn từ nối tiếp đường Lạc Long Quân qua nhà hát đến đường bê tông Hữu Chấp, xã Hòa Long, TP Bắc Ninh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1559/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	316.505	2017-2021, tiếp đến năm 2023	125.299	128.000	20.000	4	40.000		40.000	
33	C	Dự án ĐTXD đường nối khu A với khu B trường Đại học Dược Hà Nội tại khu đảo tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	955/QĐ-UBND ngày 18/9/2014	19.197	2014-2016	5.475	10.000	-		3.000		3.000	
34	C	Đường gom bên trái QL.18 từ KCN Quế Võ đến khu đô thị Tây Hồ và hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng (lý trình từ Km8+100 đến Km8+400)	Ban QLDAXD Giao thông	1988/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	38.763	2019-2021, tiếp đến năm 2023	12.066	13.000	400	3	12.600		12.600	
35	B	Dự án ĐTXD tuyến ĐT.285B mới, đoạn nối QL.17 với QL.38 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; giai đoạn I,II: đoạn từ ĐT.281 đến ĐT.285 lý trình từ Km4+00 đến Km7+00 và đoạn từ ĐT.280 mới đến QL.38 lý trình từ Km15+00 đến Km22+500 huyện Lương Tài - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	1928/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 (Giai đoạn I, II)	428.354	Đến hết năm 2023	70.319	272.000	10.000	3	25.000		25.000	

STT	Nhóm DA	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	LŨY KẾ PHẦN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMBT						Tổng cộng	Nguồn Xố số năm 2022	Nguồn XDCB tập trung	
36	B	Dự án ĐTXD bổ sung cầu Đồng Xếp 2, nút giao giữa QL.1A với ĐT.287, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	1930/QĐ ngày 26/10/2018	110.941	2018-2022	35.000	54.000	27.000	3	5.000		5.000	
37	B	Đầu tư xây dựng đường TL.287 đoạn từ QL.38 mới, huyện Tiên Du đến Q.L18, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	1915/QĐ ngày 26/10/2018	377.651	2018-2021, tiếp đến năm 2023	85.860	216.000	30.000	3	25.000		25.000	
38	B	Cải tạo, nâng cấp đường TL.286, đoạn Đông Yên Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh (lý trình Km7 + 569,04-Km12+230) giai đoạn 1	Ban QLDAXD Giao thông	321/QĐ ngày 20/03/2018	258.354	2018-2022	61.000	44.000	20.000	3	5.000		5.000	
39	B	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp ĐT.284, đoạn từ Lăng Ngâm – Thị trấn Thứa, huyện Gia Bình – Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh giai đoạn I: Đoạn từ Km2+700 đến Km10+350	Ban QLDAXD Giao thông	1840/QĐ ngày 22/10/2018	313.632	2018-2022	51.400	200.000	42.100	3	20.000		20.000	
40	B	Dự án đầu tư xây dựng ĐT.278 đoạn QL18 lên đê sông Cầu, huyện Quế Võ	Ban QLDAXD Giao thông	1929/QĐ ngày 26/10/2018	232.484	2018-2022	67.547	118.000	15.000	3	20.000		20.000	
41	B	Đầu tư xây dựng cầu Nét (lý trình K77+00) đường ĐT 295 đoạn Yên Phong Từ sơn	Ban QLDAXD Giao thông	1895/QĐ ngày 26/10/2018	119.787	2018-2020, tiếp đến năm 2023	20.000	76.000	15.000	2	10.000		10.000	
42	B	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ TL.277 đến khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ, thị xã Từ Sơn (đoạn từ UBND phường Trang Hạ đi khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ).	Ban QLDAXD Giao thông	1817/QĐ ngày 31/10/2019	461.435	2019-2024	20.000	349.000	66.832	2	20.000		20.000	
43	B	Đường dẫn phía Bắc từ ĐT.276 đến đầu cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành, địa phận huyện Tiên Du	Ban QLDAXD Giao thông	954/QĐ ngày 9/8/2016; 517/QĐ-UBND ngày 01/4/2019; 2100/QĐ ngày 23/12/2019; 1298/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	214.046	2016-2019, tiếp đến năm 2022	143.000	20.000	500	5	5.000		5.000	
44	B	Đường TL276 mới, đoạn từ nút giao với đường Nội Duệ Trì Phương đến đường dẫn phía Bắc cầu Phật Tích Đại Đồng Thành, huyện Tiên Du	Ban QLDAXD Giao thông	1887/QĐ ngày 26/10/2018; 1098/QĐ-UBND ngày 07/09/2021	151.277	2018-2020, tiếp đến năm 2022	44.000	20.000	18.000	3	2.000		2.000	
45	C	Dự án ĐTXD đường TL 287 đoạn Hoàn Sơn đến nút giao đường dẫn phía Bắc Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành (Km5+00 - Km8+650), huyện Tiên Du	Ban QLDAXD Giao thông	1691/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	326.380	2019-2023		261.000	35.000		35.000		35.000	
46	B	Đường TL.284 đoạn thị trấn Thứa đi Văn Thái (lý trình Km11-Km18) huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1544/QĐ-UBND 27/10/2017	197.396	2018-2021, tiếp đến năm 2022	86.845	71.000	15.000	4	10.000		10.000	
47	C	ĐTXD cải tạo, nâng cấp đường vào khu xử lý rác thải tập trung tại xã Phù Lãng, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1138/QĐ-UBND ngày 21/8/2020	75.416	2020-2023	15.000	45.000	32.000	2	13.000		13.000	
48	b	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đê Bình Ngô, xã An Bình, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành	1790/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	121.211	2014-2023	4.409	93.000	12.000	2	20.000		20.000	

STT	Nhóm DA	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	LŨY KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMBT						Tổng cộng	Nguồn Xố số năm 2022	Nguồn XDCB tập trung	
49	B	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh QL.17 đoạn từ QL.38 đi ĐT.276 thuộc địa phận xã Trạm Lộ xã Gia Đông - xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1806/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	86.624	2020-2024	30.400	39.000	15.000	2	5.000		5.000	
50	B	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh QL.17 đoạn từ ĐT.276 đi ĐT.283 thuộc địa phận xã Nguyệt Đức - xã Thanh Khương - xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1504/QĐ UBND, ngày 30/9/2019	81.928	2020-2024	33.732	32.000	20.000	2	10.000		10.000	
51	b	Dự án ĐTXD các tuyến đường gom để giảm ùn tắc giao thông tại khu vực nút giao QL.1A - QL.38, thành phố Bắc Ninh (giai đoạn 1)	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	1971/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	129.993	2018-2022	74.550	29.000	18.000	3	11.000		11.000	
52	B	Dự án ĐTXD Cải tạo, nâng cấp ĐT.277 đoạn từ Phú Đồng đến QL.1A (địa phận xã Phú Chấn, thị xã Từ Sơn)	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	1968/QĐ UBND, ngày 30/10/2018; 1080/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	84.275	Đến hết năm 2022	38.000	29.000	14.455	3	6.300		6.300	
d		Lĩnh vực Nông nghiệp			2.149.834		679.810	683.000	222.327		141.673		141.673	
53	B	Nâng cấp tuyến đê hữu Đuống, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	565/QĐ-UBND ngày 23/5/2011	928.100	2011-2022	332.296	80.000	50.827	4	29.173		29.173	
54	C	Xây dựng tuyến kênh mới từ cống Nội Lạc Nhuế đến bể hút trạm bơm Vạn An	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1837/QĐ-UBND ngày 20/10/2019	50.000	2019-2022	27.200	13.000	5.000	3	8.000		8.000	
55	C	Cải tạo, kiên cố hóa hệ thống kênh sau cống qua đê trạm bơm Phú Mỹ, huyện Thuận Thành	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1871/QĐ-UBND, ngày 25/10/2018	59.558	2019-2022	14.300	20.000	14.500	2	5.500		5.500	
56	B	Cứng hóa kênh tiêu Đồng khởi thuộc hệ thống thủy nông Nam Đuống	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1752/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	99.954	2021-2023	20.000	49.000	25.000	2	5.000		5.000	
57	B	Dự án ĐTXD Trạm bơm Tri Phương II	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3907/QĐ-BNN-XD ngày 29/9/2017	265.002	2017-2021	27.406	185.000	10.000	4	47.000		47.000	

STT	Nhóm DA	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	LŨY KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMBT						Tổng cộng	Nguồn Xổ số năm 2022	Nguồn XDCB tập trung	
58	C	Dự án Trạm bơm tiêu Ngọc Trì, huyện Lương Tài	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1801/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019; 1432/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	75.000	2021-2023		60.000	20.000	1	15.000		15.000	
59	B	Dự án xử lý các vị trí chôn đê xung yếu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Chi cục Thủy lợi	1557/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	179.966	2018-2020	45.215	36.000	25.000	4	5.000		5.000	
60	C	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu chính trạm bơm Trì phương	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	1504/QĐ-UBND; 07/12/2015	77.394	Đến 31/12/2023	31.405	20.000	81	4	5.000		5.000	
61	B	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp, thành phố Bắc Ninh	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	1463/QĐ-UBND; 31/10/2016	279.952	Đến 30/6/2023	138.528	78.000	34.919	5	5.000		5.000	
62	C	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Quế Tân (trong đồng)	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	1958/QĐUBND, ngày 30/10/2018	31.451	2019-2020	15.000	9.000	7.500	3	1.500		1.500	
63	C	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thọ Đức (Trong đồng)	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	1959/QĐUBND, ngày 30/10/2018	34.390	2019-2020	17.000	10.000	8.500	3	500		500	
64	C	ĐTXD Trạm bơm tiêu Nghi An 1	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Đuống	1768/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019	28.821	2019-2021; đến hết 31/10/2022	7.000	15.000	8.000	2	5.000		5.000	
65	C	Đầu tư xây dựng nâng công suất và thay đổi nước ngầm sang sử dụng nước mặt công trình cấp nước sạch tập trung xã Song Hồ, huyện Thuận Thành	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Bắc Ninh	1720/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	39.446	2019-2021	3.660	28.000	13.000	2	10.000		10.000	
<b>XIX</b>		<b>Lĩnh vực trụ sở cơ quan nhà nước</b>			<b>418.442</b>		<b>155.695</b>	<b>160.196</b>	<b>46.000</b>		<b>40.500</b>	<b>-</b>	<b>40.500</b>	
66	B	Trụ sở các Ban Đảng tỉnh Bắc Ninh.	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	848/QĐ-UBND ngày 05/6/2019	87.408	2019-2021	50.000	20.000	5.000	3	9.000		9.000	
67	b	Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp Đài Phát thanh & Truyền hình Bắc Ninh	Đài PTTHBN	293/QĐ-UBND, ngày 16/3/2016	89.447	Đến năm 2022	52.687	19.000	-		3.500		3.500	
68	B	Dự án ĐTXD trụ sở Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	607/QĐ-UBND ngày 19/4/2019	179.079	2018-2021; tiếp đến năm 2022	51.008	92.000	41.000	3	15.000		15.000	
69	c	Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	199/QĐ-VKSTC ngày 22/10/2020	27.158	2021-2023	1.000	13.000	-	1	5.000		5.000	
70	c	Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	200/QĐ-VKSTC ngày 22/10/2020	23.122	2021-2023	1.000	11.000	-	1	5.000		5.000	
71	C	Dự án: Đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh Bắc Ninh	Thanh tra tỉnh	128/QĐ-SKHĐT.ĐTG ngày 16/6/2021	12.228	2021-2022		5.196		1	3.000		3.000	

**PHỤ LỤC 09:**  
**PHỤ LỤC DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN PHÂN BỐ VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NĂM 2022**  
*(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư			Dự kiến phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022	Ghi chú
			Số QĐ	TMĐT	Số QĐ	TMĐT	Trong đó NST hỗ trợ dự án cấp huyện		
<b>TỔNG SỐ</b>				<b>1.811.383</b>		<b>1.811.383</b>	<b>230.000</b>	<b>7.000</b>	
1	Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Ninh (Khu ươm tạo, khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ công nghiệp phụ trợ và công nghệ cao, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	22/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	499.898	Dự kiến	499.898		3.000	
2	Dự án ĐTXD Trung tâm y tế và nhà tang lễ thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	62/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	531.402	Dự kiến	531.402	130.000	1.000	
3	Xử lý nước thải huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	25/NQ-HĐND20 ngày 26/11/2021	414.990	Dự kiến	414.990	100.000	1.000	
4	Đường Hoàng Quốc Việt, thị xã Từ Sơn	Ban QLDAXD Giao thông	39/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	190.624	Dự kiến	190.624		1.000	
5	Đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng cầu Ngà và đường hai đầu cầu	Ban QLDAXD Giao thông	Theo Tờ trình 472/TTr-UBND ngày 14/7/2021	174.469	Dự kiến	174.469		1.000	

**PHỤ LỤC 10:**  
**DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022 (100% Ngân sách địa phương)**  
*(Kèm theo Tờ trình số...../TT-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư		Thời gian thực hiện	TMBT/số vốn ĐTC NST	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (dự kiến)	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Số QĐ	TMBT	Số quyết định	TMBT				Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn bổ sung ĐTC năm 2022	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>29 dự án</b>		<b>2.364.047</b>		<b>1.014.051</b>		<b>2.242.321</b>	<b>1.672.000</b>	<b>448.000</b>	<b>260.000</b>	<b>188.000</b>	
I	<b>Lĩnh vực Quốc phòng</b>		-	<b>29.978</b>	-	-		<b>29.978</b>	<b>24.000</b>	<b>16.000</b>	<b>16.000</b>	-	
	<b>Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh</b>		-	<b>29.978</b>	-	-		<b>29.978</b>	<b>24.000</b>	<b>16.000</b>	<b>16.000</b>	-	
1	Dự án: ĐTXD nhà trực sẵn sàng chiến đấu và các hạng mục phụ trợ Ban CHQS huyện Lương Tài.	Bộ CHQS tỉnh	3547/QĐ-BQP ngày 09/10/2021 của Bộ Quốc Phòng	14.989			2021-2022	14.989	12.000	8.000	8.000		
2	Dự án: ĐTXD nhà trực sẵn sàng chiến đấu và các hạng mục phụ trợ Ban CHQS huyện Gia Bình.	Bộ CHQS tỉnh	3547/QĐ-BQP ngày 09/10/2021 của Bộ Quốc Phòng	14.989			2021-2022	14.989	12.000	8.000	8.000		
II	<b>Lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>		-	<b>249.900</b>	-	<b>123.450</b>		<b>173.450</b>	<b>144.000</b>	<b>35.000</b>	<b>35.000</b>	-	
	<b>Công an tỉnh</b>		-	<b>249.900</b>	-	<b>123.450</b>		<b>173.450</b>	<b>144.000</b>	<b>35.000</b>	<b>35.000</b>	-	
3	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự 10 xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Công an tỉnh	25/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	80.000			2022-2025	80.000	64.000	15.000	15.000		
4	Đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho tỉnh Bắc Ninh	Công an tỉnh	Số 911/QĐ-BCA-H43 ngày 24/3/2017	169.900	3961/QĐ-BCA-H01 ngày 30/5/2019	123.450		93.450	80.000	20.000	20.000		
III	<b>Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>			<b>100.000</b>	-	<b>99.810</b>		<b>99.510</b>	<b>80.000</b>	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	-	
	<b>Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bắc Ninh</b>			<b>100.000</b>	-	<b>99.810</b>		<b>99.510</b>	<b>80.000</b>	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	-	
5	Dự án ĐTXD trường THPT Yên Phong số 1 - Phần Khu 2	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	211/NQ - HĐND, ngày 29/10/2019; 53/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	100.000	1500/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	99.810	2021-2023	99.510	80.000	20.000	20.000		
6	Dự án ĐTXD mở rộng trường THPT Gia Bình số 1 (GPMB đường trục Nhân Thắng)	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	Chưa phê duyệt CTĐT	44.900				44.900	36.000	8.000		8.000	
V	<b>Lĩnh vực Văn hóa, thông tin</b>			<b>148.976</b>		<b>100.411</b>		<b>139.411</b>	<b>112.000</b>	<b>35.000</b>	<b>9.000</b>	<b>26.000</b>	
	<b>Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch</b>			<b>61.031</b>		<b>21.974</b>		<b>60.974</b>	<b>49.000</b>	<b>15.000</b>	<b>9.000</b>	<b>6.000</b>	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hối Quan, thị xã Từ Sơn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	372/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	39.000			2022-2025	39.000	31.000	9.000	9.000		
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Viêm Xá (Đình Diềm), xã Hòa Long, TP Bắc Ninh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	670/QĐ - UBND, ngày 18/10/2019	22.031	1740/QĐ - UBND, ngày 30/10/2019	21.974		21.974	18.000	6.000		6.000	
VI	<b>Lĩnh vực Thể dục thể thao</b>		-	<b>87.945</b>	-	<b>78.437</b>	-	<b>78.437</b>	<b>63.000</b>	<b>20.000</b>	-	<b>20.000</b>	
	<b>Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị</b>			<b>87.945</b>	-	<b>78.437</b>		<b>78.437</b>	<b>63.000</b>	<b>20.000</b>	-	<b>20.000</b>	
9	Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật trung tâm thể dục thể thao tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	281/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	87.945	QĐ 1791/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 (PD dự án)	78.437	2021-2024	78.437	63.000	20.000		20.000	
VII	<b>Lĩnh vực bảo vệ môi trường</b>			<b>66.339</b>		<b>53.897</b>		<b>53.897</b>	<b>43.000</b>	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	-	
	<b>UBND Huyện Quế Võ</b>			<b>66.339</b>		<b>53.897</b>		<b>53.897</b>	<b>43.000</b>	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	-	
10	Dự án ĐTXD trồng dài cây xanh xung quanh khu xử lý chất thải tập trung xã Phù Lãng, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (phòng Tài nguyên môi trường)	340/NQ-HĐND ngày 11/12/2020	66.339	707/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	53.897	2021-2024	53.897	43.000	20.000	20.000		
VIII	<b>Lĩnh vực kinh tế</b>			<b>1.661.969</b>		<b>629.499</b>		<b>1.639.190</b>	<b>1.183.000</b>	<b>292.000</b>	<b>138.000</b>	<b>154.000</b>	



STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư		Thời gian thực hiện	TMBT/số vốn ĐTC NST	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (dự kiến)	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Số QĐ	TMBT	Số quyết định	TMBT				Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn bổ sung ĐTC năm 2022	
a	Lĩnh vực Nông nghiệp			553.683		294.297		547.893	384.000	89.000	67.000	22.000	
	Sở Nông nghiệp và PTNT			497.991		238.614		492.210	339.000	82.000	60.000	22.000	
11	Cứng hóa kênh Nam đoạn K8+700-K14+100	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	60/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	116.429			2021-2024	116.429	93.000	22.000	22.000		
12	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Ngòi Tó, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1118/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	60.000	1271/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	60.000	2021-2023	60.000	30.000	9.000	9.000		
13	Dự án Xử lý lún, nứt thân đê, sạt trượt mái đê đoạn từ K41+200 đến K45+000 đê hữu Đuống, huyện Gia Bình	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phụ lục 14- Nghị quyết 169/NQ - HĐND ngày 17/4/2019	130.000			2021-2023	130.000	102.000	22.000		22.000	
14	Xây dựng tuyến kênh kéo dài nối từ kênh Nam khu công nghiệp Yên Phong đến kênh tiêu Vạn An	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	90/QĐ- UBND- ngày 22/01/2021	7.567			2021-2023	7.567	6.000	3.000	3.000		
15	Xử lý sạt lở bờ, bãi sông đoạn từ K28+500-K31+100 đê tả Đuống, huyện Tiên Du	Chi cục Thủy lợi	58/QĐ-UBND ngày 15/01/2021	79.000	1433/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	78.954	2021-2023	78.954	40.000	10.000	10.000		
16	Kê Việt Thống huyện Quế Võ (giai đoạn 2)	Chi cục Thủy lợi	972/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	45.000	1569/QĐ-UBND ngày 18/11/2020	39.666		39.666	20.000	6.000	6.000		
17	Lắp đặt máy vớt rác tự động các trạm bơm Tân Chi, Phấn Động, Kim đôi 2	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	581/QĐ-UBND; 269/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 ,ngày 16/4/2019	59.994	1746/QĐ-UBND; 30/10/2019	59.994	Hoàn thành năm 2023	59.994	48.000	10.000	10.000		
	UBND huyện Lương Tài			55.692		55.683		55.683	45.000	7.000	7.000		-
18	ĐTXD 10 trạm bơm cục bộ huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1663/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	55.692	1767/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	55.683		55.683	45.000	7.000	7.000		
b	Lĩnh vực Giao thông			1.072.386		335.202		1.055.397	770.000	193.000	61.000	132.000	
	Sở Giao thông vận tải (Ban QLDA)			960.124		335.202		943.495	711.000	172.000	40.000	132.000	
19	Đầu tư xây dựng đường ĐT.285B (đoạn từ ĐT.295, xã Đông Tiến đến QL.3 mới huyện Yên Phong) và nút giao hoàn chỉnh nối ĐT.285B với QL.3 mới	Ban QLDA XD Giao thông	375/TT-BCS ngày 25/11/2021	528.300				528.300	422.000	120.000		120.000	
20	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL.295 đoạn từ vị trí chân cầu vượt nút giao với QL.18 đến đường TL.285B theo quy hoạch	Ban QLDA XD Giao thông	211/NQ - HĐND, ngày 29/10/2019	79.994				79.994	64.000	12.000		12.000	
21	Dự án ĐTXD đường ĐT.287 đoạn từ xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong đến phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn	Ban QLDA XD Giao thông	169/NQ-HĐND ngày 17/4/2019	351.830	1708/QĐ ngày 29/10/2019	335.202		335.202	225.000	40.000	40.000		
	UBND huyện Tiên Du			39.939		-		39.939	20.000	8.000	8.000		-
22	Dự án ĐTXD đường ĐT.277, đoạn từ QL.38 đến ĐT.276, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	543/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	39.939				39.939	20.000	8.000	8.000		
	UBND thành phố Bắc Ninh			9.056		-		8.696	7.000	4.000	4.000		-
23	Dự án đầu tư xây dựng tuyến nhánh giao thông hướng Lạng Sơn đi Quảng Ninh thuộc nút giao QL.18 với QL.1A	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	435/QĐ-UBND ngày 22/09/2020	9.056				8.696	7.000	4.000	4.000		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTBT		Quyết định đầu tư		Thời gian thực hiện	TMBT/số vốn ĐTC NST	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (dự kiến)	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Số QĐ	TMBT	Số quyết định	TMBT				Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn bổ sung ĐTC năm 2022	
	<b>UBND thị xã Từ Sơn</b>			63.267		-		63.267	32.000	9.000	9.000	-	
24	Dự án ĐTXD cải tạo nâng, cấp nút giao Đại Đình - tuyến đường nhánh kết nối TL.277 và QL.1A (hướng Phù Chấn đi Hà Nội và Bắc Giang về Từ Sơn), thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	305/QĐ-UBND ngày 22/7/2020	63.267				63.267	32.000	9.000	9.000		
	<b>Lĩnh vực Công nghệ thông tin</b>			35.900		-	-	35.900	29.000	10.000	10.000	-	
	<b>Văn phòng Tỉnh ủy</b>			35.900		-	-	35.900	29.000	10.000	10.000	-	
25	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025	Văn phòng Tỉnh ủy	208/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	35.900			2022-2024	35.900	29.000	10.000	10.000		
XIX	<b>Lĩnh vực trụ sở cơ quan nhà nước</b>			61.985		-	-	61.985	50.000	22.000	22.000	-	
	<b>Ban Tiếp công dân</b>			7.000		6.984	-	7.000	6.000	3.000	3.000	-	
26	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Tiếp công dân tỉnh Bắc Ninh	Ban Tiếp công dân tỉnh	255/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	7.000	313/QĐ-SKHĐT.ĐTG ngày 19/11/2021	6.984	2022-2024	7.000	6.000	3.000	3.000		
	<b>Sở Tư pháp</b>			10.000		-	-	10.000	8.000	4.000	4.000	-	
27	Dự án cải tạo, mở rộng trụ sở Phòng Công chứng số 2 tỉnh Bắc Ninh	Sở Tư pháp	210/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	10.000			2022-2024	10.000	8.000	4.000	4.000		
	<b>Văn phòng Tỉnh ủy</b>			29.986		-	-	29.986	24.000	10.000	10.000	-	
28	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Tỉnh ủy Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	254/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	29.986			2022-2024	29.986	24.000	10.000	10.000		
	<b>Sở Tài nguyên và môi trường</b>			14.999		-	-	14.999	12.000	5.000	5.000	-	
29	Cải tạo sửa chữa Trung tâm kỹ thuật tài nguyên - Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và môi trường	498/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	14.999				14.999	12.000	5.000	5.000		

**PHỤ LỤC 11: DANH SÁCH DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THEO QUY ĐỊNH**

*(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên dự án	Nhà đầu tư đề xuất	Địa điểm	Quyết định chủ trương			Văn bản của UBND tỉnh về		Vốn đầu tư công NSNN hỗ trợ năm 2022	Ghi chú
				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng hỗ trợ dự kiến	Số, ngày tháng	Mức hỗ trợ		
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>202.000</b>	<b>23.440</b>	-	<b>11.861</b>	<b>12.000</b>	-
1	Dự án sản xuất chế biến các sản phẩm nông nghiệp và trưng bày giới thiệu sản phẩm	Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông sản Vĩnh Cửu	xã An Thịnh, huyện Lương Tài	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	32.000	12.240	3182/UBND-NN ngày 04/10/2021	11.861	8.000	
2	Dự án sản xuất nông sản xanh, sạch, an toàn	Công ty nông nghiệp CNC Hồ Gươm Bắc Ninh	xã Lâm Thao, huyện Lương Tài	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	170.000	11.200			4.000	

**PHỤ LỤC 12-A:**  
**DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CHƯA ĐỦ THỦ TỤC ĐẦU TƯ (Đến ngày 05/12/2022)**  
 (Kèm theo Tờ trình số...../TT-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Nhà đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		TMĐT/số vốn ĐTC NST	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
			Số QĐ	TMĐT			
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>3.486.178</b>	<b>1.065.655</b>	<b>652.000</b>
<b>I</b>	<b>Dự án chưa phê duyệt chủ trương đầu tư</b>				<b>394.900</b>	<b>394.900</b>	<b>128.000</b>
<b>a</b>	<b>Dự án ngân sách tỉnh quản lý</b>				<b>394.900</b>		<b>128.000</b>
1	Dự án ĐTXD mở rộng trường THPT Gia Bình số 1 (GPMB đường trục Nhân Thắng)	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp			44.900	44.900	8.000
2	Đầu tư xây dựng đường ĐT.285B (đoạn từ ĐT.295, xã Đông Tiến đến QL.3 mới huyện Yên Phong) và Nút giao hoàn chỉnh nối ĐT.285B với QL.3 mới	Ban QLDAXD Giao thông			350.000	350.000	120.000
<b>II</b>	<b>Dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa phê duyệt dự án</b>				<b>2.889.278</b>	<b>670.755</b>	<b>512.000</b>
<b>a</b>	<b>Dự án sử dụng vốn Ngân sách trung ương</b>				<b>2.203.163</b>		<b>363.000</b>
1	Xử lý sạt lở bờ, bãi sông đoạn từ K32+544 - K33+300 và đoạn K46+500 - K46+700 đê hữu Cầu, huyện Yên Phong	Chi cục Thủy lợi	368/NQ-HĐND ngày 10/5/2021		85.000		20.000
2	Dự án ĐTXD đường ĐT278 đoạn từ QL18, xã Phương Mao đến ĐT287, xã Yên Giả, huyện Quế Võ	Ban QLDAXD Giao thông	291/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; 363/NQ-HĐND ngày 10/5/2021		298.163		40.000
3	ĐTXD ĐT.282B đoạn từ ĐT.285 đi đường dẫn cầu Bình Than, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	Phụ lục 11 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019, 23/NQ-HĐND ngày 16/7/2021		230.000		30.000
4	ĐTXD cầu Kênh Vàng và đường dẫn hai đầu cầu kết nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương	Ban QLDAXD Giao thông	366/NQ-HĐND ngày 10/5/2021		1.590.000		273.000
<b>b</b>	<b>Dự án ngân sách tỉnh quản lý</b>				<b>686.115</b>		<b>149.000</b>
1	Dự án Xử lý lún, nứt thân đê, sạt trượt mái đê đoạn từ K41+200 đến K45+000 đê hữu Đuống, huyện Gia Bình	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phụ lục 14- Nghị quyết 169/NQ - HĐND ngày 17/4/2019		130.000	130.000	22.000
2	Xây dựng tuyến kênh kéo dài nối từ kênh Nam khu công nghiệp Yên Phong đến kênh tiêu Vạn An	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	90/QĐ- UBND- ngày 22/01/2021		7.567	7.567	3.000
3	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL.295 đoạn từ vị trí chân cầu vượt nút giao với QL.18 đến đường TL.285B theo quy hoạch	Ban QLDAXD Giao thông	211/NQ - HĐND, ngày 29/10/2019		79.994	79.994	12.000
4	Dự án: ĐTXD nhà trực sẵn sàng chiến đấu và các hạng mục phụ trợ Ban CHQS huyện Lương Tài.	Bộ CHQS tỉnh	3547/QĐ-BQP ngày 09/10/2021 của Bộ Quốc Phòng		14.989	14.989	8.000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Nhà đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		TMBT/số vốn ĐTC NST	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
			Số QĐ	TMBT			
5	Dự án: ĐTXD nhà trực sẵn sàng chiến đấu và các hạng mục phụ trợ Ban CHQS huyện Gia Bình.	Bộ CHQS tỉnh	3547/QĐ-BQP ngày 09/10/2021 của Bộ Quốc Phòng	14.989	14.989	8.000	
6	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự 10 xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Công an tỉnh	25/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	80.000	80.000	15.000	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hôi Quan, thị xã Từ Sơn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	372/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	39.000	39.000	9.000	
8	Cứng hóa kênh Nam đoạn K8+700-K14+100	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	60/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	116.429	116.429	22.000	
9	Dự án ĐTXD đường ĐT.277, đoạn từ QL.38 đến ĐT.276, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	543/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	39.939	39.939	8.000	
10	Dự án đầu tư xây dựng tuyến nhánh giao thông hướng Lạng Sơn đi Quảng Ninh thuộc nút giao QL.18 với QL.1A	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	435/QĐ-UBND ngày 22/09/2020	9.056	8.696	4.000	
11	Dự án ĐTXD cải tạo nâng, cấp nút giao Đại Đình - tuyến đường nhánh kết nối TL.277 và QL.1A (hướng Phù Chẩn đi Hà Nội và Bắc Giang về Từ Sơn), thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	305/QĐ-UBND ngày 22/7/2020	63.267	63.267	9.000	
12	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025	Văn phòng Tỉnh ủy	208/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	35.900	35.900	10.000	
13	Dự án cải tạo, mở rộng trụ sở Phòng Công chứng số 2 tỉnh Bắc Ninh	Sở Tư pháp	210/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	10.000	10.000	4.000	
14	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Tỉnh ủy Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	254/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	29.986	29.986	10.000	
15	Cải tạo sửa chữa Trung tâm kỹ thuật tài nguyên - Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và môi trường	498/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	14.999		5.000	
<b>III</b>	<b>Nhiệm vụ chi hỗ trợ đầu tư theo chính sách của tỉnh</b>			<b>202.000</b>	<b>-</b>	<b>12.000</b>	
1	Dự án sản xuất chế biến các sản phẩm nông nghiệp và trưng bày giới thiệu sản phẩm	Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông sản Vĩnh Cửu	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	32.000		8.000	Bổ trí vốn sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền nghiệm thu
2	Dự án sản xuất nông sản xanh, sạch, an toàn	Công ty nông nghiệp CNC Hồ Gươm Bắc Ninh	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	170.000		4.000	



a	Dự án thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện, xã (Ngân sách tỉnh hỗ trợ giai đoạn 2021-2025; phần còn lại ngân sách địa phương hỗ trợ)			658.131		614.174		63.455	
1	Dự án chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Thứa, huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1189/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	49.574	1748/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	45.058	2019-2021, tiếp đến năm 2022	7.000	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
2	đường trục chính đô thị từ tỉnh lộ 279 đi Khu công nghiệp Quế Võ số 3, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	96.821	1942/QĐ UBND, ngày 29/10/2018	95.139	2018-2021, tiếp đến năm 2022	5.000	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
3	Dự án ĐTXD đường trục huyện Quế Võ đoạn từ TL.279 đi Bằng An, lên đê Hữu Cầu	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	102.533	1926/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018	102.486	2018-2020	5.000	Thời gian thực hiện dự án theo CTĐT là đến năm 2022, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
4	đường trục chính đô thị đoạn từ QL18 đi xã Việt Hùng, xã Bằng An, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	62/TT HĐND18 ngày 05/4/2018	175.293	1101/QĐ-UBND, ngày 11/7/2018; 605/QĐ-UBND ngày 19/4/2019	144.495	2018-2021, tiếp đến năm 2022	9.000	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
5	Đường HL6 đoạn từ TL276 vào trụ sở BCH quân sự mới và làng đại học I	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	104.475	1977/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	102.759	2019-2021	10.000	Thời gian thực hiện dự án theo CTĐT là đến năm 2022, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
6	Dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đê tà Đuồng (tại xã Minh Đạo) đi TL.287, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	201/NQ-HĐND ngày 11/07/2019	75.435	1745/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	74.959	Năm 2020-2022, tiếp đến năm 2023	14.000	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
7	Dự án ĐTXD Đường về khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ đoạn từ ĐT.277 qua UBND phường Trang Hạ, thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	454/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	54.000	1608/QĐ UBND, ngày 15/10/2019	49.278	2019-2021, tiếp đến năm 2023	13.455	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
b	Dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh			3.072.855		3.195.666		293.408	
1	Công trình đường hầm Sờ chi huy thống nhất tỉnh Bắc ninh	Bộ CHQS tỉnh	119/TTHDDND17 ngày 14/7/2015; 31/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	108.431	1736/QĐ-UBND; 31/12/2015	102.719	2015-2022	9.208	Đã phê duyệt điều chỉnh CTĐT chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
2	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng trường THPT Yên Phong số 2	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	201/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	42.937	1749/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 1376/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	42.937	2019-2021; Hoàn thành trong năm 2022	17.600	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
3	Tăng cường năng lực hoạt động cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng giai đoạn 2012-2020	Chi cục Tiêu chuẩn ĐLCL BN Sờ KHCN	202/TTHDDND ngày 16/10/2015; 54/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	71.609	1554/QĐ-UBND ngày 05/12/2012; 245/QĐ-UBND ngày 09/3/2016; 23/QĐ-UBND ngày 08/01/2019	81.478	2016-2020; đến năm 2022	500	Đã điều chỉnh CTĐT, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
4	Trung tâm văn hóa thiếu nhi phía nam tỉnh tại thị trấn Gia Bình	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	149.938	1910/QĐ UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	148.483	2018-2021, đến hết năm 2022	15.000	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
5	Đầu tư xây mới chùa Dạm, xã Nam Sơn, TPBN	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	238/NQ-HĐND, ngày 05/12/2019	124.736	1470/QĐ-UBND; 30/11/2015; 840/QĐ-UBND ngày 4/6/2019	124.736	2015-2020	5.000	Có VB số 4388/UBND-XDCB ngày 22/12/2020 gia hạn thời gian đến hết 2022 nhưng chưa làm thủ tục về chủ trương đầu tư, dự án đầu tư

6	Trùng tu, tôn tạo khu di tích Chùa Dầu, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)			1221/QĐ UBND, ngày 05/9/2017 (PDDA đc)	79.756	2017-2020	10.000	Cơ VB số 3942/UBND-XDCB ngày 12/11/2020; chưa làm thủ tục điều chỉnh dự án
7	Đường vào Trung tâm đào tạo bóng chuyền tỉnh Bắc Ninh (đoạn từ đường Hàn Thuyên đến đường Lê Văn Thịnh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	764/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	26.585	1723/QĐ-UBND, ngày 05/10/2018	24.712	2018-2020, tiếp đến năm 2022	12.000	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
8	Đường vào nhà hát dân ca quan họ Bắc Ninh (đoạn từ nối tiếp đường Lạc Long Quân qua nhà hát đến đường bê tông Hữu Chấp, xã Hòa Long, TP Bắc Ninh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	234/TT HĐND18 ngày 15/9/2017	319.448	1559/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	316.505	2017-2021, tiếp đến năm 2023	40.000	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
9	Đường gom bên trái QL.18 từ KCN Quế Võ đến khu đô thị Tây Hồ và hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng (lý trình từ Km8+100 đến Km8+400)	Ban QLDAXD Giao thông	1885/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	39.027	1988/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	38.763	2019-2021, tiếp đến năm 2023	12.600	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
10	Dự án ĐTXD tuyến ĐT.285B mới, đoạn nối QL.17 với QL.38 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; giai đoạn I,II: đoạn từ ĐT.281 đến ĐT.285 lý trình từ Km4+00 đến Km7+00 và đoạn từ ĐT.280 mới đến QL.38 lý trình từ Km15+00 đến Km22+500 huyện Lương Tài - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	131/NQ-HĐND ngày 3/10/18	432.300	1928/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 (Giai đoạn I, II)	428.354	Đến hết năm 2023	25.000	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
11	Đầu tư xây dựng đường TL.287 đoạn từ QL.38 mới, huyện Tiên Du đến Q.L18, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	131/NQ-HĐND ngày 3/10/18	377.656	1915/QĐ ngày 26/10/2018	377.651	2018-2021, tiếp đến năm 2023	25.000	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
12	Đầu tư xây dựng cầu Nét (lý trình K77+00) đường ĐT 295 đoạn Yên Phong Từ sơn	Ban QLDAXD Giao thông	131/NQ-HĐND ngày 3/10/18	120.000	1895/QĐ ngày 26/10/2018	119.787	2018-2020, tiếp đến năm 2023	10.000	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
13	Đường TL,284 đoạn thị trấn Thứa đi Văn Thai (lý trình Km11-Km18) huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	230/TT HĐND18 ngày 14/9/2017	219.294	1544/QĐ-UBND 27/10/2017	197.396	2018-2021, tiếp đến năm 2022	10.000	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
14	Dự án ĐTXD Trạm bơm Tri Phương II	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1077/QĐ-BNN-XD ngày 30/3/2017	265.002	3907/QĐ-BNN-XD ngày 29/9/2017	265.002	2017-2021	47.000	CTĐT, DA phê duyệt t/g thực hiện là 17-21 ; QĐ số 1862/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 về việc phê duyệt BVTC và DT hạng mục Kênh, công trình trên kênh... phê duyệt T/g thực hiện là 2021-2022
15	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu chính trạm bơm Tri phương	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống		77.394	1504/QĐ-UBND; 07/12/2015	77.394	Đến 31/12/2023	5.000	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
16	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp, thành phố Bắc Ninh	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	1337/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	279.952	1463/QĐ-UBND; 31/10/2016	279.952	Đến 30/6/2023	5.000	HĐĐT đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
17	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Quế Tân (trong đồng)	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	1657 ngày 28/9/2018	31.451	1958/QĐUBND, ngày 30/10/2018	31.451	2019-2020	1.500	Đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
18	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thọ Đức (Trong đồng)	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	1674/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	34.390	1959/QĐUBND, ngày 30/10/2018	34.390	2019-2020	500	Đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án



19	ĐT XD Trạm bơm tiêu Nghi An 1	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Đường	1768/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019	29.985	1768/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019	28.821	2019-2021; đến hết 31/10/2022	5.000	Đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
20	Đầu tư xây dựng nâng công suất và thay đổi nước ngầm sang sử dụng nước mặt công trình cấp nước sạch tập trung xã Song Hồ, huyện Thuận Thành	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Bắc Ninh	2145/QĐ-UBND, 20/11/2018	52.813	1720/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	39.446	2019-2021	10.000	Chưa điều chỉnh CTĐT, DA về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
21	Trụ sở các Ban Đảng tỉnh Bắc Ninh.	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	169/NQ-HĐND ngày 17/4/2019	89.909	848/QĐ-UBND ngày 05/6/2019	87.408	2019-2021	9.000	Chưa điều chỉnh CTĐT, DA về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
22	Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp Đài Phát thanh & Truyền hình Bắc Ninh	Đài PTTHTN	29/NQ-HĐND ngày 16/7/2021		293/QĐ-UBND, ngày 16/3/2016	89.447	Đến năm 2022	3.500	Đã điều chỉnh CTĐT, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
23	Dự án ĐT XD trụ sở Huyện ủy – HĐND – UBND huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	NQ 131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	179.999	607/QĐ-UBND ngày 19/4/2019	179.079	2018-2021; tiếp đến năm 2022	15.000	HĐTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án

**PHỤ LỤC 13: DỰ KIẾN GHI THU, GHI CHI DỰ ÁN BT NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án	Cơ quan nhà nước được ủy quyền	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Diện tích đất đối ứng		Giá trị đất tính tiền sử dụng đất đã được phê duyệt (triệu đồng)	Giá trị quyết toán		Giá trị đã ghi thu, ghi chi (triệu đồng)	Dự kiến nhu cầu ghi thu, ghi chi (triệu đồng)
				Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích tính tiền sử dụng đất (m <sup>2</sup> )		Quyết định phê duyệt	Giá trị được quyết toán (triệu đồng)		
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>18.344.459,13</b>	<b>13.076.791,45</b>	<b>4.361.345,98</b>	<b>6.204.496,56</b>	<b>1.846.286,28</b>	<b>5.010.096,06</b>	<b>950.782,36</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>	<b>15</b>	<b>5.893.224,42</b>	<b>3.096.906,80</b>	<b>1.180.222,76</b>	<b>5.429.470,23</b>	<b>1.846.286,28</b>	<b>4.560.425,23</b>	<b>657.597,15</b>	
<b>I.1</b>	<b>Dự án đã quyết toán</b>	<b>8</b>	<b>2.309.752,64</b>	<b>1.157.609,80</b>	<b>424.161,46</b>	<b>1.971.385,00</b>	<b>1.846.286,28</b>	<b>1.830.884,00</b>	<b>118.307,46</b>	
1	Dự án ĐTXD công trình cải tạo, nâng cấp TL 277 (đoạn qua xã Phù Khê đến khu lưu niệm cố Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ) và hạ tầng kỹ thuật khu vực Đồng Bèo xã Phù Khê, thị xã Từ Sơn	Sở Giao thông Vận tải	434.525,000	116.101,00	49.625,00	330.538,03	1655/QĐ-UBND ngày 15/11/2017	249.511,111	295.769,000	81.026,919
2	Dự án ĐTXD trường THPT chuyên Bắc Ninh	Sở Giáo dục và Đào tạo	456.684,644	268.019,9	84.889,3	443.909,25	114/QĐ-UBND ngày 01/02/2018	440.663,470	440.663,00	-
3	Dự án ĐTXD nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh	Sở Xây dựng	470.530,000	83.556,3	31.386,4	298.154,78	1102/QĐ-UBND ngày 13/8/2020	421.373,643	296.770,00	1.384,780
4	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 286, đoạn từ thị trấn Chờ đến cầu Đò Lo, huyện Yên Phong (từ Km 13+91,89 đến K17+78,60)	Sở Giao thông Vận tải	277.370,000	227.868,0	60.578,0	307.082,71	1132/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	165.497,075	239.616,00	-
5	Dự án ĐTXD công trình Công Viên Hồ Điều Hòa Văn Miếu, Thành phố Bắc Ninh	UBND thành phố Bắc Ninh	299.740,000	163.328,4	71.579,7	133.962,31	1135/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	227.055,721	136.224,00	-
6	Dự án ĐTXD công trình THCS trọng điểm Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	87.143,000	99.799,2	43.930,4	150.434,83	1793/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	79.284,842	121.203,00	29.231,830
7	Dự án ĐTXD trung tâm Văn hóa Luy Lâu, Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành	213.911,000	180.483,0	71.389,9	259.787,93	1772/QĐ-UBND ngày 17/12/2020	208.159,228	253.124,00	6.663,930
8	Dự án ĐTXD khu trung tâm hành chính xã Văn Môn	UBND huyện Yên Phong	69.849,000	18.454,0	10.782,8	47.515,15	612/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	54.741,194	47.515,00	-
<b>I.2</b>	<b>Dự án chưa quyết toán</b>	<b>7</b>	<b>3.583.471,78</b>	<b>1.939.297,00</b>	<b>756.061,30</b>	<b>3.458.085,23</b>		<b>-</b>	<b>2.729.541,23</b>	<b>539.289,69</b>
9	Dự án ĐTXD hoàn chỉnh nút giao QL.1A - QL.38	UBND thành phố Bắc Ninh	73.591,000	2.700,0	2.251,0	-				-
10	Dự án ĐTXD hệ thống xử lý nước thải thị xã Từ Sơn (Giai đoạn 1)	Sở Xây dựng	916.279,983	479.288,7	208.911,7	1.013.209,80			714.152,00	134.057,800
11	Dự án ĐTXD đường TL277 đoạn từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong (Đoạn qua thị xã Từ Sơn từ Km3+680 đến cầu Đại Đình)	Sở Giao thông vận tải	541.215,000	425.383,0	128.836,3	277.541,23			277.541,23	-
12	Dự án ĐTXD Cải tạo, nâng cấp đường Lý Thái Tổ (đoạn từ TL 295B đến QL1A mới) trung tâm thị xã Từ Sơn và ĐTXD một số công trình trên địa bàn thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn	372.363,050	133.700,0	51.141,9	376.993,56			328.126,00	48.867,560
13	Dự án ĐTXD mở rộng tuyến đường phía Bắc (tuyến số 1) khu tổ hợp SamSung, khu CN Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	63.053,744	89.514,0	35.805,6					-

STT	Tên dự án	Cơ quan nhà nước được ủy quyền	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Diện tích đất đối ứng		Giá trị đất tính tiền sử dụng đất đã được phê duyệt (triệu đồng)	Giá trị quyết toán		Giá trị đã ghi thu, ghi chi (triệu đồng)	Dự kiến nhu cầu ghi thu, ghi chi (triệu đồng)
				Tổng diện tích (m2)	Diện tích tính tiền sử dụng đất (m2)		Quyết định phê duyệt	Giá trị được quyết toán (triệu đồng)		
14	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mở rộng đường trục xã Yên Trung, huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	50.939,000	25.632,3	9.908,6	55.997,31			31.743,00	-
15	Dự án ĐTXD cải tạo nâng cấp TL 295B (QL1A cũ)	Sở Giao thông vận tải	1.566.030,000	783.079,0	319.206,2	1.734.343,33			1.377.979,00	356.364,330
<b>II</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>25</b>	<b>7.795.190,71</b>	<b>5.229.884,65</b>	<b>1.685.392,22</b>	<b>775.026,33</b>			<b>449.670,83</b>	<b>293.185,21</b>
16	Dự án ĐTXD đường vào trung tâm phường Vân Dương	UBND thành phố Bắc Ninh	79.908,000	24.989,0	5.992,30	-				-
17	Dự án ĐTXD tỉnh lộ 286 cải tuyến mới đoạn từ phường Vạn An đến phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh	Sở Giao thông Vận tải	192.308,773	65.010,0	21.152,00	-				-
18	Dự án ĐTXD công trình đường Bình Than Kéo dài, đoạn từ đường Lê Lai đến đường Lý Quốc Sư, khu Khá Lễ, thành phố Bắc Ninh	UBND thành phố Bắc Ninh	74.245,174	10.000,0	3.500,00	-				-
19	Dự án ĐTXD HTKT Khu văn hoá Du lịch đền Đám, thị xã Từ Sơn (Giai đoạn I)	Sở Xây dựng	809.289,764	290.900,0	115.892,16	-				-
20	Dự án ĐTXD đường TL277 đoạn từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong (Đoạn qua huyện Yên Phong từ Km 0+00 đến Km 3+680)	Sở Giao thông Vận tải	516.368,804	195.354,7	92.518,00	565.005,00			250.708,83	225.846,166
21	Dự án ĐTXD Trung tâm văn hóa, thể thao, trường tiểu học và các tuyến đường xã Văn Môn	UBND huyện Yên Phong	585.121,518	242.943,0	102.242,04	-				-
22	Dự án ĐTXD cải tạo, mở rộng đường giao thông ĐX8 và đường trục xã Yên Trung đoạn từ UBND xã đi Xuân Cai; Xây dựng trường mầm non số 02, xã Yên Trung và xây dựng Nhà văn hóa thôn Yên Lãng	UBND huyện Yên Phong	183.439,000	126.747,7	46.797,51	210.021,33			198.962,00	11.059,330
23	Dự án ĐTXD HTKT khu trung tâm hành chính và trụ sở UBND xã Đông Tiễn huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	188.487,000	296.200,0	124.000,00	-				-
24	Dự án ĐTXD đường trục khu trung tâm xã Đông Tiễn, huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	56.184,000			-				-
25	Dự án ĐTXD công trình văn hóa, thể thao, nghĩa trang, đường giao thông các thôn xã Đông Tiễn, huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	100.709,572	85.978,4	39.495,80	-				-
26	Dự án ĐTXD đường trục trung tâm thị trấn Chờ, Yên Phong (Giai đoạn 2)	UBND huyện Yên Phong	168.373,996	90.444,0	31.515,00	-				-
27	Dự án ĐTXD hệ thống hạ tầng kỹ thuật tuyến đường H2 tại Thành phố Bắc Ninh	UBND thành phố Bắc Ninh	633.118,158	451.803,3	142.604,1	-				-
28	Dự án ĐTXD Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo, thành phố Bắc Ninh	UBND thành phố Bắc Ninh	119.727,460	47.500,0	15.780,00	-				-
29	Dự án ĐTXD trường Mầm non phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh	UBND thành phố Bắc Ninh	66.632,700	33.600,0	10.900,00	-				-
30	Dự án ĐTXD tôn tạo khu di tích Đền Đô và sông Tiêu Tương	Sở Xây dựng	667.333,905	349.800,0	122.590,00	-				-

STT	Tên dự án	Cơ quan nhà nước được ủy quyền	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Diện tích đất đối ứng		Giá trị đất tính tiền sử dụng đất đã được phê duyệt (triệu đồng)	Giá trị quyết toán		Giá trị đã ghi thu, ghi chi (triệu đồng)	Dự kiến nhu cầu ghi thu, ghi chi (triệu đồng)
				Tổng diện tích (m2)	Diện tích tính tiền sử dụng đất (m2)		Quyết định phê duyệt	Giá trị được quyết toán (triệu đồng)		
31	Dự án ĐTXD đường Trịnh Xá-Đa Hội	Sở Giao thông Vận tải	1.388.633,000	1.460.000,0	305.831,0	-	-	-	-	
32	Dự án ĐTXD các công trình giao thông, giáo dục đào tạo, văn hóa thể thao, trụ sở làm việc các cơ quan nhà nước trên địa bàn 02 xã Hương Mạc và xã Tam Sơn, TX Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn	699.180,028	396.200,0	136.600,0	-	-	-	-	
33	Dự án ĐTXD trụ sở hành chính xã Yên Phụ, huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	35.521,383	80.000,0	16.681,8	-	-	-	-	
34	Dự án ĐTXD đường giao thông T6, T7, T8 trung tâm huyện lỵ Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành	56.279,716	65.122,0	22.615,0	-	-	-	56.279,716	
35	Dự án ĐTXD Đài tưởng niệm huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành	44.825,658	43.792,6	13.118,4	-	-	-	-	
36	Dự án ĐTXD đường liên xã Dũng Liệt, Tam Đa, Đông Phong huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	429.197,558	325.600,0	116.375,5	-	-	-	-	
37	Dự án ĐTXD khu trung tâm thể dục thể thao thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn	238.840,383	213.500,0	74.833,3	-	-	-	-	
38	Dự án ĐTXD cải tạo hồ Đại Đình và nâng cấp đường chợ Lã, phường Tân Hồng, thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn	68.997,740	35.000,0	10.918,4	-	-	-	-	
39	Dự án ĐTXD các công trình giáo dục, đường giao thông xã Yên Trung, huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	142.284,994	95.700,0	37.600,1	-	-	-	-	
40	Dự án ĐTXD các công trình trường THCS, đường giao thông trên địa bàn xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du	250.182,423	203.700,0	75.839,9	-	-	-	-	
<b>III</b>	<b>Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương tiếp tục thực hiện</b>	<b>1</b>	<b>4.656.044,000</b>	<b>4.750.000,00</b>	<b>1.495.731,0</b>	-	-	-	-	
41	Dự án ĐTXD tuyến đường dọc kênh B2	Sở Giao thông Vận tải	4.656.044,000	4.750.000,0	1.495.731,0	-	-	-	-	

**PHỤ LỤC 01:**  
(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)  
**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN THEO NGUỒN VỐN**  
**NIÊN ĐỘ KẾ HOẠCH 2021 - Đến hết ngày 30/11/2021**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	KH Chính phù giao	Kế hoạch ĐP giao	Thanh toán	Tỉ lệ % (TT/KHCP)	Tỉ lệ % (TT/KHDP)
1	2	3	4	5	6=5:3 (%)	7=5:4 (%)
	<b>TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG (I+II)</b>	<b>5.972.455</b>	<b>8.701.510</b>	<b>6.610.458</b>	<b>110,68</b>	<b>75,97</b>
<b>I</b>	<b>Vốn NSNN (Tỉnh + huyện, xã)</b>	<b>5.972.455</b>	<b>8.635.217</b>	<b>6.607.254</b>	<b>110,63</b>	<b>76,52</b>
	<i>Vốn trong nước</i>	<b>5.952.455</b>	<b>8.615.217</b>	<b>6.607.254</b>	<b>111,00</b>	<b>76,69</b>
	<i>Vốn ngoài nước</i>	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>0,00</b>
<b>A</b>	<b>Ngân sách tỉnh</b>	<b>0</b>	<b>3.908.261</b>	<b>2.842.003</b>		<b>72,72</b>
<b>A1</b>	<b>Vốn trong nước thuộc KHV năm nay</b>	<b>0</b>	<b>3.290.737</b>	<b>2.244.606</b>		<b>68,21</b>
1	<i>Nguồn vốn XD/CB tập trung (QĐ 667, 668, 669, 79, 54, 276)</i>		<b>1.722.929</b>	<b>1.406.620</b>		<b>81,64</b>
2	<i>Nguồn ODA địa phương vay lại của CP (QĐ 668)</i>		<b>15.000</b>			
3	<i>Nguồn vốn Xổ số kiến thiết (QĐ 666)</i>		<b>17.000</b>	<b>15.258</b>		<b>89,75</b>
4	<i>Nguồn vốn HT có MT của NSTW (QĐ 667, QĐ 345)</i>		<b>287.526</b>	<b>117.680</b>		<b>40,93</b>
5	<i>Nguồn vốn khác (QĐ 341- SN GD)</i>		<b>39.185</b>	<b>30.978</b>		<b>79,06</b>
6	<i>Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ( QĐ 340- Thu SD đất)</i>		<b>198.484</b>	<b>133.648</b>		<b>67,33</b>
7	<i>Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ( QĐ 340)</i>		<b>806.292</b>	<b>498.282</b>		<b>61,80</b>
8	<i>Nguồn cải cách tiền lương (QĐ 276, QĐ 400)</i>		<b>179.321</b>	<b>38.705</b>		<b>21,58</b>
9	<i>Nguồn vốn dự phòng NS tỉnh (QĐ 319)</i>		<b>25.000</b>	<b>3.435</b>		<b>13,74</b>
<b>A2</b>	<b>Nguồn vốn trong nước được phép kéo dài</b>		<b>4.268</b>	<b>4.198</b>		<b>98,36</b>
<b>A3</b>	<b>Vốn Ngoài nước - ODA (QĐ 668)</b>		<b>20.000</b>	<b>0</b>		<b>0,00</b>
<b>A4</b>	<b>Ghi thu ghi chi dự án BT</b>		<b>585.856</b>	<b>585.856</b>		<b>100,00</b>
<b>A5</b>	<b>Trả nợ gốc vay</b>		<b>7.400</b>	<b>7.343</b>		<b>99,23</b>
<b>B</b>	<b>Ngân sách huyện, xã</b>		<b>4.726.956</b>	<b>3.765.251</b>		<b>79,65</b>
1	<i>Nguồn vốn thuộc Kế hoạch 2021</i>		<b>4.606.343</b>	<b>3.699.819</b>		<b>80,32</b>
2	<i>Nguồn vốn năm trước được phép kéo dài</i>		<b>120.613</b>	<b>65.432</b>		<b>54,25</b>
<b>II</b>	<b>Vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư</b>		<b>66.293</b>	<b>3.204</b>	<b>0</b>	<b>4,83</b>
1	<i>Thanh tra tỉnh Bắc Ninh (QĐ 359)</i>		<b>3.000</b>	<b>0</b>		<b>0,00</b>
2	<i>Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh (QĐ 285)</i>		<b>59.293</b>	<b>74</b>		<b>0,12</b>
3	<i>Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải (QĐ 283)</i>		<b>4.000</b>	<b>3.130</b>		<b>78,25</b>

**PHỤ LỤC 02:**  
**TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**  
(Kèm theo Tờ trình số...../TT-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phân bổ vốn	Số vốn chuyển	Ghi chú
A	Dự án điều chuyển vốn đi			515.961.469.055	
I	QĐ số 170/QĐ-UBND ngày 20/5/2021; Tờ trình số 12/LS:KHĐT-TC ngày 19/4/2021				
1	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Bảo Bắc Ninh	Bảo Bắc Ninh	669/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	500.000.000	
II	QĐ số 207/QĐ-UBND ngày 14/7/2021; Tờ trình số 32/LS:KHĐT-TC ngày 08/7/2021				
1	Đường Bách Môn - Lạc Vệ đoạn Km0+00 đến Km2+258 (gói 1)	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Tiên Du	340/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	5.000.000.000	
III	QĐ số 315/QĐ-UBND ngày 14/9/2021; Tờ trình số 45/LS:KHĐT-TC ngày 10/9/2021				
1	Lưới điện dân sinh khu phố Trịnh Tháp, phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn.	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	2.425.745.000	
2	Đường gom TT đảo tạo bóng chuyển tính BN (đoạn từ đường Hàn Thuyên đến đường Lê Văn Thịnh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	2.000.000.000	
3	Tuyến đường kết nối đường Hàn Thuyên và đường Đầu Mã, thành phố Bắc Ninh.	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	5.000.000.000	
4	Dự án cải tạo, nâng cấp kênh tiêu chính trạm bơm Trì Phương	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	7.918.814.855	
5	Lập Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Ninh	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	17.772.960.000	
6	Đường dẫn phía Bắc cầu Đại Đồng Thành	Ban QLDA giao thông	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	9.500.000.000	
7	Đường gom bên trái QL.18 từ KCN Quế Võ đến khu đô thị Tây Hồ và hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng (lý trình từ Km8+100 đến Km8+400)	Ban QLDA giao thông	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	2.600.000.000	
IV	QĐ số 323/QĐ-UBND ngày 20/9/2021; Tờ trình số 48/LS: KHĐT-TC ngày 14/9/2021				
1	Đường vào khu vui chơi giải trí, nhà nghỉ vườn đồi sinh thái phường Vân Dương, TP Bắc Ninh giai đoạn 2	Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	10.000.000.000	Vướng mắc giải phóng mặt bằng, UBND thành phố đề nghị cho phép quyết toán hạng mục đã thi công hoàn thành
2	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bắc Ninh	340/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	8.000.000.000	
3	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng trường THPT Yên Phong số 2	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bắc Ninh	340/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	8.600.000.000	
4	Đầu tư xây dựng Cầu Phát Tích - Đại Đồng Thành (cầu vượt sông Đuống nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông	340/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	51.132.000.000	Vướng thủ tục
5	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp đường TL 278 (đoạn từ QL18 + QL38) thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông	667/QĐ-UBND ngày 31/12/2020, 340/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	15.000.000.000	Vướng mặt bằng
6	Dự án ĐTXD tuyến ĐT.285B mới, đoạn nối QL.17 với QL.38 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; giai đoạn I,II: đoạn từ ĐT.281 đến ĐT.285 lý trình từ Km4+00 đến Km7+00 và đoạn từ ĐT.280 mới đến QL.38 lý trình từ Km15+00 đến Km22+500 huyện Lương Tài - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	15.000.000.000	Vướng mặt bằng
7	Dự án ĐTXD Đường về khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ đoạn từ ĐT.277 qua UBND phường Trang Hạ, thị xã Từ Sơn	Ban Quản lý các dự án xây dựng Thị xã Từ Sơn	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	6.454.990.000	Vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng
8	Đầu tư xây mới chùa Dạm, xã Nam Sơn, TPBN	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	10.000.000.000	Đang thực hiện điều chỉnh dự án theo văn bản số 820/UBND-KGVX ngày 24/3/2021
9	Xây dựng hạ tầng sản xuất nông nghiệp đất bãi ven sông (giai đoạn 2)	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	2.550.000.000	
V	QĐ số 379/QĐ-UBND ngày 13/10/2021; Tờ trình số 51/LS:KHĐT-TC ngày 05/10/2021				

TT	Nội dung/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phân bổ vốn	Số vốn chuyển	Ghi chú
1	Đầu tư xây dựng Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành (cầu vượt sông Đuống nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông	340/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	148.868.000.000	Vướng thủ tục
2	Dự án Đường nối từ đê Sông Cầu, xã Dũng Liệt đi khu công nghiệp Yên Phong I mở rộng, huyện Yên Phong	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Yên Phong	340/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	11.765.000.000	Vướng giải phóng mặt bằng
VI	QĐ số 435/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Tờ trình số 61/LS:KHĐT-TC ngày 003/11/2021				
a	<b>Hỗ trợ các dự án cấp huyện quản lý</b>				
1	ĐT XD đường giao thông từ Trung tâm thể thao đi nhà máy xử lý nước thải huyện Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Thuận Thành	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1.000.000.000	
2	Cải tạo, chỉnh trang sông Thứa (Đoạn hồ Thứa đi TL280)	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Lương Tài	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	3.000.000.000	
b	<b>Dự án cấp tỉnh quản lý</b>				
1	Đầu tư xây dựng Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành (cầu vượt sông Đuống nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông	340/QĐ-UBND ngày 30.3.2021	31.100.000.000	
2	Đường gom QL 18, giai đoạn 3 (bên trái tuyến), huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông	669/QĐ-UBND ngày 31.12.2020	900.000.000	
3	Hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Phong Khê, thành phố Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh	669/QĐ-UBND ngày 31.12.2020	5.000.000.000	
4	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh QL.17 đoạn từ ĐT.276 đi ĐT.283 thuộc địa phận xã Nguyệt Đức - xã Thanh Khương - xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Thuận Thành	669/QĐ-UBND ngày 31.12.2020	6.000.000.000	
5	Dự án ĐT XD Đường Lý Tự Trọng (đoạn từ ĐT.295B đến đường Nguyễn Phi Ý Lan), thị xã Từ Sơn	Ban Quản lý các dự án xây dựng thành phố Từ Sơn	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1.135.839.000	
6	Dự án ĐT XD đường giao thông từ đường dẫn cầu Bình Than đi xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	7.400.000.000	
7	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Bắc Ninh vay vốn Ngân hàng thế giới	Sở Tài nguyên và Môi trường	668/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	4.230.000.000	
8	Dự án củng cố phân cuối kênh V8 và mở rộng kênh tiêu V4, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐT XD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	3.827.303.000	
VII	QĐ số 436/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Tờ trình số 62/LS:KHĐT-TC ngày 05/11/2021				
1	Dự án Trạm bơm Tri Phương II, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐT XD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	15.000.000.000	
2	Hạ tầng giao thông khu du lịch Thiên Thai (giai đoạn I)	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	2.270.000.000	
VIII	QĐ số 442/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; Tờ trình số 63/LS:KHĐT-TC ngày 05/11/2021				
1	Đầu tư xây dựng Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành (cầu vượt sông Đuống nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông	667/QĐ-UBND ngày 31.12.2020 340/QĐ-UBND ngày 30.3.2021	28.153.358.000 60.746.642.000	
IX	QĐ số 441/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; Tờ trình số 66/LS:KHĐT-TC ngày 12/11/2021				
1	Trung tâm văn hóa thiếu nhi phía nam tỉnh tại thị trấn Gia Bình.	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	669/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1.500.000.000	
2	Bể bơi trường THCS Đại Phúc và trường THCS Vạn An	Sở Giáo dục và Đào tạo	641/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	354.479.000	
3	Bể bơi trường tiểu học Nam Sơn 2 và THCS Khúc Xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo		127.182.000	
4	Bể bơi trường THCS An Thịnh và THCS Quảng Phú	Sở Giáo dục và Đào tạo		120.681.000	
5	Bể bơi trường THCS Lăng Ngâm và THCS Đại Lai	Sở Giáo dục và Đào tạo		259.967.000	
6	Bể bơi trường THCS Liên Bảo và trường tiểu học Phú Lâm I	Sở Giáo dục và Đào tạo		394.544.000	
7	Bể bơi trường THCS Lim và trường tiểu học Minh Đạo	Sở Giáo dục và Đào tạo		399.410.000	
8	Bể bơi trường tiểu học thị trấn Phố Mới và trường THCS Bằng An	Sở Giáo dục và Đào tạo		309.368.000	

TT	Nội dung/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phân bổ vốn	Số vốn chuyển	Ghi chú
9	Bể bơi trường tiểu học Cách Bi và THCS Hán Quảng	Sở Giáo dục và đào tạo		23.572.000	
10	Bể bơi trường tiểu học Mộ Đạo và THCS Đại Xuân	Sở Giáo dục và đào tạo		348.372.000	
11	Bể bơi trường THCS Đức Long	Sở Giáo dục và đào tạo		152.633.000	
12	Bể bơi trường THCS Ninh Xá và trường THCS Mão Điền, huyện Thuận Thành	Sở Giáo dục và đào tạo		220.879.000	
13	Bể bơi trường THCS thị trấn Hồ và THCS Đại Đồng Thành	Sở Giáo dục và đào tạo		266.402.000	
14	Bể bơi trường tiểu học Nguyệt Đức	Sở Giáo dục và đào tạo		165.709.000	
15	Bể bơi trường THCS Phù Chân và trường THCS Đình Bảng	Sở Giáo dục và đào tạo		187.785.000	
16	Bể bơi trường tiểu học Dũng Liệt và trường THCS Đông Phong, huyện Yên Phong	Sở Giáo dục và đào tạo		357.985.000	
17	Bể bơi trường THCS Hòa Tiến và trường tiểu học Long Châu	Sở Giáo dục và đào tạo		305.581.000	
18	Bể bơi trường THPT Thuận Thành số 2	Sở Giáo dục và đào tạo		458.229.200	
19	Bể bơi trường THPT Quế Võ số 3	Sở Giáo dục và đào tạo		158.039.000	
24	ĐTXD Trạm bơm tiêu Nghi An 1	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Đương		4.000.000.000	
25	Cứng hóa kênh Bắc Như Quỳnh đoạn từ điều tiết Á Lũ đến điều tiết Hồ	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Đương		2.500.000.000	
26	Đền thờ Nguyễn Cao tại xã Cách Bi huyện Quế Võ	Ban Quản lý dự án huyện Quế Võ		20.000.000.000	
27	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Khoa học công nghệ tỉnh Bắc Ninh	Sở Khoa học công nghệ		3.000.000.000	
Vt	QĐ số 435/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Tờ trình số 61/LS:KHĐT-TC ngày 003/11/2021				
a	<b>Hỗ trợ các dự án cấp huyện quản lý</b>				
1	Đường Hoàng Hoa Thám kéo dài đoạn từ dự án đầu giá QSD đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường Kinh Bắc (DA K15) đến đường H, tp Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh		3.000.000.000	
2	Mở rộng đường Lý Anh Tông và đường nối ngoài phạm vi nút giao phía tây nam, thành phố Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh		2.000.000.000	
3	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh QL.17 đoạn từ QL.17 đi QL.38 thuộc địa phận xã An Bình, xã Trám Lỗ, huyện Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Thuận Thành		7.000.000.000	
4	Dự án đầu tư xây dựng đường Huyền Quang kéo dài đi QL.17 và các tuyến nhánh, thị trấn Gia Bình	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình		7.400.000.000	
b	<b>Dự án cấp tỉnh quản lý</b>				
1	Dự án ĐTXD bổ sung cầu Đồng Xếp 2, nút giao giữa QL.1A với ĐT.287, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông		12.000.000.000	
2	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp ĐT.284, đoạn từ Lãng Ngâm - Thị trấn Thứa, huyện Gia Bình - Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh giai đoạn I: Đoạn từ Km2+700 đến Km10+350	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông		10.000.000.000	
3	Đầu tư xây dựng đường TL.287 đoạn từ QL.38 mới, huyện Tiên Du đến QL.18, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng Giao thông		10.000.000.000	
4	Dự án đầu tư xây dựng Bảo tàng, thư viện thị xã Từ Sơn	Ban Quản lý các dự án xây dựng thành phố Từ Sơn		1.135.839.000	
5	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp TL.280 (đoạn từ thị trấn Thứa đi QL.38), huyện Lương Tài	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Lương Tài		3.000.000.000	
6	Cải tạo, mở rộng kho lưu trữ và trụ sở làm việc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Ninh	Sở Tài nguyên và Môi trường		4.230.000.000	
7	Nâng cấp tuyến đê hữu Đương, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		3.827.303.000	
VII	QĐ số 436/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Tờ trình số 62/LS:KHĐT-TC ngày 05/11/2021				
a	<b>Hỗ trợ các dự án cấp huyện quản lý</b>				
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình trường Mầm non xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình		2.270.000.000	
b	<b>Dự án cấp tỉnh quản lý</b>				
1	Nâng cấp tuyến đê hữu Đương, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		10.000.000.000	
2	Dự án Cứng hóa kênh tiêu Đông Khôi thuộc hệ thống thủy nông Nam Đương	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		5.000.000.000	



TT	Nội dung/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phân bổ vốn	Số vốn chuyển	Ghi chú
VIII	QĐ số 442/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; Tờ trình số 63/LS:KHĐT-TC ngày 05/11/2021				
a	Hỗ trợ các dự án cấp huyện quản lý				
1	Dự án ĐTXD tuyến đường từ QL.18 đi làng nghề xã Phù Lãng, huyện Quế Võ	Ban Quản lý dự án huyện Quế Võ		11.000.000.000	
2	Dự án ĐTXD đường trục huyện Quế Võ đoạn từ TL.279 đi Bằng An, lên đê Hữu Cầu	Ban Quản lý dự án huyện Quế Võ		10.000.000.000	
3	Đường trục chính đô thị từ tỉnh lộ 279 đi Khu công nghiệp Quế Võ số 3, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án huyện Quế Võ		3.000.000.000	
4	Dự án đầu tư xây dựng đường Huyện Quang kéo dài đi QL.17 và các tuyến nhánh, thị trấn Gia Bình	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình		8.000.000.000	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình trường Mầm non xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình		2.700.000.000	
5	Dự án đầu tư xây dựng Trường THCS xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Tiên Du		7.000.000.000	
6	Dự án đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Hoàn Sơn, huyện Tiên Du	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Tiên Du		4.000.000.000	
7	Đường Hoàng Hoa Thám kéo dài đoạn từ dự án đấu giá QSD đất tạo vốn XDCS hạ tầng phường Kinh Bắc đến đường H, thành phố Bắc Ninh	Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh		3.000.000.000	
8	Trường mầm non xã Phương Mao, huyện Quế Võ	Ban Quản lý dự án huyện Quế Võ		2.500.000.000	
9	Đầu tư xây dựng Đường trục trung tâm đô thị Nhân Thắng, huyện Gia Bình	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình		5.000.000.000	
b	Dự án cấp tỉnh quản lý				
1	Chương trình đầu tư, cải tạo nâng cấp rừng phòng hộ tỉnh Bắc Ninh theo mô hình phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020	Chi cục Kiểm lâm		1.500.000.000	
4	Tu bổ di tích đình Trang Liệt, phường Trang Hạ, Thị xã Từ Sơn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		3.000.000.000	
5	Nâng cấp tuyến đê hữu Đuông, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		5.000.000.000	
6	Xây dựng trạm bơm tiêu Phúc Lộc thuộc khu tiêu Phả Lai huyện Quế Võ (Giai đoạn 2)	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đuông		2.200.000.000	
7	Cải tạo, mở rộng kho lưu trữ và trụ sở làm việc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Ninh	Sở Tài nguyên và Môi trường		5.000.000.000	
8	Trường THCS trọng điểm huyện Tiên Du	Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Tiên Du		5.000.000.000	
9	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ	Công an tỉnh		1.000.000.000	
10	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự thị trấn Lim, huyện Tiên Du	Công an tỉnh		1.000.000.000	
11	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Trùng Xá, huyện Lương Tài	Công an tỉnh		1.000.000.000	
12	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Song Hồ, huyện Thuận Thành	Công an tỉnh		1.000.000.000	
13	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Lai, huyện Gia Bình	Công an tỉnh		1.000.000.000	
14	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình	Công an tỉnh		1.000.000.000	
15	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Bằng An, huyện Quế Võ	Công an tỉnh		1.000.000.000	
16	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong	Công an tỉnh		1.000.000.000	
17	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Minh Đạo, huyện Tiên Du	Công an tỉnh		1.000.000.000	
18	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Lâm Thao, huyện Lương Tài	Công an tỉnh		1.000.000.000	
19	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Gia Đông, huyện Thuận Thành	Công an tỉnh		1.000.000.000	
IX	QĐ số 441/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; Tờ trình số 66/LS:KHĐT-TC ngày 12/11/2021				
1	Trung tâm đào tạo và thi đấu bóng chuyền tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị		1.500.000.000	
2	Bể bơi trường THCS Thái Bảo và trường THCS Quỳnh Phú, huyện Gia Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo		437.759.000	
3	Mở rộng mặt đê kết hợp giao thông tỉnh lộ 276 đoạn từ K25+700 đến K27+500 đê tá Đuông, huyện Tiên Du	Chi cục thủy lợi		4.755.113.503	

**PHỤ LỤC 03:**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**  
(Kèm theo Từ trình số...../TT-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nguồn vốn	Số dự án	Tổng mức đầu tư/Giá trị Quyết toán	Giá trị KLHT đến hết 31/12/2020	Giá trị KLHT từ 01/01/2020 đến 31/10/2021	Tổng giá trị KLHT đến 31/10/2021	Tổng số vốn đã phân bổ	Trong đó: Số vốn đã phân bổ đến hết kế hoạch năm 2020	Trong đó: Số vốn Đầu tư công phân bổ KH năm 2021 (đến 31/10/2021)					Giải ngân KH vốn năm 2021 (đến 31/10/2021)				Số vốn còn thiếu so với giá trị KLHT đến 31/10/2021	Số vốn còn thiếu so với TMDT/Giá trị QT đến 31/10/2021				
									Trong đó:					Trong đó:						Trong đó:			
									Tổng số	Vốn NSTW	Vốn ĐTC ngân sách tỉnh	Nguồn đất	NS huyện, xã, vốn khác	Tổng số	Vốn NSTW	Vốn ĐTC ngân sách tỉnh	NS huyện, xã, vốn khác			Tổng số	Vốn NSTW	Vốn ĐTC ngân sách tỉnh	NS huyện, xã, vốn khác
<b>TỔNG SỐ</b>																							
A	<b>ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CÁC DỰ ÁN</b>		57.788.611	26.929.426	5.572.244	32.501.670	31.104.075	23.572.549	8.191.075	307.526	4.248.204	3.001.258	634.088	5.961.892	113.783	2.010.210	18.935	2.220.391	26.440.145				
I	Nguồn vốn Ngân sách tỉnh quản lý		26.478.526	11.081.145	2.359.682	13.440.827	14.393.833	11.053.327	3.340.505	307.526	3.007.479	-	25.500	2.142.929	113.783	2.010.210	18.935	(826.679)	12.034.849				
1	Vốn XDCB tập trung (dự án 100% vốn ngân sách tỉnh)	281	20.638.002	9.852.267	2.164.689	12.016.956	12.402.753	9.641.842	2.761.711	-	2.736.211	-	25.500	1.927.127	-	1.908.191	18.935	(330.345)	8.114.529				
a	Dự án đã phê duyệt quyết toán	77	2.492.868	2.386.375	86.670	2.473.045	2.454.287	2.180.463	273.824		273.824			257.953		257.953		18.772	38.595				
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành chờ quyết toán	91	6.000.368	4.170.691	500.166	4.670.856	4.553.266	3.843.731	709.535		694.035		15.500	513.928		503.244	10.683	133.091	1.462.603				
b	Dự án chuyển tiếp	106	10.968.783	3.287.095	1.570.002	4.857.096	5.226.201	3.616.848	1.609.353		1.599.353		10.000	1.147.811		1.139.539	8.252	(359.104)	5.752.582				
c	Dự án khởi công mới	7	1.175.983	8.107	7.852	15.959	169.000	-	169.000		169.000		-	7.435		7.435	-	(123.183)	860.749				
2	Vốn NSTW HTMT		5.840.524	1.228.877	194.993	1.423.870	1.946.811	1.412.285	534.526	287.526	247.000			211.435	113.783	97.652		(496.334)	3.920.320				
3	Vốn ODA						40.000		40.000	20.000	20.000			211		211			-				
4	Nguồn vốn kéo dài thanh toán sang năm 2021						4.268		4.268		4.268			4.157		4.157							
II	Nguồn vốn ngân sách cấp huyện		11.271.197	4.027.919	757.227	4.785.146	4.472.702	3.273.460	1.199.242	-	192.943	626.532	379.767	891.585				440.046	6.339.688				
III	Nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn		20.038.898	11.820.363	2.455.335	14.275.698	12.237.541	9.245.762	2.991.779		974.089	1.788.970	228.821	2.331.883				2.607.024	8.065.608				
B	Trả nợ gốc vay								7.400		7.400			7.343									
C	Ghi thu, ghi chi dự án BT								585.856		585.856			585.856									
D	Vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư								66.293		66.293			2.296									

Đơn vị: Triệu đồng

**PHỤ LỤC 04:**  
**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**  
(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Kế hoạch Đầu tư công năm 2022							Nguồn bổ sung chi đầu tư của ngân sách địa phương			Nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư	Ghi chú	
			Chi tiết nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo dự kiến tại văn bản số 6926/BKHDT-TH ngày 11/10/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư												
			Tổng số theo dự kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Vốn ngân sách địa phương	Trong đó:					Vốn ngân sách trung ương	Tổng số	Chi tiết:			
					Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn Xã số kiến thiết	Dự kiến nguồn tiền thu sử dụng đất	Đầu tư từ bộ chi NS địa phương	Bộ chi ngân sách địa phương			Nguồn tăng thu DT thời kỳ ổn định NS huyện, xã			Nguồn bổ sung chi đầu tư năm 2022
<b>TỔNG CỘNG</b>		7.196.096	6.890.837	6.349.645	2.326.345	19.000	4.000.000	4.300	541.192	217.800	9.400	8.400	200.000	87.459	
<b>A</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	541.192	541.192						541.192						
I	Vốn trong nước	514.125	514.125						514.125						
II	Vốn nước ngoài	27.067	27.067						27.067						
<b>B</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	6.567.445	6.349.645	6.349.645	2.326.345	19.000	4.000.000	4.300	-	217.800	9.400	8.400	200.000	-	
I	Chi trả nợ gốc, lãi vay	15.200	15.200	15.200	15.200										
1	Chi trả nợ gốc	9.400	9.400	9.400	9.400										
2	Chi trả lãi vay	5.800	5.800	5.800	5.800										
II	Chi đầu tư nguồn ngân sách nhà nước	6.552.245	6.334.445	6.334.445	2.311.145	19.000	4.000.000	4.300		217.800	9.400	8.400	200.000	-	
1	Cân đối về cấp huyện, xã	218.400	210.000	210.000	210.000	-	-	-		8.400	-	8.400		-	
1.1	Cân đối về các huyện, thị xã, thành phố theo NQ 13/NQ-HĐND	210.000	210.000	210.000	210.000					-					
1.2	Nguồn tăng thu DT thời kỳ ổn định NS huyện, xã	8.400	-	-						8.400		8.400			
2	Chi đầu tư công ngân sách tỉnh	2.333.845	2.124.445	2.124.445	2.101.145	19.000	-	4.300		209.400	9.400	-	200.000	-	
2.1	Chuẩn bị đầu tư	7.000	7.000	7.000	7.000					-					
2.2	Bổ sung có mục tiêu về huyện, xã	220.000	220.000	220.000	220.000					-					
2.3	Kinh phí trả các dự án đã được phê duyệt quyết toán (nguồn vốn đầu tư công 100% ngân sách tỉnh)	200.000	200.000	200.000	200.000					-					
2.4	Dự án ODA Tăng cường năng lực quản lý đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường	13.700	4.300	4.300				4.300		9.400	9.400				
2.5	Đổi ứng các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương	430.000	430.000	430.000	430.000					-					
2.6	Hỗ trợ đối với dự án chuyển tiếp thuộc nhiệm vụ chỉ của cấp huyện, xã	217.322	217.322	217.322	217.322					-					
2.7	Chi hỗ trợ đầu tư theo chính sách của tỉnh	12.000	-	-						12.000			12.000		
2.8	<b>Bổ trí trực tiếp các dự án cấp tỉnh quản lý</b>	<b>1.233.823</b>	<b>1.045.823</b>	<b>1.045.823</b>	<b>1.026.823</b>	<b>19.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>188.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>188.000</b>	<b>-</b>	
a	Dự án chuyển tiếp	785.823	785.823	785.823	766.823	19.000				-					
b	Dự án khởi công mới năm 2022	448.000	260.000	260.000	260.000					188.000			188.000		
3	Nguồn tiền thu sử dụng đất	4.000.000	4.000.000	4.000.000			4.000.000			-					
<b>C</b>	<b>Chi đầu tư từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư</b>	<b>87.459</b>		-										87.459	

**PHỤ LỤC 05:**  
**DỰ KIẾN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN, XÃ NĂM 2022**  
*(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương	DỰ KIẾN TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022	Trong đó:						Ghi chú
			Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó:		Nguồn cân đối ngân sách cấp huyện	Tăng thu điều tiết cấp huyện, xã	Nguồn bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND	
				Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện	Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp xã				
1	2	3	4	4a	4b	5	6	7	8
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.597.100</b>	<b>3.158.700</b>	<b>2.993.700</b>	<b>165.000</b>	<b>210.000</b>	<b>8.400</b>	<b>220.000</b>	
1	Thành phố Bắc Ninh	994.900	928.900	863.900	65.000	33.600	8.400	24.000	
2	Thành phố Từ Sơn	414.200	367.000	317.000	50.000	25.200		22.000	
3	Huyện Tiên Du	428.250	379.000	329.000	50.000	26.250		23.000	
4	Huyện Yên Phong	350.950	300.800	300.800		24.150		26.000	
5	Huyện Quế Võ	233.500	176.000	176.000		31.500		26.000	
6	Huyện Thuận Thành	872.300	819.000	819.000		27.300		26.000	
7	Huyện Gia Bình	179.700	122.200	122.200		21.000		36.500	
8	Huyện Lương Tài	123.300	65.800	65.800		21.000		36.500	



STT	Ngành, lĩnh vực/Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT			Quyết định đầu tư ban đầu			Dự kiến Kế hoạch trung hạn 21-25					Dự kiến Kế hoạch năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định	TMBT	Trong đó: NSTW	Số quyết định	TMBT	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Nguồn vay lại cho dự án ODA	Nguồn vốn NSDP đối ứng	
									Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Nguồn vốn NSDP đối ứng	Tổng số		Trong đó				
															Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			
1	Đầu tư xây dựng Cầu Phát Tích - Đại Đồng Thành (cầu vượt sông Đường nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)	Ban QLDAXD Giao thông	109/TT HDND17 ngày 29/6/2016; 124/TT HDND18 ngày 22/5/2017; 241/NQ-HĐND ngày 4/6/2020; 365/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	1.926.969	200.000	691/QĐ - UBND ngày 30/5/2017; 659/QĐ - UBND ngày 10/6/2020	1.926.969	200.000	775.000	110.000	-	-	665.000	285.000	35.000	-	-	250.000	
2	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp đường TL 278 (đoạn từ QL18 + QL38) thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	32/TT HDND17 ngày 07/3/2016; 37/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	296.362	102.000	1136/QĐ-UBND ngày 16/9/2016; 1927/QĐ-UBND ngày 18/12/2017	296.362	102.000	132.000	27.000	-	-	105.000	20.000	-	-	-	20.000	
3	ĐTXD đường nội thị huyện Quế Võ (đoạn Nhân Hòa đi Đại Xuân)	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	PL08, NQ 211/NQ-HĐND ngày 29/10/2019; 342/NQ-HĐND ngày 11/12/2020	182.478	80.000	125/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	182.477	80.000	146.000	80.000	-	-	66.000	25.000	15.000	-	-	10.000	
<b>2</b>	<b>Khởi công mới</b>			<b>2.466.988</b>	<b>1.294.000</b>		<b>340.387</b>	<b>164.000</b>	<b>1.819.000</b>	<b>1.214.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>605.000</b>	<b>371.000</b>	<b>291.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>80.000</b>	
1	Dự án ĐTXD đường DT278 đoạn từ QL18, xã Phương Mao đến ĐT287, xã Yên Giá, huyện Quế Võ	Ban QLDAXD Giao thông	291/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; 363/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	298.163	138.000				240.000	138.000			102.000	40.000	30.000			10.000	
2	ĐTXD ĐT.282B đoạn từ ĐT.285 đi đường dẫn cầu Bình Than, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	Phụ lục 11 - Nghị quyết 201/NQ-HĐND, ngày 11/7/2019, 23/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	230.000	92.000				174.000	92.000			82.000	30.000	20.000			10.000	
3	Đường Lý Anh Tông kéo dài (đoạn từ ĐT.295B sang phía Tây thành phố đến đường II), thành phố Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	280/NQ-HĐND ngày 17/7/2021; 364/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	166.348	84.000	774/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	157.910	84.000	133.000	84.000			49.000	28.000	18.000			10.000	
4	ĐTXD cầu Kênh Vàng và đường dẫn hai đầu cầu kết nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương	Ban QLDAXD Giao thông	366/NQ-HĐND ngày 10/5/2021	1.590.000	900.000				1.272.000	900.000	-	-	372.000	273.000	223.000			50.000	
<b>B</b>	<b>VỐN NGOÀI NƯỚC</b>			<b>69.748</b>	<b>28.600</b>		<b>69.748</b>	<b>28.600</b>	<b>62.855</b>	<b>28.600</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>34.255</b>	<b>40.767</b>	<b>27.067</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.700</b>	
<b>V</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>			<b>69.748</b>	<b>28.600</b>		<b>69.748</b>	<b>28.600</b>	<b>62.855</b>	<b>28.600</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>34.255</b>	<b>40.767</b>	<b>27.067</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.700</b>	
<b>I</b>	<b>Chuyển tiếp</b>			<b>69.748</b>	<b>28.600</b>		<b>69.748</b>	<b>28.600</b>	<b>62.855</b>	<b>28.600</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>34.255</b>	<b>40.767</b>	<b>27.067</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.700</b>	
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Bắc Ninh vay vốn Ngân hàng thế giới	Sở Tài nguyên và Môi trường	599/QĐ-UBND ngày 20/10/2016	69.748	28.600	609/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	69.748	28.600	62.855	28.600			34.255	40.767	27.067			13.700	

PHỤ LỤC 07:

**DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP THUỘC NHIỆM VỤ CHI CỦA CẤP HUYỆN, XÃ**  
(Kèm theo Tờ trình số...../TT-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nhóm DA	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	LŨY KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Ngân sách tỉnh tiếp tục hỗ trợ giai đoạn 2022-2025	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022	Ghi chú	
				Số, ngày tháng	TMDT	Số, ngày tháng	TMDT									
		Dự án thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện, xã (Ngân sách tỉnh hỗ trợ giai đoạn 2021-2025; phần còn lại ngân sách địa phương bố trí)				2.605.075										
		Huyện Gia Bình				369.343										
1	B	Dự án đầu tư xây dựng đường Huyện Quang kéo dài đi QL.17 và các tuyến nhánh, thị trấn Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1943/QĐ-UBND, ngày 29/10/2018	159.997		159.997	2018-2022	63.704	56.000	41.400	14.600	4	10.000		
2	B	Dự án đầu tư xây dựng đường trục trung tâm đô thị Nhân Thắng kéo dài đi TL.285 mới và tuyến nhánh	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND, ngày 3/10/2018	119.982		119.982	2018-2022	28.608	58.000	20.000	38.000	2	10.000		
3	C	Đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật chống ngập úng thôn Đông Bình, thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (UBND thị trấn Gia Bình)	561/QĐ-UBND, ngày 13/9/2019	39.375		38.110	2020-2022	10.000	17.000	10.133	6.867	2	6.867		
4	C	Trường mầm non Hoàng Đăng Miện huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	Phụ lục 19 - Nghị quyết 131/NQ - HĐND ngày 03/10/2018	49.989		49.843	2018-2022	12.000	25.000	11.000	14.000	2	8.000		
5	C	Dự án đầu tư xây dựng công trình trường Mầm non xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	Phụ lục 10 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019	59.716		59.708	2019-2023	10.000	38.000	24.970	13.030	1	6.000		
		Huyện Lương Tài				106.814										
6	C	Dự án chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Thứa, huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1189/QĐ-UBND, ngày 08/8/2019	49.574		45.058	2019-2021, tiếp đến năm 2022	499	30.000	7.000	23.000	1	7.000		
7	C	Dự án ĐTXD đường DH 8 đoạn từ TL.280 đi cầu Bền, xã Bình Định, huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	389/QĐ-UBND, ngày 28/03/2019	19.943		19.533	2019-2021	5.000	9.863	4.863	5.000	2	5.000		Dự án đã hoàn thành xây lắp, phân bổ để thanh toán khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn
8	C	Cải tạo, chỉnh trang sông Thứa (Đoạn hồ Thứa đi TL.280)	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	370/BC-HĐTD.QLN ngày 03/11/2021	37.297		37.297	2019-2022	23.400	5.000	-	5.000	3	5.000		
		Huyện Quế Võ				585.505										
9	B	đường trục chính đô thị từ tính lộ 279 đi Khu công nghiệp Quế Võ số 3, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND, ngày 03/10/2018	96.821		95.139	2018-2021, tiếp đến năm 2022	41.204	24.000	14.000	10.000	3	5.000		
10	B	Dự án ĐTXD đường trục huyện Quế Võ đoạn từ TL.279 đi Bằng An, lên đê Hữu Cầu	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND, ngày 03/10/2018	102.533		102.486	2018-2020	30.000	35.000	19.000	16.000	2	5.000		
11	C	Dự án đầu tư xây dựng đường trục huyện Quế Võ đoạn từ QL.18 đi xã Phú Lương	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	NQ 107/NQ-HĐND ngày 17/4/2018	59.982		59.936	2018-2020, tiếp đến năm 2022	22.504	17.000	5.000	12.000	3	8.000		
12	B	Đường trục chính đô thị đoạn từ QL.18 đi xã Việt Hùng, xã Bằng An, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	62/TT HĐND18 ngày 05/4/2018	175.293		144.495	2018-2021, tiếp đến năm 2022	42.000	48.000	12.000	36.000	3	9.000		
13	C	Hệ thống tiêu thoát nước trên địa bàn huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	Chưa rõ	69.762		69.762	2018-2020	27.000	21.000	8.000	13.000	3	13.000		

STT	Nhóm DA	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	LŨY KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Ngân sách tính tiếp tục hỗ trợ giai đoạn 2022-2025	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Số, ngày tháng	TMDT								
14	C	ĐT XD Trường THCS xã Phương Liễu, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	211/NQ - HĐND, ngày 29/10/2019; 446/BCTĐ-HDCT.QLN ngày 29/11/2021	81.114	359/QĐ - UBND, ngày 20/3/2020	54.889	2020-2023	-	44.000	10.000	34.000	1	8.000	Đang điều chỉnh CTĐT, TMDT sau đc: 81.114 tỷ đồng (nguồn vốn NS tỉnh 44 tỷ đồng; còn lại NS huyện và nguồn vốn hợp pháp khác)
		<b>Huyện Thuận Thành</b>			<b>418.391</b>	<b>-</b>	<b>396.345</b>	<b>-</b>	<b>16.648</b>	<b>234.987</b>	<b>151.987</b>	<b>83.000</b>		<b>36.500</b>	
15	C	ĐT XD đường giao thông từ Trung tâm thể thao đi nhà máy xử lý nước thải huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	645/QĐ UBND, ngày 15/10/2019	52.187	1751/QĐ UBND, ngày 30/10/2019; 976/QĐ-UBND ngày 6/8/2021	49.965	2020-2022	404	29.000	15.000	14.000	1	6.000	
16	C	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ Ngọc Khâm, xã Gia Đông đi Trung tâm thể thao huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	Phụ lục 13 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019	74.812	1122/QĐ UBND, ngày 19/8/2020	73.255	2019-2021	658	47.987	38.987	9.000	1	4.500	
17	B	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ QL.38 qua nhà máy xử lý nước thải huyện Thuận Thành đi QL.17, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	Phụ lục 14 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019	87.864	1819/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	77.379	2020-2024	706	47.000	26.000	21.000	1	7.000	
18	B	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh QL.17 đoạn từ QL.17 đi QL.38 thuộc địa phận xã An Bình, xã Trạm Lố, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	Phụ lục 18 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019	83.027	1070/QĐ-UBND ngày 06/8/2020	81.072	2020-2024	755	49.000	33.000	16.000	1	5.000	
19	C	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ Khu công nghiệp Khai Sơn đi đường tránh QL.17, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	Phụ lục 19 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019	65.500	1811/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	60.077	2019-2022	825	38.000	24.000	14.000	1	5.000	
20	C	Dự án ĐT XD hệ thống đường trục xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1144/QĐ UBND, ngày 31/7/2019	55.000	1643/QĐ UBND, ngày 17/10/2019	54.596	2019-2021	13.300	24.000	15.000	9.000	2	9.000	Dự án đã hoàn thành xây lắp, phân bổ để thanh toán khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn
		<b>Huyện Tiên Du</b>			<b>583.031</b>	<b>-</b>	<b>576.228</b>	<b>-</b>	<b>140.423</b>	<b>226.398</b>	<b>171.898</b>	<b>110.000</b>		<b>44.500</b>	
21	B	Đường HL6 đoạn từ TL276 vào trụ sở BCH quân sự và làng đại học 1	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	104.475	1977/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	102.759	2019-2021	20.343	41.000	14.000	27.000	2	10.000	
22	C	Đường du lịch Phật Tích kéo dài đi Cảnh Hưng (giai đoạn 1)	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1876/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	29.998	QĐ số 1963/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	29.130	2019-2021	10.000	10.000	5.000	5.000	2	5.000	Dự án đã hoàn thành xây lắp, phân bổ để thanh toán khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn
23	C	Đường nhánh nội bộ trung tâm hành chính mới huyện Tiên Du (giai đoạn 1)	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1878/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	59.989	QĐ số 1976/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	58.697	2019-2021	30.122	12.000	7.000	5.000	2	5.000	Dự án đã hoàn thành xây lắp, phân bổ để thanh toán khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn
24	B	Đường ĐT1 kéo dài (đoạn từ TL276 đến đường Nội Duệ-Trì Phương) huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	216.000	QĐ số 1921/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	213.549	2018-2022	45.058	86.398	32.398	54.000	3	8.000	
25	C	Dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đê tá Đường (tại xã Minh Đạo) đi TL.287, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	201/NQ-HĐND ngày 11/07/2019	75.435	1745/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	74.959	Năm 2020-2022, tiếp đến năm 2023	17.400	30.000	16.000	14.000	2	14.000	
26	B	Dự án đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Hoàn Sơn, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	Chưa rõ	97.134	1788/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	97.134	2019-2023	17.500	47.000	42.000	5.000	2	2.500	



STT	Nhóm DA	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	LŨY KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Ngân sách tỉnh tiếp tục hỗ trợ giai đoạn 2022-2025	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMBT	Số, ngày tháng	TMBT								
		Huyện Yên Phong			103.432	-	97.884	-	600	64.765	33.000	31.765		10.000	
27	C	Dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đê sông Cầu, xã Dũng Liệt đi Khu công nghiệp Yên Phong I mở rộng, huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	201/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	76.450	1804/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	70.902	2020-2022	400	45.765	18.000	27.765	1	8.000	
28	C	Trường mầm non khu nhà ở Đồng Riệp thôn Phú Mãn, thị trấn Chờ, Huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	690/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	26.982	687/QĐ - UBND, ngày 16/6/2020	26.982	2020-2022	200	19.000	15.000	4.000	1	2.000	
		Thành phố Bắc Ninh			324.844	-	243.564	-	125.882	31.399	14.399	17.000		7.000	
29	b	Mở rộng đường Lý Anh Tông kết nối với nút giao Tây Nam	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	Chưa rõ	134.047	739/QĐ-UBND ngày 29/3/2018; 527/QĐ, 27/4/2018	134.047	2018-2021	95.882	5.399	3.399	2.000	4	2.000	Dự án đã hoàn thành xây lắp, phân bổ để thanh toán khối lượng hoàn thành, còn thiếu vốn
30	B	Đường Hoàng Hoa Thám kéo dài đoạn từ dự án đấu giá QSD đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường Kinh Bắc (DA K15) đến đường H, tp Bắc Ninh	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	131/NQ-HĐND 03/10/2018	190.797	1969/QĐ UBND, ngày 30/10/2018	109.517	2019-2022	30.000	26.000	11.000	15.000	2	5.000	
		Thị xã Từ Sơn			54.000	-	49.278		12.400	22.000	8.545	13.455		13.455	
31	C	Dự án ĐTXD Đường về khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ đoạn từ ĐT.277 qua UBND phường Trang Hạ, thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	454/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	54.000	1608/QĐ UBND, ngày 15/10/2019	49.278	2019-2021, tiếp đến năm 2023	12.400	22.000	8.545	13.455	2	13.455	

**PHỤ LỤC 08:**  
**DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 CHO CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP**  
(Kèm theo Tờ trình số...../TT-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nhóm DA	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			LŨY KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Thời gian KC-HT					Tổng cộng	Nguồn Xổ số năm 2022	Nguồn XDCB tập trung	
<b>DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP</b>					<b>9.591.219</b>		<b>2.706.185</b>	<b>4.334.531</b>	<b>1.142.855</b>		<b>785.823</b>	<b>19.000</b>	<b>766.823</b>	
<b>I</b>					<b>102.719</b>		<b>65.500</b>	<b>21.500</b>	<b>12.292</b>		<b>9.208</b>	<b>-</b>	<b>9.208</b>	
<b>Lĩnh vực Quốc phòng</b>														
1	B	Công trình đường hầm Sờ chỉ huy thống nhất tỉnh Bắc Ninh	Bộ CHQS tỉnh	1736/QĐ-UBND; 31/12/2015	102.719	2015-2022	65.500	21.500	12.292	4	9.208		9.208	Đã phê duyệt CTĐT điều chỉnh tại NQ 31/NQ-HĐND ngày 17/6/2021, TMDT là 108 tỷ đồng
<b>II</b>					<b>223.052</b>		<b>15.000</b>	<b>165.000</b>	<b>46.600</b>		<b>28.400</b>	<b>-</b>	<b>28.400</b>	
<b>Lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>														
2	C	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ	Công an tỉnh	Số 350/QĐ-SKHBT ngày 29/10/2019	6.475	2020-2022	2.500	3.000	2.000	2	1.000		1.000	
3	C	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự thị trấn Lim, huyện Tiên Du	Công an tỉnh	Số 352/QĐ-SKHBT ngày 29/10/2019	6.343	2020-2022	2.500	3.000	2.000	2	1.000		1.000	
4	C	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Trùng Xá, huyện Lương Tài	Công an tỉnh	Số 354/QĐ-SKHBT ngày 29/10/2019	7.607	2020-2022	2.500	4.000	2.300	2	1.700		1.700	
5	C	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành	Công an tỉnh	Số 359/QĐ-SKHBT ngày 29/10/2019	7.064	2020-2022	2.500	3.000	1.000	2	2.000		2.000	
6	C	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Song Hồ, huyện Thuận Thành	Công an tỉnh	Số 360/QĐ-SKHBT ngày 29/10/2019	6.517	2020-2022	2.500	3.000	2.000	2	1.000		1.000	
7	C	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Lai, huyện Gia Bình	Công an tỉnh	Số 362/QĐ-SKHBT ngày 29/10/2019	7.813	2020-2022	2.500	4.000	2.300	2	1.700		1.700	
8	B	ĐTXD Trung tâm cảnh sát thuộc Công an tỉnh Bắc Ninh.	Công an tỉnh	1266/QĐ-UBND ngày 10/9/2020	181.234	2020-2024	-	145.000	35.000		20.000		20.000	
<b>III</b>					<b>531.725</b>		<b>181.266</b>	<b>249.000</b>	<b>147.000</b>		<b>69.000</b>	<b>19.000</b>	<b>50.000</b>	
<b>Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>														
9	C	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng trường THPT Yên Phong số 2	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1749/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 1376/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	42.937	2019-2021; Hoàn thành trong năm 2022	10.300	24.000	6.400	2	17.600		17.600	
10	C	ĐTXD Nhà lớp học, trường THPT Lý Thái Tổ	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1785/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	53.607	2020-2023	10.300	33.000	29.000	2	4.000	4.000		
11	B	Nhà điều hành và học thực hành Trường Cao đẳng sư phạm Bắc Ninh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1948/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	60.986	2018-2022	12.485	36.000	30.000	2	6.000	6.000		
12	C	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1784/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	32.781	2020-2022	8.000	18.000	8.600	2	9.400		9.400	

STT	Nhóm DA	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	LŨY KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT						Tổng cộng	Nguồn Xổ số năm 2022	Nguồn XDCB tập trung	
13	C	Dự án ĐTXD mở rộng trường THPT Lý Nhân Tông	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1786/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 572/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	42.517	2020-2023	7.500	27.000	15.000	2	9.000	9.000	-	
14	B	Trường THCS Hàn Thuyên huyện Lương Tài	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1567/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1499/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	152.223	2017-2023	97.569	24.000	13.000	4	11.000		11.000	
15	B	Trường THCS trọng điểm huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	1975/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	146.674	2018-2022	35.111	87.000	45.000	3	12.000		12.000	
IV		Lĩnh vực Khoa học, công nghệ			81.478		65.289	500	-		500	-	500	
16	b	Tăng cường năng lực hoạt động cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng giai đoạn 2012-2020	Chi cục Tiêu chuẩn ĐLCL BN Sở KH-CN	1534/QĐ-UBND ngày 05/12/2012; 245/QĐ-UBND ngày 09/3/2016; 23/QĐ-UBND ngày 09/01/2019	81.478	2016-2020, đến năm 2022	65.289	500	-		500		500	
V		Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình			588.908		20.000	451.335	73.000		49.718	-	49.718	
17	B	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1782/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	84.401	2020-2023	20.000	47.335	27.000	2	9.718		9.718	
18	B	Dự án mở rộng Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1984/QĐ-UBND ngày 25/12/2017; 1112/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	491.007	2021-2024		393.000	40.000	1	35.000		35.000	
19	C	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Y tế	Sở Y tế	428a/QĐ - KHĐT, ngày 31/10/2019	13.500	2019-2022	-	11.000	6.000	1	5.000		5.000	
VI		Lĩnh vực Văn hóa, thông tin			709.736		264.461	288.000	94.773		56.500	-	56.500	
20	B	Trung tâm văn hóa thiếu nhi phía nam tỉnh tại thị trấn Gia Bình	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1910/QĐ UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	148.483	2018-2021, đến hết năm 2022	51.200	68.000	23.500	3	15.000		15.000	
21	B	Đầu tư xây mới chùa Dam, xã Nam Sơn, TPBN	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1470/QĐ-UBND; 30/11/2015; 840/QĐ-UBND ngày 4/6/2019	124.736	2015-2020	52.825	47.000	-	1	5.000		5.000	
22	C	Tu bổ, tôn tạo chùa Linh Ứng, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1741/QĐ UBND, ngày 30/10/2019; 1484/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	29.980	2020-2022	7.000	17.000	7.000	2	5.000		5.000	
23	C	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Lũng Khê	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	426/QĐ-KHĐT ngày 31/10/2019; 283/QĐ-SKHĐT.QLN ngày 22/10/2021	14.934	2020-2022	4.400	8.000	4.500	2	3.500		3.500	

STT	Nhóm DA	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	LŨY KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT						Tổng cộng	Nguồn Xổ số năm 2022	Nguồn XDCB tập trung	
24	B	Tu bổ, tôn tạo di tích Lăng và Đền thờ Kinh Dương Vương	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	51/QĐ-UBND; 17/1/2014; 1603/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	168.680	2014-2018; đến hết năm 2022	82.591	36.000	15.000	4	10.000		10.000	
25	B	Đền Thờ Nguyễn Cao tại xã Cách Bi huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1799/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	143.167	2020-2023	44.800	70.000	44.773	2	8.000		8.000	
26	C	Trùng tu, tôn tạo khu di tích Chùa Dầu, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1221/QĐ UBND, ngày 05/9/2017 (PDDA đc)	79.756	2017-2020	21.645	42.000	-	4	10.000		10.000	
VII		<b>Lĩnh vực Thể dục thể thao</b>			<b>105.326</b>		<b>31.056</b>	<b>53.000</b>	<b>23.576</b>		<b>29.424</b>	<b>-</b>	<b>29.424</b>	
27	B	Trung tâm đào tạo và thi đấu bóng chuyền tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1560/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 357/QĐ-UBND ngày 20/3/2020; 1120/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	105.326	2018-2020, tiếp đến năm 2022	31.056	53.000	23.576	4	29.424		29.424	
VIII		<b>Lĩnh vực kinh tế</b>			<b>6.829.833</b>		<b>1.907.918</b>	<b>2.946.000</b>	<b>699.614</b>	<b>-</b>	<b>502.573</b>	<b>-</b>	<b>502.573</b>	
a		<b>Lĩnh vực Cấp nước, thoát nước</b>			<b>219.489</b>		<b>153.390</b>	<b>22.000</b>	<b>-</b>		<b>5.000</b>	<b>-</b>	<b>5.000</b>	
28	B	Hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm CN Phong Khê BN	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	726/QĐ-UBND ngày 07/6/2012	219.489	Đến hết ngày 31/12/2022	153.390	22.000	-		5.000		5.000	
b		<b>Lĩnh vực Giao thông</b>			<b>4.461.310</b>		<b>1.075.518</b>	<b>2.321.000</b>	<b>477.287</b>		<b>355.900</b>	<b>-</b>	<b>355.900</b>	
29	B	Tuyến đường H thành phố Bắc Ninh (đoạn từ nút giao với đường Kinh Dương Vương đến Hồ điều hòa)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	175/QĐ-UBND ngày 2/7/2015; 355/NQ-HĐND ngày 12/4/2021	254.908	2015-2024	30.715	173.000	45.000	2	30.000		30.000	
30	C	Đường vào Trung tâm đào tạo bóng chuyền tỉnh Bắc Ninh (đoạn từ đường Hàn Thuyên đến đường Lê Văn Thịnh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1723/QĐ-UBND, ngày 05/10/2018	24.712	2018-2020, tiếp đến năm 2022	8.400	13.000	1.000	3	12.000		12.000	BC số 423/BCTĐ-HĐCT.ĐTG ngày 26/11/2021 điều chỉnh CTĐT
31	C	Tuyến đường nối đường Hàn Thuyên và đường Đầu Mã, thành phố Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1912/QĐ UBND, ngày 26/10/2018; 1119/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	36.041	2018-2022	12.500	16.000	5.000	3	11.000		11.000	
32	B	Đường vào nhà hát dân ca quan họ Bắc Ninh (đoạn từ nối tiếp đường Lạc Long Quân qua nhà hát đến đường bê tông Hữu Chấp, xã Hóa Long, TP Bắc Ninh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	1559/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	316.505	2017-2021, tiếp đến năm 2023	125.299	128.000	20.000	4	40.000		40.000	
33	C	Dự án ĐTXD đường nối khu A với khu B trường Đại học Dược Hà Nội tại khu đảo tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	955/QĐ-UBND ngày 18/9/2014	19.197	2014-2016	5.475	10.000	-		3.000		3.000	
34	C	Đường gom bên trái QL.18 từ KCN Quế Võ đến khu đô thị Tây Hồ và hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng (lý trình từ Km8+100 đến Km8+400)	Ban QLDAXD Giao thông	1988/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	38.763	2019-2021, tiếp đến năm 2023	12.066	13.000	400	3	12.600		12.600	
35	B	Dự án ĐTXD tuyến ĐT.285B mới, đoạn nối QL.17 với QL.38 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; giai đoạn I,II: đoạn từ ĐT.281 đến ĐT.285 lý trình từ Km4+00 đến Km7+00 và đoạn từ ĐT.280 mới đến QL.38 lý trình từ Km15+00 đến Km22+500 huyện Lương Tài - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	1928/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 (Giai đoạn I, II)	428.354	Đến hết năm 2023	70.319	272.000	10.000	3	25.000		25.000	

STT	Nhóm DA	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	LŨY KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT						Tổng cộng	Nguồn Xổ số năm 2022	Nguồn XDCB tập trung	
36	B	Dự án ĐTXD bổ sung cầu Đồng Xếp 2, nút giao giữa QL.1A với ĐT.287, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	1930/QĐ ngày 26/10/2018	110.941	2018-2022	35.000	54.000	27.000	3	5.000		5.000	
37	B	Đầu tư xây dựng đường TL.287 đoạn từ QL.38 mới, huyện Tiên Du đến QL.18, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	1915/QĐ ngày 26/10/2018	377.651	2018-2021, tiếp đến năm 2023	85.860	216.000	30.000	3	25.000		25.000	
38	B	Cải tạo, nâng cấp đường TL.286, đoạn Đồng Yên Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh (lý trình Km7 + 569,04-Km12+230) giai đoạn 1	Ban QLDAXD Giao thông	321/QĐ ngày 20/03/2018	258.354	2018-2022	61.000	44.000	20.000	3	5.000		5.000	
39	B	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp ĐT.284, đoạn từ Lăng Ngâm - Thị trấn Thứa, huyện Gia Bình - Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh giai đoạn I: Đoạn từ Km2+700 đến Km10+350	Ban QLDAXD Giao thông	1840/QĐ ngày 22/10/2018	313.632	2018-2022	51.400	200.000	42.100	3	20.000		20.000	
40	B	Dự án đầu tư xây dựng ĐT.278 đoạn QL18 lên đê sông Cầu, huyện Quế Võ	Ban QLDAXD Giao thông	1929/QĐ ngày 26/10/2018	232.484	2018-2022	67.547	118.000	15.000	3	20.000		20.000	
41	B	Đầu tư xây dựng cầu Nét (lý trình K77+00) đường ĐT 295 đoạn Yên Phong Từ sơn	Ban QLDAXD Giao thông	1895/QĐ ngày 26/10/2018	119.787	2018-2020, tiếp đến năm 2023	20.000	76.000	15.000	2	10.000		10.000	
42	B	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ TL.277 đến khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ, thị xã Từ Sơn (đoạn từ UBND phường Trang Hạ đi khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ).	Ban QLDAXD Giao thông	1817/QĐ ngày 31/10/2019	461.435	2019-2024	20.000	349.000	66.832	2	20.000		20.000	
43	B	Đường dẫn phía Bắc từ ĐT.276 đến đầu cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành, địa phận huyện Tiên Du	Ban QLDAXD Giao thông	954/QĐ ngày 9/8/2016; 517/QĐ-UBND ngày 01/4/2019; 2100/QĐ ngày 23/12/2019; 1298/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	214.046	2016-2019, tiếp đến năm 2022	143.000	20.000	500	5	5.000		5.000	
44	B	Đường TL.276 mới, đoạn từ nút giao với đường Nội Duệ Tri Phương đến đường dẫn phía Bắc cầu Phật Tích Đại Đồng Thành, huyện Tiên Du	Ban QLDAXD Giao thông	1887/QĐ ngày 26/10/2018; 1098/QĐ-UBND ngày 07/09/2021	151.277	2018-2020, tiếp đến năm 2022	44.000	20.000	18.000	3	2.000		2.000	
45	C	Dự án ĐTXD đường TL 287 đoạn Hoàn Sơn đến nút giao đường dẫn phía Bắc Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành (Km5+00 - Km8+650), huyện Tiên Du	Ban QLDAXD Giao thông	1691/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	326.380	2019-2023		261.000	35.000		35.000		35.000	
46	B	Đường TL.284 đoạn thị trấn Thứa đi Văn Thái (lý trình Km11-Km18) huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1544/QĐ-UBND 27/10/2017	197.396	2018-2021, tiếp đến năm 2022	86.845	71.000	15.000	4	10.000		10.000	
47	C	ĐTXD cải tạo, nâng cấp đường vào khu xử lý rác thải tập trung tại xã Phù Lãng, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	1138/QĐ-UBND ngày 21/8/2020	75.416	2020-2023	15.000	45.000	32.000	2	13.000		13.000	
48	b	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đê Bình Ngô, xã An Bình, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành	1790/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	121.211	2014-2023	4.409	93.000	12.000	2	20.000		20.000	

STT	Nhóm DA	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian KC-HT	LƯU KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT						Tổng cộng	Nguồn Xổ số năm 2022	Nguồn XDCB tập trung	
49	B	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh QL.17 đoạn từ QL.38 đi ĐT.276 thuộc địa phận xã Trầm Lộ xã Gia Đông - xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1806/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	86.624	2020-2024	30.400	39.000	15.000	2	5.000		5.000	
50	B	Dự án đầu tư xây dựng đường tránh QL.17 đoạn từ ĐT.276 đi ĐT.283 thuộc địa phận xã Nguyệt Đức - xã Thanh Khương - xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	1504/QĐ UBND, ngày 30/9/2019	81.928	2020-2024	33.732	32.000	20.000	2	10.000		10.000	
51	b	Dự án ĐTXD các tuyến đường gom để giảm ùn tắc giao thông tại khu vực nút giao QL.1A - QL.38, thành phố Bắc Ninh (giai đoạn I)	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	1971/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	129.993	2018-2022	74.550	29.000	18.000	3	11.000		11.000	
52	B	Dự án ĐTXD Cải tạo, nâng cấp ĐT.277 đoạn từ Phú Đồng đến QL.1A (địa phận xã Phú Chấn, thị xã Từ Sơn)	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	1968/QĐ UBND, ngày 30/10/2018; 1080/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	84.275	Đến hết năm 2022	38.000	29.000	14.455	3	6.300		6.300	
<b>d</b>		<b>Lĩnh vực Nông nghiệp</b>			<b>2.149.034</b>		<b>679.010</b>	<b>603.000</b>	<b>222.327</b>		<b>141.673</b>	<b>-</b>	<b>141.673</b>	
53	B	Nâng cấp tuyến đê hữu Đuông, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	565/QĐ-UBND ngày 23/5/2011	928.100	2011-2022	332.296	80.000	50.827	4	29.173		29.173	
54	C	Xây dựng tuyến kênh mới từ cống Nội Lạc Nhuê đến bể hút trạm bơm Vạn An	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1837/QĐ-UBND ngày 20/10/2019	50.000	2019-2022	27.200	13.000	5.000	3	8.000		8.000	
55	C	Cải tạo, kiên cố hóa hệ thống kênh sau cống qua đê trạm bơm Phú Mỹ, huyện Thuận Thành	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1871/QĐ-UBND, ngày 25/10/2018	59.558	2019-2022	14.300	20.000	14.500	2	5.500		5.500	
56	B	Cứng hóa kênh tiêu Đồng khởi thuộc hệ thống thủy nông Nam Đuông	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1752/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	99.954	2021-2023	20.000	49.000	25.000	2	5.000		5.000	
57	B	Dự án ĐTXD Trạm bơm Tri Phương II	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3907/QĐ-BNN-XD ngày 29/9/2017	265.002	2017-2021	27.406	185.000	10.000	4	47.000		47.000	

STT	Nhóm DA	Ngành, lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			LŨY KẾ PHÂN BỐ VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NS TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021	Số năm đã bố trí vốn thực hiện DA	Dự kiến năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Thời gian KC-HT					Tổng cộng	Nguồn Xố số năm 2022	Nguồn XDDB tập trung	
58	C	Dự án Trạm bơm tiêu Ngọc Tri, huyện Lương Tài	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1801/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019; 1432/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	75.000	2021-2023		60.000	20.000	1	15.000		15.000	
59	B	Dự án xử lý các vị trí chôn đê xung yếu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Chi cục Thủy lợi	1557/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	179.966	2018-2020	45.215	36.000	25.000	4	5.000		5.000	
60	C	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu chính trạm bơm Tri phương	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đuống	1504/QĐ-UBND; 07/12/2015	77.394	Đến 31/12/2023	31.405	20.000	81	4	5.000		5.000	
61	B	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp, thành phố Bắc Ninh	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đuống	1463/QĐ-UBND; 31/10/2016	279.952	Đến 30/6/2023	138.528	78.000	34.919	5	5.000		5.000	
62	C	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Quế Tân (trong đồng)	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đuống	1958/QĐUBND, ngày 30/10/2018	31.451	2019-2020	15.000	9.000	7.500	3	1.500		1.500	
63	C	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thọ Đức (Trong đồng)	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đuống	1959/QĐUBND, ngày 30/10/2018	34.390	2019-2020	17.000	10.000	8.500	3	500		500	
64	C	ĐTXD Trạm bơm tiêu Nghi An I	Công ty TNHH MTV KTCCTL Nam Đuống	1768/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019	28.821	2019-2021; đến hết 31/10/2022	7.000	15.000	8.000	2	5.000		5.000	
65	C	Đầu tư xây dựng nâng công suất và thay đổi nước ngầm sang sử dụng nước mặt công trình cấp nước sạch tập trung xã Song Hồ, huyện Thuận Thành	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Bắc Ninh	1720/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	39.446	2019-2021	3.660	28.000	13.000	2	10.000		10.000	
<b>XIX</b>		<b>Lĩnh vực trụ sở cơ quan nhà nước</b>			<b>418.442</b>		<b>155.695</b>	<b>160.196</b>	<b>46.000</b>		<b>40.500</b>	<b>-</b>	<b>40.500</b>	
66	B	Trụ sở các Ban Đảng tỉnh Bắc Ninh.	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	848/QĐ-UBND ngày 05/6/2019	87.408	2019-2021	50.000	20.000	5.000	3	9.000		9.000	
67	b	Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp Đài Phát thanh & Truyền hình Bắc Ninh	Đài PTHBN	293/QĐ-UBND, ngày 16/3/2016	89.447	Đến năm 2022	52.687	19.000	-		3.500		3.500	
68	B	Dự án ĐTXD trụ sở Huyện ủy – HDND – UBND huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	607/QĐ-UBND ngày 19/4/2019	179.079	2018-2021; tiếp đến năm 2022	51.008	92.000	41.000	3	15.000		15.000	
69	c	trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	199/QĐ-VKSTC ngày 22/10/2020	27.158	2021-2023	1.000	13.000	-	1	5.000		5.000	
70	c	trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	200/QĐ-VKSTC ngày 22/10/2020	23.122	2021-2023	1.000	11.000	-	1	5.000		5.000	
71	C	Dự án: Đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh Bắc Ninh	Thanh tra tỉnh	128/QĐ-SKHĐT.ĐTG ngày 16/6/2021	12.228	2021-2022		5.196		1	3.000		3.000	

**PHỤ LỤC 09:**  
**PHỤ LỤC DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN PHÂN BỐ VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NĂM 2022**  
*(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư			Dự kiến phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022	Ghi chú
			Số QĐ	TMĐT	Số QĐ	TMĐT	Trong đó NST hỗ trợ dự án cấp huyện		
<b>TỔNG SỐ</b>				<b>1.811.383</b>		<b>1.811.383</b>	<b>230.000</b>	<b>7.000</b>	
1	Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Ninh (Khu ươm tạo, khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ công nghiệp phụ trợ và công nghệ cao, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	22/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	499.898	Dự kiến	499.898		3.000	
2	Dự án ĐTXD Trung tâm y tế và nhà tang lễ thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	62/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	531.402	Dự kiến	531.402	130.000	1.000	
3	Xử lý nước thải huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	25/NQ-HĐND20 ngày 26/11/2021	414.990	Dự kiến	414.990	100.000	1.000	
4	Đường Hoàng Quốc Việt, thị xã Từ Sơn	Ban QLDAXD Giao thông	39/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	190.624	Dự kiến	190.624		1.000	
5	Đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng cầu Ngà và đường hai đầu cầu	Ban QLDAXD Giao thông	Theo Tờ trình 472/TTr-UBND ngày 14/7/2021	174.469	Dự kiến	174.469		1.000	



**PHỤ LỤC 10:**  
**DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022 (100% Ngân sách địa phương)**  
(Kèm theo Tờ trình số..... TTr-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư		Thời gian thực hiện	TMDT/số vốn ĐTC NST	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (dự kiến)	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Số QĐ	TMDT	Số quyết định	TMDT				Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn bổ sung ĐTC năm 2022	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>29 dự án</b>		<b>2.364.047</b>		<b>1.014.051</b>		<b>2.242.321</b>	<b>1.672.000</b>	<b>448.000</b>	<b>260.000</b>	<b>188.000</b>	
I	<b>Lĩnh vực Quốc phòng</b>			<b>29.978</b>				<b>29.978</b>	<b>24.000</b>	<b>16.000</b>	<b>16.000</b>		
	<b>Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh</b>			<b>29.978</b>				<b>29.978</b>	<b>24.000</b>	<b>16.000</b>	<b>16.000</b>		
1	Dự án: ĐTXD nhà trực sẵn sàng chiến đấu và các hạng mục phụ trợ Ban CHQS huyện Lương Tài.	Bộ CHQS tỉnh	3547/QĐ-BQP ngày 09/10/2021 của Bộ Quốc Phòng	14.989			2021-2022	14.989	12.000	8.000	8.000		
2	Dự án: ĐTXD nhà trực sẵn sàng chiến đấu và các hạng mục phụ trợ Ban CHQS huyện Gia Bình.	Bộ CHQS tỉnh	3547/QĐ-BQP ngày 09/10/2021 của Bộ Quốc Phòng	14.989			2021-2022	14.989	12.000	8.000	8.000		
II	<b>Lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>			<b>249.900</b>		<b>123.450</b>		<b>173.450</b>	<b>144.000</b>	<b>35.000</b>	<b>35.000</b>		
	<b>Công an tỉnh</b>			<b>249.900</b>		<b>123.450</b>		<b>173.450</b>	<b>144.000</b>	<b>35.000</b>	<b>35.000</b>		
3	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự 10 xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Công an tỉnh	25/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	80.000			2022-2025	80.000	64.000	15.000	15.000		
4	Đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho tỉnh Bắc Ninh	Công an tỉnh	Số 911/QĐ-BCA-H43 ngày 24/3/2017	169.900	3961/QĐ-BCA-H01 ngày 30/5/2019	123.450		93.450	80.000	20.000	20.000		
III	<b>Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>			<b>100.000</b>		<b>99.810</b>		<b>99.510</b>	<b>80.000</b>	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>		
	<b>Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bắc Ninh</b>			<b>100.000</b>		<b>99.810</b>		<b>99.510</b>	<b>80.000</b>	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>		
5	Dự án ĐTXD trường THPT Yên Phong số 1 - Phần Khu 2	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	211/NQ - HĐND, ngày 29/10/2019; 53/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	100.000	1500/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	99.810	2021-2023	99.510	80.000	20.000	20.000		
6	Dự án ĐTXD mở rộng trường THPT Gia Bình số 1 (GPMB đường trục Nhân Thắng)	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	Chưa phê duyệt CTĐT	44.900				44.900	36.000	8.000		8.000	
V	<b>Lĩnh vực Văn hóa, thông tin</b>			<b>148.976</b>		<b>100.411</b>		<b>139.411</b>	<b>112.000</b>	<b>35.000</b>	<b>9.000</b>	<b>26.000</b>	
	<b>Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch</b>			<b>61.031</b>		<b>21.974</b>		<b>60.974</b>	<b>49.000</b>	<b>15.000</b>	<b>9.000</b>	<b>6.000</b>	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hồi Quan, thị xã Từ Sơn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	372/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	39.000			2022-2025	39.000	31.000	9.000	9.000		
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Viêm Xá (Đình Diêm), xã Hòa Long, TP Bắc Ninh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	670/QĐ - UBND, ngày 18/10/2019	22.031	1740/QĐ - UBND, ngày 30/10/2019	21.974		21.974	18.000	6.000		6.000	
VI	<b>Lĩnh vực Thể dục thể thao</b>			<b>87.945</b>		<b>78.437</b>		<b>78.437</b>	<b>63.000</b>	<b>20.000</b>		<b>20.000</b>	
	<b>Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị</b>			<b>87.945</b>		<b>78.437</b>		<b>78.437</b>	<b>63.000</b>	<b>20.000</b>		<b>20.000</b>	
9	Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật trung tâm thể dục thể thao tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	281/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	87.945	QĐ 1791/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 (PD dự án)	78.437	2021-2024	78.437	63.000	20.000		20.000	
VII	<b>Lĩnh vực bảo vệ môi trường</b>			<b>66.339</b>		<b>53.897</b>		<b>53.897</b>	<b>43.000</b>	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>		
	<b>UBND Huyện Quế Võ</b>			<b>66.339</b>		<b>53.897</b>		<b>53.897</b>	<b>43.000</b>	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>		
10	Dự án ĐTXD trồng dải cây xanh xung quanh khu xử lý chất thải tập trung xã Phù Lãng, huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (phòng Tài nguyên môi trường)	340/NQ-HĐND ngày 11/12/2020	66.339	707/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	53.897	2021-2024	53.897	43.000	20.000	20.000		
VIII	<b>Lĩnh vực kinh tế</b>			<b>1.661.969</b>		<b>629.499</b>		<b>1.639.190</b>	<b>1.183.000</b>	<b>292.000</b>	<b>138.000</b>	<b>154.000</b>	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư		Thời gian thực hiện	TMDT/số vốn ĐTC NST	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (dự kiến)	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Số QĐ	TMDT	Số quyết định	TMDT				Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn bổ sung ĐTC năm 2022	
a	Lĩnh vực Nông nghiệp			553.683		294.297		547.893	384.000	89.000	67.000	22.000	
	Sở Nông nghiệp và PTNT			497.991		238.614		492.210	339.000	82.000	60.000	22.000	
11	Cứng hóa kênh Nam đoạn K8+700-K14+100	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	60/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	116.429			2021-2024	116.429	93.000	22.000	22.000		
12	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Ngòi Tô, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1118/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	60.000	1271/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	60.000	2021-2023	60.000	30.000	9.000	9.000		
13	Dự án Xử lý lún, nứt thân đê, sạt trượt mái đê đoạn từ K41+200 đến K45+000 đê hữu Đuống, huyện Gia Bình	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phu lục 14- Nghị quyết 169/NQ - HĐND ngày 17/4/2019	130.000			2021-2023	130.000	102.000	22.000		22.000	
14	Xây dựng tuyến kênh kéo dài nối từ kênh Nam khu công nghiệp Yên Phong đến kênh tiêu Vạn An	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	90/QĐ- UBND- ngày 22/01/2021	7.567			2021-2023	7.567	6.000	3.000	3.000		
15	Xử lý sạt lở bờ, bãi sông đoạn từ K28+500-K31+100 đê tả Đuống, huyện Tiên Du	Chi cục Thủy lợi	58/QĐ-UBND ngày 15/01/2021	79.000	1433/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	78.954	2021-2023	78.954	40.000	10.000	10.000		
16	Kè Việt Thống huyện Quế Võ (giai đoạn 2)	Chi cục Thủy lợi	972/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	45.000	1569/QĐ-UBND ngày 18/11/2020	39.666		39.666	20.000	6.000	6.000		
17	Lắp đặt máy vớt rác tự động các trạm bơm Tân Chi, Phần Động, Kim đôi 2	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đuống	581/QĐ-UBND; 269/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 ,ngày 16/4/2019	59.994	1746/QĐ-UBND; 30/10/2019	59.994	Hoàn thành năm 2023	59.994	48.000	10.000	10.000		
	<b>UBND huyện Lương Tài</b>			<b>55.692</b>		<b>55.683</b>		<b>55.683</b>	<b>45.000</b>	<b>7.000</b>	<b>7.000</b>		
18	ĐTXD 10 trạm bơm cục bộ huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	1663/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	55.692	1767/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	55.683		55.683	45.000	7.000	7.000		
b	Lĩnh vực Giao thông			1.072.386		335.202		1.055.397	770.000	193.000	61.000	132.000	
	<b>Sở Giao thông vận tải (Ban QLDA)</b>			<b>960.124</b>		<b>335.202</b>		<b>943.495</b>	<b>711.000</b>	<b>172.000</b>	<b>40.000</b>	<b>132.000</b>	
19	Đầu tư xây dựng đường ĐT.285B (đoạn từ ĐT.295, xã Đông Tiến đến QL.3 mới huyện Yên Phong) và nút giao hoàn chỉnh nối ĐT.285B với QL.3 mới	Ban QLDAXD Giao thông	375/TTr-BCS ngày 25/11/2021	528.300				528.300	422.000	120.000		120.000	
20	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL.295 đoạn từ vị trí chân cầu vượt nút giao với QL.18 đến đường TL.285B theo quy hoạch	Ban QLDAXD Giao thông	211/NQ - HĐND, ngày 29/10/2019	79.994				79.994	64.000	12.000		12.000	
21	Dự án ĐTXD đường ĐT.287 đoạn từ xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong đến phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn	Ban QLDAXD Giao thông	169/NQ-HĐND ngày 17/4/2019	351.830	1708/QĐ ngày 29/10/2019	335.202		335.202	225.000	40.000	40.000		
	<b>UBND huyện Tiên Du</b>			<b>39.939</b>		<b>-</b>		<b>39.939</b>	<b>20.000</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>	<b>-</b>	
22	Dự án ĐTXD đường ĐT.277, đoạn từ QL.38 đến ĐT.276, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	543/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	39.939				39.939	20.000	8.000	8.000		
	<b>UBND thành phố Bắc Ninh</b>			<b>9.056</b>		<b>-</b>		<b>8.696</b>	<b>7.000</b>	<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	<b>-</b>	
23	Dự án đầu tư xây dựng tuyến nhánh giao thông hướng Lạng Sơn đi Quảng Ninh thuộc nút giao QL.18 với QL.1A	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	435/QĐ-UBND ngày 22/09/2020	9.056				8.696	7.000	4.000	4.000		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		Quyết định đầu tư		Thời gian thực hiện	TMĐT/số vốn ĐTC NST	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (dự kiến)	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
			Số QĐ	TMĐT	Số quyết định	TMĐT				Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn bổ sung ĐTC năm 2022	
	<b>UBND thị xã Từ Sơn</b>			<b>63.267</b>		-		<b>63.267</b>	<b>32.000</b>	<b>9.000</b>	<b>9.000</b>	-	
24	Dự án ĐTXD cải tạo nâng, cấp nút giao Đại Đình - tuyến đường nhánh kết nối TL.277 và QL.1A (hướng Phù Chấn đi Hà Nội và Bắc Giang về Từ Sơn), thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	305/QĐ-UBND ngày 22/7/2020	63.267				63.267	32.000	9.000	9.000		
	<b>Lĩnh vực Công nghệ thông tin</b>			<b>35.900</b>		-		<b>35.900</b>	<b>29.000</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>	-	
	<b>Văn phòng Tỉnh ủy</b>			<b>35.900</b>		-		<b>35.900</b>	<b>29.000</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>	-	
25	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025	Văn phòng Tỉnh ủy	208/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	35.900			2022-2024	35.900	29.000	10.000	10.000		
<b>XIX</b>	<b>Lĩnh vực trụ sở cơ quan nhà nước</b>			<b>61.985</b>		-		<b>61.985</b>	<b>50.000</b>	<b>22.000</b>	<b>22.000</b>	-	
	<b>Ban Tiếp công dân</b>			<b>7.000</b>		<b>6.984</b>		<b>7.000</b>	<b>6.000</b>	<b>3.000</b>	<b>3.000</b>	-	
26	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Tiếp công dân tỉnh Bắc Ninh	Ban Tiếp công dân tỉnh	255/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	7.000	313/QĐ-SKHĐT.ĐTG ngày 19/11/2021	6.984	2022-2024	7.000	6.000	3.000	3.000		
	<b>Sở Tư pháp</b>			<b>10.000</b>		-		<b>10.000</b>	<b>8.000</b>	<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	-	
27	Dự án cải tạo, mở rộng trụ sở Phòng Công chứng số 2 tỉnh Bắc Ninh	Sở Tư pháp	210/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	10.000			2022-2024	10.000	8.000	4.000	4.000		
	<b>Văn phòng Tỉnh ủy</b>			<b>29.986</b>		-		<b>29.986</b>	<b>24.000</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>	-	
28	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Tỉnh ủy Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	254/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	29.986			2022-2024	29.986	24.000	10.000	10.000		
	<b>Sở Tài nguyên và môi trường</b>			<b>14.999</b>		-		<b>14.999</b>	<b>12.000</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	-	
29	Cải tạo sửa chữa Trung tâm kỹ thuật tài nguyên - Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và môi trường	498/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	14.999				14.999	12.000	5.000	5.000		

**PHỤ LỤC 11: DANH SÁCH DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THEO QUY ĐỊNH**

*(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên dự án	Nhà đầu tư đề xuất	Địa điểm	Quyết định chủ trương			Văn bản của UBND tỉnh về		Vốn đầu tư công NSNN hỗ trợ năm 2022	Ghi chú
				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng hỗ trợ dự kiến	Số, ngày tháng	Mức hỗ trợ		
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>202.000</b>	<b>23.440</b>	-	<b>11.861</b>	<b>12.000</b>	-
1	Dự án sản xuất chế biến các sản phẩm nông nghiệp và trưng bày giới thiệu sản phẩm	Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông sản Vĩnh Cửu	xã An Thịnh, huyện Lương Tài	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	32.000	12.240	3182/UBND-NN ngày 04/10/2021	11.861	8.000	
2	Dự án sản xuất nông sản xanh, sạch, an toàn	Công ty nông nghiệp CNC Hồ Gươm Bắc Ninh	xã Lâm Thao, huyện Lương Tài	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	170.000	11.200			4.000	

**PHỤ LỤC 12-A:**  
**DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CHƯA ĐỦ THỦ TỤC ĐẦU TƯ (Đến ngày 05/12/2022)**  
*(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Nhà đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		TMĐT/số vốn ĐTC NST	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
			Số QĐ	TMĐT			
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>3.486.178</b>	<b>1.065.655</b>	<b>652.000</b>
<b>I</b>	<b>Dự án chưa phê duyệt chủ trương đầu tư</b>				<b>394.900</b>	<b>394.900</b>	<b>128.000</b>
<b>a</b>	<b>Dự án ngân sách tỉnh quản lý</b>				<b>394.900</b>		<b>128.000</b>
1	Dự án ĐTXD mở rộng trường THPT Gia Bình số 1 (GPMB đường trục Nhân Thắng)	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp			44.900	44.900	8.000
2	Đầu tư xây dựng đường ĐT.285B (đoạn từ ĐT.295, xã Đông Tiễn đến QL.3 mới huyện Yên Phong) và Nút giao hoàn chỉnh nối ĐT.285B với QL.3 mới	Ban QLDAXD Giao thông			350.000	350.000	120.000
<b>II</b>	<b>Dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa phê duyệt dự án</b>				<b>2.889.278</b>	<b>670.755</b>	<b>512.000</b>
<b>a</b>	<b>Dự án sử dụng vốn Ngân sách trung ương</b>				<b>2.203.163</b>		<b>363.000</b>
1	Xử lý sạt lở bờ, bãi sông đoạn từ K32+544 - K33+300 và đoạn K46+500 - K46+700 đê hữu Cầu, huyện Yên Phong	Chi cục Thủy lợi	368/NQ-HĐND ngày 10/5/2021		85.000		20.000
2	Dự án ĐTXD đường ĐT278 đoạn từ QL18, xã Phượng Mao đến ĐT287, xã Yên Giả, huyện Quế Võ	Ban QLDAXD Giao thông	291/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; 363/NQ-HĐND ngày 10/5/2021		298.163		40.000
3	ĐTXD ĐT.282B đoạn từ ĐT.285 đi đường dẫn cầu Bình Than, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	Phụ lục 11 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019, 23/NQ-HĐND ngày 16/7/2021		230.000		30.000
4	ĐTXD cầu Kênh Vàng và đường dẫn hai đầu cầu kết nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương	Ban QLDAXD Giao thông	366/NQ-HĐND ngày 10/5/2021		1.590.000		273.000
<b>b</b>	<b>Dự án ngân sách tỉnh quản lý</b>				<b>686.115</b>		<b>149.000</b>
1	Dự án Xử lý lún, nứt thân đê, sạt trượt mái đê đoạn từ K41+200 đến K45+000 đê hữu Đuống, huyện Gia Bình	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phụ lục 14- Nghị quyết 169/NQ - HĐND ngày 17/4/2019		130.000	130.000	22.000
2	Xây dựng tuyến kênh kéo dài nối từ kênh Nam khu công nghiệp Yên Phong đến kênh tiêu Vạn An	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	90/QĐ- UBND- ngày 22/01/2021		7.567	7.567	3.000
3	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL.295 đoạn từ vị trí chân cầu vượt nút giao với QL.18 đến đường TL.285B theo quy hoạch	Ban QLDAXD Giao thông	211/NQ - HĐND, ngày 29/10/2019		79.994	79.994	12.000
4	Dự án: ĐTXD nhà trực sẵn sàng chiến đấu và các hạng mục phụ trợ Ban CHQS huyện Lương Tài.	Bộ CHQS tỉnh	3547/QĐ-BQP ngày 09/10/2021 của Bộ Quốc Phòng		14.989	14.989	8.000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Nhà đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		TMĐT/số vốn ĐTC NST	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
			Số QĐ	TMĐT			
5	Dự án: ĐTXD nhà trực sẵn sàng chiến đấu và các hạng mục phụ trợ Ban CHQS huyện Gia Bình.	Bộ CHQS tỉnh	3547/QĐ-BQP ngày 09/10/2021 của Bộ Quốc Phòng	14.989	14.989	8.000	
6	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự 10 xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Công an tỉnh	25/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	80.000	80.000	15.000	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hối Quan, thị xã Từ Sơn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	372/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	39.000	39.000	9.000	
8	Cứng hóa kênh Nam đoạn K8+700-K14+100	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	60/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	116.429	116.429	22.000	
9	Dự án ĐTXD đường ĐT.277, đoạn từ QL.38 đến ĐT.276, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	543/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	39.939	39.939	8.000	
10	Dự án đầu tư xây dựng tuyến nhánh giao thông hướng Lạng Sơn đi Quảng Ninh thuộc nút giao QL.18 với QL.1A	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	435/QĐ-UBND ngày 22/09/2020	9.056	8.696	4.000	
11	Dự án ĐTXD cải tạo nâng, cấp nút giao Đại Đình - tuyến đường nhánh kết nối TL.277 và QL.1A (hướng Phù Chân đi Hà Nội và Bắc Giang về Từ Sơn), thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	305/QĐ-UBND ngày 22/7/2020	63.267	63.267	9.000	
12	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025	Văn phòng Tỉnh ủy	208/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	35.900	35.900	10.000	
13	Dự án cải tạo, mở rộng trụ sở Phòng Công chứng số 2 tỉnh Bắc Ninh	Sở Tư pháp	210/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	10.000	10.000	4.000	
14	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Tỉnh ủy Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	254/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	29.986	29.986	10.000	
15	Cải tạo sửa chữa Trung tâm kỹ thuật tài nguyên - Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và môi trường	498/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	14.999		5.000	
<b>III</b>	<b>Nhiệm vụ chi hỗ trợ đầu tư theo chính sách của tỉnh</b>			<b>202.000</b>	-	<b>12.000</b>	
1	Dự án sản xuất chế biến các sản phẩm nông nghiệp và trưng bày giới thiệu sản phẩm	Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông sản Vĩnh Cửu	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	32.000		8.000	Bổ trí vốn sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền nghiệm thu
2	Dự án sản xuất nông sản xanh, sạch, an toàn	Công ty nông nghiệp CNC Hồ Gươm Bắc Ninh	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	170.000		4.000	

**PHỤ LỤC 12-B:**  
**DANH MỤC DỰ ÁN HẾT THỜI GIAN BỔ TRÍ VỐN/HẾT THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ ÁN (Đến ngày 05/12/2021)**  
*(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Nhà đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		QĐ phê duyệt Dự án		Thời gian thực hiện	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
			Số QĐ	TMĐT	Số QĐ	TMĐT			
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.252.782</b>					
<b>I</b>	<b>Dự án bổ trí vốn quá thời hạn theo quy định tại Khoản 2, Điều 52 Luật Đầu tư công</b>			<b>1.252.782</b>		<b>1.411.376</b>		<b>88.600</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện, xã (Ngân sách tỉnh hỗ trợ giai đoạn 2021-2025; phần còn lại ngân sách địa phương bổ trí)</b>			<b>241.091</b>		<b>241.091</b>		<b>29.000</b>	
<b>a1</b>	<b>Dự án nhóm C</b>			<b>167.041</b>		<b>166.995</b>		<b>29.000</b>	
1	Cải tạo, chỉnh trang sông Thửa (Đoạn hồ Thửa đi TL280)	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	370/BC-HĐTD.QLN ngày 03/11/2021	37.297	1908/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018	37.297	2019-2022	7.000	HĐTD đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
2	Dự án đầu tư xây dựng đường trục huyện Quế Võ đoạn từ QL18 đi xã Phù Lương	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	NQ 107/NQ-HĐND ngày 17/4/2018	59.982	1917/QĐ UBND, ngày 26/10/2018	59.936	2018-2020, tiếp đến năm 2022	9.000	HĐTD đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
3	Hệ thống tiêu thoát nước trên địa bàn huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	Chưa rõ	69.762	1919/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018	69.762	2018-2020	13.000	Chưa làm điều chỉnh CTĐT, dự án về thời gian thực hiện
<b>b</b>	<b>Dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh</b>			<b>752.845</b>		<b>832.142</b>		<b>59.600</b>	
<b>b1</b>	<b>Dự án nhóm B</b>			<b>493.998</b>		<b>493.998</b>		<b>10.000</b>	
1	Đường dẫn phía Bắc từ ĐT.276 đến đầu cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành, địa phận huyện Tiên Du	Ban QLDAXD Giao thông	142/NQ-HĐND18 ngày 29/7/16	214.046	954/QĐ ngày 9/8/2016; 517/QĐ-UBND ngày 01/4/2019	214.046	2016-2019, tiếp đến năm 2022	5.000	
2	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp, thành phố Bắc Ninh	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	1337/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	279.952	1463/QĐ-UBND; 31/10/2016	279.952	2017-2021	5.000	
<b>b2</b>	<b>Dự án nhóm C</b>			<b>258.847</b>		<b>338.143</b>		<b>49.600</b>	
1	Đường vào Trung tâm đào tạo bóng chuyền tỉnh Bắc Ninh (đoạn từ đường Hàn Thuyên đến đường Lê Văn Thịnh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	764/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	26.585	1723/QĐ-UBND, ngày 05/10/2018	26.390	2018-2021	12.000	
2	Đường gom bên trái QL.18 từ KCN Quế Võ đến khu đô thị Tây Hồ và hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng (lý trình từ Km8+100 đến Km8+400)	Ban QLDAXD Giao thông	1885/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	39.027	1988/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	38.763	2019-2021	12.600	
3	Xây dựng tuyến kênh mới từ cống Nội Lạc Nhuế đến bể hút trạm bơm Vạn An	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1675/QĐ-UBND ngày 01/10/2018; 230/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	50.000	1837/QĐ-UBND ngày 20/10/2019	50.000	2019-2022	8.000	Đã điều chỉnh CTĐT, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
4	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu chính trạm bơm Tri phương	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống		77.394	1504/QĐ-UBND; 07/12/2015	77.394	2016-2020	5.000	
5	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Quế Tân (trong đồng)	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	1657 ngày 28/9/2018	31.451	1958/QĐUBND, ngày 30/10/2018	31.451	2019-2020	1.500	
6	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thọ Đức (Trong đồng)	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	1674/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	34.390	1959/QĐUBND, ngày 30/10/2018	34.390	2019-2020	500	
7	Trùng tu, tôn tạo khu di tích Chùa Đậu, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)			1221/QĐ UBND, ngày 05/9/2017 (PDDA đc)	79.756	2017-2020	10.000	
<b>II</b>	<b>Dự án đã hết thời gian thực hiện dự án.</b>								

a	Dự án thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện, xã (Ngân sách tinh hỗ trợ giải ngân 2021-2025; phần còn lại ngân sách địa phương bổ trợ)		658.131	614.174			
1	Dự án chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Thửa, huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	ngày 08/8/2019	1189/QĐ-UBND	1748/QĐ UBND,	ngày 30/10/2019	45.058 đến năm 2022
2	Đường trục chính đô thị từ tỉnh lộ 279 đi Khu công nghiệp Quê Võ xã 3, huyện Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh	UBND huyện Quê Võ (Ban QLDA)	ngày 03/10/2018	131/NQ-HBND	1942/QĐ UBND,	ngày 29/10/2018	95.139 đến năm 2022
3	Dự án ĐTXD đường trục huyện Quê Võ đoạn từ TL.279 đi Bằng An, lên đê Hầm Cầu	UBND huyện Quê Võ (Ban QLDA)	ngày 03/10/2018	131/NQ-HBND	1926/QĐ-UBND,	ngày 26/10/2018	102.533 2018-2020
4	Đường trục chính đô thị đoạn từ QL 18 đi xã Việt Hùng, xã Bằng An, huyện Quê Võ	UBND huyện Quê Võ (Ban QLDA)	ngày 05/4/2018	62/TT HBND18	1101/QĐ-UBND,	ngày 11/7/2018; 605/QĐ-UBND	144.495 2018-2021, tiếp đến năm 2022
5	Đường HL6 đoạn từ TL276 vào trụ sở BCH quân sự mới và làng đại học I	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	ngày 03/10/2018	131/NQ-HBND	1977/QĐ-UBND	ngày 30/10/2018	102.759 2019-2021
6	Dự án đầu tư xây dựng đường nội từ đê tả Đường (tại xã Minh Đạo)	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	ngày 11/07/2019	201/NQ-HBND	1745/QĐ UBND,	ngày 30/10/2019	74.959 Năm 2020- 2022, tiếp đến
7	Dự án ĐTXD Đường và khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ đoạn từ ĐT.277 qua UBND phường Trang Hạ, thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	ngày 12/8/2019	454/QĐ-UBND ngày	1608/QĐ UBND,	ngày 15/10/2019	49.278 2019-2021, tiếp đến năm 2023
b	Dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh		3.072.855	3.195.666			293.408
1	Công trình dựng hầm Sơ chỉ huy thông nhất tỉnh Bắc Ninh	Bộ CHQS tỉnh	ngày 14/7/2015; 119/TTĐDDND17	31/NQ-HBND ngày	1736/QĐ-UBND;	31/12/2015	102.719 2015-2022
2	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng trường THPT Yên Phong số 2	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	ngày 11/7/2019	201/NQ-HBND	1749/QĐ-UBND	ngày 30/10/2019; 1376/QĐ-UBND	42.937 2019-2021; Hoàn thành trong năm 2022
3	Tăng cường năng lực hoạt động cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường	Chi cục Tiêu chuẩn Đo Lường Sở KH-CN	ngày 16/10/2015; 202/TTĐDDND	54/NQ-HBND ngày	154/QĐ-UBND	ngày 05/12/2012; 245/QĐ-UBND	81.478 2016-2020; đến năm 2022
4	Trung tâm văn hóa thiếu nhi phía nam tỉnh tại thị trấn Gia Bình	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	ngày 03/10/2018	131/NQ-HBND	1910/QĐ UBND,	ngày 26/10/2018	148.483 2018-2021, đến hết năm 2022
5	Đầu tư xây mới chùa Dạm, xã Nam Sơn, TP.BN	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	ngày 05/12/2019	238/NQ-HBND,	1470/QĐ-UBND,	30/11/2015; 840/QĐ-UBND	124.736 2015-2020
1	Dự án thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện, xã (Ngân sách tinh hỗ trợ giải ngân 2021-2025; phần còn lại ngân sách địa phương bổ trợ)		63.455	614.174			
1	Dự án chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Thửa, huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	ngày 08/8/2019	1189/QĐ-UBND	1748/QĐ UBND,	ngày 30/10/2019	45.058 đến năm 2022
2	Đường trục chính đô thị từ tỉnh lộ 279 đi Khu công nghiệp Quê Võ xã 3, huyện Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh	UBND huyện Quê Võ (Ban QLDA)	ngày 03/10/2018	131/NQ-HBND	1942/QĐ UBND,	ngày 29/10/2018	95.139 đến năm 2022
3	Dự án ĐTXD đường trục huyện Quê Võ đoạn từ TL.279 đi Bằng An, lên đê Hầm Cầu	UBND huyện Quê Võ (Ban QLDA)	ngày 03/10/2018	131/NQ-HBND	1926/QĐ-UBND,	ngày 26/10/2018	102.486 2018-2020
4	Đường trục chính đô thị đoạn từ QL 18 đi xã Việt Hùng, xã Bằng An, huyện Quê Võ	UBND huyện Quê Võ (Ban QLDA)	ngày 05/4/2018	62/TT HBND18	1101/QĐ-UBND,	ngày 11/7/2018; 605/QĐ-UBND	144.495 2018-2021, tiếp đến năm 2022
5	Đường HL6 đoạn từ TL276 vào trụ sở BCH quân sự mới và làng đại học I	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	ngày 03/10/2018	131/NQ-HBND	1977/QĐ-UBND	ngày 30/10/2018	102.759 2019-2021
6	Dự án đầu tư xây dựng đường nội từ đê tả Đường (tại xã Minh Đạo)	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)	ngày 11/07/2019	201/NQ-HBND	1745/QĐ UBND,	ngày 30/10/2019	74.959 Năm 2020- 2022, tiếp đến
7	Dự án ĐTXD Đường và khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ đoạn từ ĐT.277 qua UBND phường Trang Hạ, thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn (Ban QLDA)	ngày 12/8/2019	454/QĐ-UBND ngày	1608/QĐ UBND,	ngày 15/10/2019	49.278 2019-2021, tiếp đến năm 2023
b	Dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh		3.072.855	3.195.666			293.408
1	Công trình dựng hầm Sơ chỉ huy thông nhất tỉnh Bắc Ninh	Bộ CHQS tỉnh	ngày 14/7/2015; 119/TTĐDDND17	31/NQ-HBND ngày	1736/QĐ-UBND;	31/12/2015	102.719 2015-2022
2	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng trường THPT Yên Phong số 2	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	ngày 11/7/2019	201/NQ-HBND	1749/QĐ-UBND	ngày 30/10/2019; 1376/QĐ-UBND	42.937 2019-2021; Hoàn thành trong năm 2022
3	Tăng cường năng lực hoạt động cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường	Chi cục Tiêu chuẩn Đo Lường Sở KH-CN	ngày 16/10/2015; 202/TTĐDDND	54/NQ-HBND ngày	154/QĐ-UBND	ngày 05/12/2012; 245/QĐ-UBND	81.478 2016-2020; đến năm 2022
4	Trung tâm văn hóa thiếu nhi phía nam tỉnh tại thị trấn Gia Bình	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	ngày 03/10/2018	131/NQ-HBND	1910/QĐ UBND,	ngày 26/10/2018	148.483 2018-2021, đến hết năm 2022
5	Đầu tư xây mới chùa Dạm, xã Nam Sơn, TP.BN	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	ngày 05/12/2019	238/NQ-HBND,	1470/QĐ-UBND,	30/11/2015; 840/QĐ-UBND	124.736 2015-2020



6	Trùng tu, tôn tạo khu di tích Chùa Đậu, huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)		ngày 05/9/2017 1221/QĐ UBND, (PDDA đc)	79.756	2017-2020	Có VB số 3942/UBND-XDCB ngày 12/11/2020; chưa làm thủ tục	điều chỉnh dự án
7	Đường vào Trung tâm đào tạo bồi dưỡng chuyên tỉnh Bắc Ninh (doan từ đường Hàn Thuyên đến đường Lê Văn Thịnh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	764/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	1723/QĐ-UBND, ngày 05/10/2018	24.712	2018-2020, tiếp đến năm 2022	HBTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án	12.000
8	Đường vào nhà hát dân ca quan họ Bắc Ninh (doan từ nối tiếp đường Lạc Long Quân qua nhà hát đến đường bê tông Hưu Chấp, xã Hòa Long, TP Bắc Ninh)	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	234/TT HBNĐ18 ngày 15/9/2017	1559/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	316.505	2017-2021, tiếp đến năm 2023	HBTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án	40.000
9	Đường gom bên trái QL.18 từ KCN Quê Võ đến khu đô thị Tây Hồ và hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng (tỷ trình từ Km8+100 đến Km8+400)	Ban QLĐAXD Giao thông	1883/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	1988/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	38.763	2019-2021, tiếp đến năm 2023	HBTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án	12.600
10	Dự án ĐTXD tuyến ĐT.285B mới, đoạn nối QL.17 với QL.38 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; giai đoạn I,II: đoạn từ ĐT.281 đến ĐT.285 tỷ 4,38 tỷ Km4+00 đến Km7+00 và đoạn từ ĐT.280 mới đến QL.38 tỷ 1,15 tỷ Km15+00 đến Km22+500 huyện Lương Tài - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLĐAXD Giao thông	131/NQ-HBND ngày 3/10/18	1928/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 (Giai đoạn I, II)	428.354	Đến hết năm 2023	HBTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án	25.000
11	Đầu tư xây dựng đường TL.287 đoạn từ QL.38 mới, huyện Tiên Du đến QL.18, huyện Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLĐAXD Giao thông	131/NQ-HBND ngày 3/10/18	1915/QĐ ngày 26/10/2018	377.651	2018-2021, tiếp đến năm 2023	HBTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án	25.000
12	Đầu tư xây dựng cầu Nét (tỷ trình K77+00) đường ĐT 295 đoạn Yên Phong Từ sơn	Ban QLĐAXD Giao thông	131/NQ-HBND ngày 3/10/18	1895/QĐ ngày 26/10/2018	119.787	2018-2020, tiếp đến năm 2023	HBTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án	10.000
13	Đường TL.284 đoạn thị trấn Thứa di Văn Thai (tỷ trình Km11-Km18) huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	230/TT HBNĐ18 ngày 14/9/2017	1544/QĐ-UBND 27/10/2017	197.396	2018-2021, tiếp đến năm 2022	HBTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án	10.000
14	Dự án ĐTXD Trạm bơm Trĩ Phương II	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1077/QĐ-BNN-XD ngày 30/3/2017	3907/QĐ-BNN-XD ngày 29/9/2017	265.002	2017-2021	CTĐT, DA phê duyệt t/g thực hiện là 17-21; QĐ số 1862/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 về việc phê duyệt BVTC và DT hàng mục Kênh, công trình trên kênh... phê duyệt t/g thực hiện là 2021-2022	47.000
15	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu chính trạm bơm Trĩ phương	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đưỡng		1504/QĐ-UBND; 07/12/2015	77.394	Đến 31/12/2023	HBTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án	5.000
16	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hưu Chấp, thành phố Bắc Ninh	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đưỡng	1337/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	1463/QĐ-UBND; 31/10/2016	279.952	Đến 30/6/2023	HBTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án	5.000
17	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Quê Tân (trong đồng)	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đưỡng	1657 ngày 28/9/2018	1958/QĐUBND, ngày 30/10/2018	31.451	2019-2020	Đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án	1.500
18	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thọ Đức (Trong đồng)	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đưỡng	1674/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	1959/QĐUBND, ngày 30/10/2018	34.390	2019-2020	Đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án	500

19	ĐT XD Trạm bơm tiêu Nghi An 1	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Đuống	1768/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019	29.985	1768/QĐ - UBND, ngày 31/10/2019	28.821	2019-2021; đến hết 31/10/2022	5.000	Đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
20	Đầu tư xây dựng nâng công suất và thay đổi nước ngầm sang sử dụng nước mặt công trình cấp nước sạch tập trung xã Song Hồ, huyện Thuận Thành	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Bắc Ninh	2145/QĐ-UBND, 20/11/2018	52.813	1720/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	39.446	2019-2021	10.000	Chưa điều chỉnh CTĐT, DA về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
21	Trụ sở các Ban Đảng tỉnh Bắc Ninh.	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	169/NQ-HĐND ngày 17/4/2019	89.909	848/QĐ-UBND ngày 05/6/2019	87.408	2019-2021	9.000	Chưa điều chỉnh CTĐT, DA về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
22	Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp Đài Phát thanh & Truyền hình Bắc Ninh	Đài PTTHBN	29/NQ-HĐND ngày 16/7/2021		293/QĐ-UBND, ngày 16/3/2016	89.447	Đến năm 2022	3.500	Đã điều chỉnh CTĐT, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án
23	Dự án ĐT XD trụ sở Huyện ủy – HĐND – UBND huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	NQ 131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	179.999	607/QĐ-UBND ngày 19/4/2019	179.079	2018-2021; tiếp đến năm 2022	15.000	HĐTĐ đã trình điều chỉnh CTĐT về thời gian thực hiện, Chưa phê duyệt điều chỉnh dự án

**PHỤ LỤC 13: DỰ KIẾN GHI THU, GHI CHI DỰ ÁN BT NĂM 2022**

*(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Tên dự án	Cơ quan nhà nước được ủy quyền	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Diện tích đất đối ứng		Giá trị đất tính tiền sử dụng đất đã được phê duyệt (triệu đồng)	Giá trị quyết toán		Giá trị đã ghi thu, ghi chi (triệu đồng)	Dự kiến nhu cầu ghi thu, ghi chi (triệu đồng)
				Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích tính tiền sử dụng đất (m <sup>2</sup> )		Quyết định phê duyệt	Giá trị được quyết toán (triệu đồng)		
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>18.344.459,13</b>	<b>13.076.791,45</b>	<b>4.361.345,98</b>	<b>6.204.496,56</b>	<b>1.846.286,28</b>	<b>5.010.096,06</b>	<b>950.782,36</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>	<b>15</b>	<b>5.893.224,42</b>	<b>3.096.906,80</b>	<b>1.180.222,76</b>	<b>5.429.470,23</b>	<b>1.846.286,28</b>	<b>4.560.425,23</b>	<b>657.597,15</b>	
<i>I.1</i>	<i>Dự án đã quyết toán</i>	<i>8</i>	<i>2.309.752,64</i>	<i>1.157.609,80</i>	<i>424.161,46</i>	<i>1.971.385,00</i>	<i>1.846.286,28</i>	<i>1.830.884,00</i>	<i>118.307,46</i>	
1	Dự án ĐTXD công trình cải tạo, nâng cấp TL 277 (đoạn qua xã Phù Khê đến khu lưu niệm cố Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ) và hạ tầng kỹ thuật khu vực Đồng Bèo xã Phù Khê, thị xã Từ Sơn	Sở Giao thông Vận tải	434.525,000	116.101,00	49.625,00	330.538,03	1655/QĐ-UBND ngày 15/11/2017	249.511,111	295.769,000	81.026,919
2	Dự án ĐTXD trường THPT chuyên Bắc Ninh	Sở Giáo dục và Đào tạo	456.684,644	268.019,9	84.889,3	443.909,25	114/QĐ-UBND ngày 01/02/2018	440.663,470	440.663,00	-
3	Dự án ĐTXD nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh	Sở Xây dựng	470.530,000	83.556,3	31.386,4	298.154,78	1102/QĐ-UBND ngày 13/8/2020	421.373,643	296.770,00	1.384,780
4	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp tính lộ 286, đoạn từ thị trấn Chờ đến cầu Đò Lo, huyện Yên Phong (từ Km 13+91,89 đến K17+78,60)	Sở Giao thông Vận tải	277.370,000	227.868,0	60.578,0	307.082,71	1132/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	165.497,075	239.616,00	-
5	Dự án ĐTXD công trình Công Viên Hồ Điều Hòa Văn Miếu, Thành phố Bắc Ninh	UBND thành phố Bắc Ninh	299.740,000	163.328,4	71.579,7	133.962,31	1135/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	227.055,721	136.224,00	-
6	Dự án ĐTXD công trình THCS trọng điểm Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	87.143,000	99.799,2	43.930,4	150.434,83	1793/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	79.284,842	121.203,00	29.231,830
7	Dự án ĐTXD trung tâm Văn hóa Luy Lâu, Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành	213.911,000	180.483,0	71.389,9	259.787,93	1772/QĐ-UBND ngày 17/12/2020	208.159,228	253.124,00	6.663,930
8	Dự án ĐTXD khu trung tâm hành chính xã Văn Môn	UBND huyện Yên Phong	69.849,000	18.454,0	10.782,8	47.515,15	612/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	54.741,194	47.515,00	-
<i>I.2</i>	<i>Dự án chưa quyết toán</i>	<i>7</i>	<i>3.583.471,78</i>	<i>1.939.297,00</i>	<i>756.061,30</i>	<i>3.458.085,23</i>			<i>2.729.541,23</i>	<i>539.289,69</i>
9	Dự án ĐTXD hoàn chỉnh nút giao QL.1A - QL.38	UBND thành phố Bắc Ninh	73.591,000	2.700,0	2.251,0	-				-
10	Dự án ĐTXD hệ thống xử lý nước thải thị xã Từ Sơn (Giai đoạn 1)	Sở Xây dựng	916.279,983	479.288,7	208.911,7	1.013.209,80			714.152,00	134.057,800
11	Dự án ĐTXD đường TL277 đoạn từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong (Đoạn qua thị xã Từ Sơn từ Km3+680 đến cầu Đại Đình)	Sở Giao thông vận tải	541.215,000	425.383,0	128.836,3	277.541,23			277.541,23	-
12	Dự án ĐTXD Cải tạo, nâng cấp đường Lý Thái Tổ (đoạn từ TL 295B đến QL1A mới) trung tâm thị xã Từ Sơn và ĐTXD một số công trình trên địa bàn thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn	372.363,050	133.700,0	51.141,9	376.993,56			328.126,00	48.867,560
13	Dự án ĐTXD mở rộng tuyến đường phía Bắc (tuyến số 1) khu tổ hợp SamSung, khu CN Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	63.053,744	89.514,0	35.805,6					-

STT	Tên dự án	Cơ quan nhà nước được ủy quyền	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Diện tích đất đối ứng		Giá trị đất tính tiền sử dụng đất đã được phê duyệt (triệu đồng)	Giá trị quyết toán		Giá trị đã ghi thu, ghi chi (triệu đồng)	Dự kiến nhu cầu ghi thu, ghi chi (triệu đồng)
				Tổng diện tích (m2)	Diện tích tính tiền sử dụng đất (m2)		Quyết định phê duyệt	Giá trị được quyết toán (triệu đồng)		
14	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mở rộng đường trục xã Yên Trung, huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	50.939,000	25.632,3	9.908,6	55.997,31		31.743,00	-	
15	Dự án ĐTXD cải tạo nâng cấp TL 295B (QL1A cũ)	Sở Giao thông vận tải	1.566.030,000	783.079,0	319.206,2	1.734.343,33		1.377.979,00	356.364,330	
<b>II</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>25</b>	<b>7.795.190,71</b>	<b>5.229.884,65</b>	<b>1.685.392,22</b>	<b>775.026,33</b>		<b>449.670,83</b>	<b>293.185,21</b>	
16	Dự án ĐTXD đường vào trung tâm phường Vân Dương	UBND thành phố Bắc Ninh	79.908,000	24.989,0	5.992,30	-			-	
17	Dự án ĐTXD tính lộ 286 cải tuyến mới đoạn từ phường Vạn An đến phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh	Sở Giao thông vận tải	192.308,773	65.010,0	21.152,00	-			-	
18	Dự án ĐTXD công trình đường Bình Than Kéo dài, đoạn từ đường Lê Lai đến đường Lý Quốc Sư, khu Khà Lễ, thành phố Bắc Ninh	UBND thành phố Bắc Ninh	74.245,174	10.000,0	3.500,00	-			-	
19	Dự án ĐTXD HTKT Khu văn hoá Du lịch đền Đám, thị xã Từ Sơn (Giai đoạn I)	Sở Xây dựng	809.289,764	290.900,0	115.892,16	-			-	
20	Dự án ĐTXD đường TL277 đoạn từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong (Đoạn qua huyện Yên Phong từ Km 0+00 đến Km 3+680)	Sở Giao thông vận tải	516.368,804	195.354,7	92.518,00	565.005,00		250.708,83	225.846,166	
21	Dự án ĐTXD Trung tâm văn hóa, thể thao, trường tiểu học và các tuyến đường xã Văn Môn	UBND huyện Yên Phong	585.121,518	242.943,0	102.242,04	-			-	
22	Dự án ĐTXD cải tạo, mở rộng đường giao thông ĐX8 và đường trục xã Yên Trung đoạn từ UBND xã đi Xuân Cai; Xây dựng trường mầm non số 02, xã Yên Trung và xây dựng Nhà văn hóa thôn Yên Lãng	UBND huyện Yên Phong	183.439,000	126.747,7	46.797,51	210.021,33		198.962,00	11.059,330	
23	Dự án ĐTXD HTKT khu trung tâm hành chính và trụ sở UBND xã Đông Tiến huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	188.487,000	296.200,0	124.000,00	-			-	
24	Dự án ĐTXD đường trục khu trung tâm xã Đông Tiến, huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	56.184,000			-			-	
25	Dự án ĐTXD công trình văn hóa, thể thao, nghĩa trang, đường giao thông các thôn xã Đông Tiến, huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	100.709,572	85.978,4	39.495,80	-			-	
26	Dự án ĐTXD đường trục trung tâm thị trấn Chờ, Yên Phong (Giai đoạn 2)	UBND huyện Yên Phong	168.373,996	90.444,0	31.515,00	-			-	
27	Dự án ĐTXD hệ thống hạ tầng kỹ thuật tuyến đường H2 tại Thành phố Bắc Ninh	UBND thành phố Bắc Ninh	633.118,158	451.803,3	142.604,1	-			-	
28	Dự án ĐTXD Trường THCS Nguyễn Đăng Đạo, thành phố Bắc Ninh	UBND thành phố Bắc Ninh	119.727,460	47.500,0	15.780,00	-			-	
29	Dự án ĐTXD trường Mầm non phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh	UBND thành phố Bắc Ninh	66.632,700	33.600,0	10.900,00	-			-	
30	Dự án ĐTXD tôn tạo khu di tích Đền Đô và sông Tiêu Tương	Sở Xây dựng	667.333,905	349.800,0	122.590,00	-			-	

STT	Tên dự án	Cơ quan nhà nước được ủy quyền	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Diện tích đất đối ứng		Giá trị đất tính tiền sử dụng đất đã được phê duyệt (triệu đồng)	Giá trị quyết toán		Giá trị đã ghi thu, ghi chi (triệu đồng)	Dự kiến nhu cầu ghi thu, ghi chi (triệu đồng)
				Tổng diện tích (m2)	Diện tích tính tiền sử dụng đất (m2)		Quyết định phê duyệt	Giá trị được quyết toán (triệu đồng)		
31	Dự án ĐTXD đường Trịnh Xá-Đa Hội	Sở Giao thông Vận tải	1.388.633,000	1.460.000,0	305.831,0	-				-
32	Dự án ĐTXD các công trình giao thông, giáo dục đào tạo, văn hóa thể thao, trụ sở làm việc các cơ quan nhà nước trên địa bàn 02 xã Hương Mạc và xã Tam Sơn, TX Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn	699.180,028	396.200,0	136.600,0	-				-
33	Dự án ĐTXD trụ sở hành chính xã Yên Phú, huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	35.521,383	80.000,0	16.681,8	-				-
34	Dự án ĐTXD đường giao thông T6, T7, T8 trung tâm huyện lỵ Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành	56.279,716	65.122,0	22.615,0	-				56.279,716
35	Dự án ĐTXD Đài tưởng niệm huyện Thuận Thành	UBND huyện Thuận Thành	44.825,658	43.792,6	13.118,4	-				-
36	Dự án ĐTXD đường liên xã Dũng Liệt, Tam Đa, Đông Phong huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	429.197,558	325.600,0	116.375,5	-				-
37	Dự án ĐTXD khu trung tâm thể dục thể thao thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn	238.840,383	213.500,0	74.833,3	-				-
38	Dự án ĐTXD cải tạo hồ Đại Đình và nâng cấp đường chợ Lã, phường Tân Hồng, thị xã Từ Sơn	UBND thị xã Từ Sơn	68.997,740	35.000,0	10.918,4	-				-
39	Dự án ĐTXD các công trình giáo dục, đường giao thông xã Yên Trung, huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong	142.284,994	95.700,0	37.600,1	-				-
40	Dự án ĐTXD các công trình trường THCS, đường giao thông trên địa bàn xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du	250.182,423	203.700,0	75.839,9	-				-
<b>III</b>	<b>Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương tiếp tục thực hiện</b>	<b>1</b>	<b>4.656.044,000</b>	<b>4.750.000,00</b>	<b>1.495.731,0</b>	-	-	-	-	-
41	Dự án ĐTXD tuyến đường dọc kênh B2	Sở Giao thông Vận tải	4.656.044,000	4.750.000,0	1.495.731,0	-				-